

嶺 南 捉 怪 傳

TRẦN-THẾ-PHÁP

1200 -

LĨNH-NAM
CHÍCH QUÁI

Bản dịch
của
LÊ HỮU MỤC

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà Sách KHAI-TRÍ

62, Đại lộ Lê-Lợi

SAIGON

LĨNH-NAM CHÍCH-QUÁI

*Bản này dịch theo bản chép tay của
thư-viện Phạm - Quỳnh số H. 42 do
nhà Nhận-Thức và nhà Khał-Trí sao
lại. Những chỗ sửa-chữa đều có ghi chú.*

TRẦN-THẾ-PHÁP

LĨNH-NAM CHÍCH-QUÁI

Bản dịch
của
LE-HỮU-MỤC
Giảng-sư Viếtn Đại-Học Huế

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

LỜI NÓI ĐẦU

Lĩnh-Nam Chích-Quái và Việt-Điện U-Linh Tập là hai văn-phàm có liên-quan với nhau, bởi vậy, trong khi tác-phàm của Lý-Tế-Xuyên đang được ấn-hành thì chúng tôi cũng cho tác-phàm của Trần-Thế-Pháp lên khuôn. Phương-pháp nghiên-cứu tác-phàm này vẫn là phương-pháp nghiên-cứu quyền trước. Những điều đã chú-lích ở quyền trên sẽ không nhắc lại ở cuốn sau.

Bản Lĩnh-Nam Chích-Quái này được dịch theo một bản chép tay do Phạm-Quỳnh đã thuê viết lại. Nhà học-giá Phạm-Quỳnh trong khi cho người sao-lục những bản cõ-văn thường sửa-chữa lại những điểm mà ông cho là sai. Do đấy, bản chép tay mà chúng tôi gọi là bản Phạm-Quỳnh này có nhiều chỗ khác với những bản A.33, A.749, A.750, A.1200, A.1300, A.1897, A.1920 v. v . . . mà Gaspardone đã nhắc tới trong Bibliographie Annamite. Chúng tôi sẽ có dịp làm hiệu-bản một khi có đầy-đủ những bản chép tay của Lĩnh-Nam Chích-Quái.

Bản phiên-dịch cũng như phần dẫn nháp chắc-chắn còn nhiều khuyết-diểm ; chúng tôi nhận thấy còn có thể nghiên-cứu tác-phàm một cách kỹ-lưỡng hơn nếu có đầy-đủ thời-giờ và phương-tiện, nhưng chúng tôi cũng nghĩ rằng nếu không bắt đầu bằng chỗ bắt đầu thì không có một công cuộc gì được khởi-sự ; do đấy, chúng tôi mạnh-bạo cho ấn-hành tập sách này để góp phần vào việc soạn-thảo một bộ Việt-Nam Văn Học Toàn-Thư hiểu đúng nghĩa của chữ Toàn-Thư. Trong tinh-thần này, những tác-phàm cõ-văn như Khóa-Hu-Lục, Thiền-Uyên Tập Anh, Nhị-Khê Thi-Tập, Úc-Trai Thi-Tập, Kiến-Văn Tiều-Lục, Hoằng-Việt Thi-Tuyễn và Hoằng-Việt Văn-Tuyễn v. v . . . đã nghiên-cứu và phiên-dịch xong, sẽ được lần lượt ấn-hành.

Chúng tôi mong rằng những nỗ-lực của chúng tôi sẽ được các học-giá trong nước, các bạn giáo-sư, sinh-viên và học-sinh ián-thành ủng-hộ để cho công-cuộc nghiên-cứu của chúng tôi được phò-biến một cách sâu rộng.

Huế ngày 1-2-1960
LÊ - HỮU - MỤC

DÂN - NHẬP

I. Nhán-dè của tác-phẩm :

Các nhà khảo-cứu về *Lĩnh Nam*: *Chich Quái* tì-dụ *Gaspardone*, *Dương-Quảng-Hàm*, *Hoa-Bằng*, *Maurice Durand v.v.*... đều viết tên của tác-phẩm là *Lĩnh Nam Trich Quái*, chua-chữ *trich* là 捷, và hiều 捷 nghĩa là gom-góp lượm-lặt; trong bài *Bibliographic Annamite* (¹), *Gaspardone* đã dịch *Lĩnh Nam Trich Quái* là *Recueil des êtres extraordinaire du Lĩnh Nam*, nghĩa là chữ *trich* đã được hiểu theo nghĩa chữ *recueil*, một tập thu gom những bài đã có sẵn. Cố giáo-sư *Dương-Quảng-Hàm*, trong *Việt-Nam Văn-Học Sú-Yếu*, tuy đã chua-chữ *Trich* là 捷, nhưng cũng đã hiểu *Trich* là nhặt lấy, là gộp nhặt (²). Như vậy chữ *Trich* đã được chua hai cách khác nhau, nhưng đã được hiểu theo một nghĩa. Sự thực ý-nghĩa của hai chữ 捷 và 捷 trái ngược hẳn nhau; theo Từ Hải thì 捷 phải đọc là *chi ich thiết*, âm *chich*, và nghĩa là từ trên đất mà lượm-lặt lên; do đấy, 捷 đọc là *Chich* cho đúng cách phát âm (³) diễn-tả hành-động của một người cùi xuống để lấy một vật gì ở dưới lên; cái ở dưới đất là một cái gì tầm thường, là cát bụi chẳng hạn, một cái gì lè-lé, rời-rạc, không có giá-trị; về văn-chương thì những cái tầm thường ấy có thể là những mẩu chuyện vu-vơ, một vài tình-liết không có liên-lạc gì với nhau, nay đtoc một nhà tri-thức *chich* lên, nghĩa là thu gộp lại, sắp-đặt cho có đầu đuôi, rồi tổ-chức những tình-

(1) đăng trong *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient*, tome XXXIV, № 1-2, pp. 1-174.

(2) *Việt-Nam Văn-Học Sú-Yếu*, trang 251.

(3) Người Trung-Hoa đọc 捷 là zh, ghi âm là 生.

tiết vụn-vặt khi trước thành một câu chuyện có hệ-thống, có ý-nghĩa. Phải phân-tích sâu-xa chữ *chich*, ta mới thấy sự gộp phẫn quan-trọng của tác-giả *Lĩnh Nam Chích Quái* trong công-cuộc duy-trì và phát-huy những giá-trị cũ của dân-tộc ; từ những câu chuyện Hồng-Bàng, Ngu-Tinh, Mộc-Tinh mà có lẽ người bình-dân đã được nghe lõm-bõm dày dó, ông đã đúc-kết thành một câu chuyện hấp-dẫn về đời Hùng-Vương, trình-bày cả một bức tranh lịch-sử linh-hoạt và sinh-dộng, người nghe đã bị chinh-phục hoàn-toàn đến nỗi ngộ-nhận đó là một câu chuyện có thực.

Ngược lại, chữ 摘 (1) có một ý-nghĩa khác hẳn ; nó diễn-tả cù-chỉ của một người giơ tay ra dè hái những quả đã có sẵn ở trên cây ; việc làm của người ấy không có gì là mới-mẻ ; quả hái được vẫn giữ những màu sắc cũ ; một đời khi những màu-sắc ấy có thể phai nhạt đi, quả hái được cũng có thể héo khô đi. Nói một cách rõ hơn, chữ 摘 không bao-hàm một cù-chỉ sáng-tạo ; nó chỉ việc lấy của người ta đã làm sẵn-sàng mà sử-dụng ; dĩ-nhiên, trích cũng một đời khi già-thiết một sự lựa chọn, nhưng dù sao, sự lựa chọn ấy cũng chỉ là một sự lựa chọn những cái đã hình-thành, chẳng hạn những mẩu chuyện đã được viết xong, những tình-tiết đã được sắp-dặt một cách ngăn-nắp. Do đấy, công việc *chich* 摘 tích-cực bao nhiêu thì công việc *trich* 摘 tiêu-cực bấy nhiêu ; *chich* càng sáng-tạo thì *trich* càng máy-móc.

Vì những lý-do đó, công việc của tác-giả *Lĩnh Nam* là đã *chich quái* chứ không phải *trich quái* ; bao nhiêu những chuyện truyền-kỳ của ta xưa, ông đã khép-cứ dè nguyên như vậy mà góp nhặt thành sách ; công việc ấy quá dễ-dàng ; nhưng đảng này, tác-giả đã *chich quái* nghĩa là từ những mẩu chuyện bé nhở rơi-rớt trong dân-gian, ông xây nên một lâu-

(1) Được là *Trich* như thường-lập.

đài truyện cổ nguy-nga ; từ những cát bụi muôn phương, ông trau-chuốt thành châu ngọc. Công sáng-tạo của tác-giả đáng được kề như là công-trình của một nhà tiêu-thuyết ; tác-phẩm của ông là một trong hai tập đoán-thiên đầu tiên của văn-học Việt-Nam. Ta nói đến tác-phẩm như là một sản-phẩm tinh-thần của tác-giả cũng như là một tinh-hoa của cuối đời Trần.

Căn-cứ vào những lý-do trên, tôi đề-nghị nên đề nhan-dề của tác-phẩm này là *Lĩnh Nam Chích Quái*. Những tên khác của tác-phẩm cũng nên viết lại như thế, tỉ-du *Lĩnh Nam Chích Quái Liệt Truyện* ; *Lĩnh Nam Chích Quái Truyền Lục* ; *Lĩnh Nam Chích Quái Lục* ; *Tham-Bồ Lĩnh-Nam Truyền Văn Thần Dị Chích Quái Liệt Truyện*.

II. Trần-Thế-Pháp, tác-giả Lĩnh-Nam Chích Quái.

Những phân-biệt ở trên cho ta thấy sự cần thiết phải biết tên tác-giả.

Đầu tiên, ta không thể theo các nhà khảo-cứu đời Lê mà cho rằng tác-giả của Lĩnh Nam Chích Quái là Vũ Quỳnh hay Kiều-Phú. Trước hết, *Phan-Huy-Ôn* trong cuốn *Thiên-Nam Lịch Triều Liệt Huyện Đặng-Khoa Bị-Khảo*, quyển thứ tư nói về tỉnh Hải-Dương, huyện Đường-An tức là khi nói về quê-quán của Vũ-Quỳnh, đã cho rằng Vũ-Quỳnh, đỗ tiến-sĩ năm 1478 là tác-giả của Lĩnh Nam Chích Quái nhưng điều này, chính Vũ-Quỳnh đã tự cải-chỉnh trước ; trong bài tựa Lĩnh Nam Chích Quái đền năm 1492, ông thú-nhận không biết sách được khởi-tác vào thời nào, hoàn-thành do ai mà tinh-danh bị bỏ khuyết không thấy chép⁽¹⁾ ; như vậy, công việc của Vũ-Quỳnh chỉ là một công việc hiệu-chính, sắp-dặt, là công việc tất-nhiên của một nhà khảo-cứu văn-học và sử-học như Vũ-

(1) 不知始於何時，成於何人，姓名缺不見錄。

Quỳnh ; ta cũng không thể vì công-trình hiệu-chính ấy mà
để tên của Vũ-Quỳnh lên đầu tác-phẩm Lĩnh-Nam Chích-Quái.
Điều này, chính Gaspardone đã nhắc-nhỏ từ năm 1934 khi viết
Bibliographie Annamite. Đã dành bản mà ta phỏng-đoán là
bản chính rất có thể không được bối-cục một cách hợp-lý như
bản đã được Vũ-Quỳnh sắp-đặt lại⁽¹⁾ ; bản chính, nghĩa là
bản mà Vũ-Quỳnh chưa hiệu-dịnh⁽²⁾, chưa được chia thành
quyển, và thứ-tự của các truyện⁽³⁾ khác hẳn với thứ-tự của
các truyện trong bản của Vũ-Quỳnh. Đây là bối-cục của bản
chính, theo như Vũ-Quỳnh đã nói trong bài Tựa, và cũng
dựa theo Phan-huy-Chú trong Lịch-Triều Hiến Chương Loại
chi⁽⁴⁾ :

- | | |
|-----------------|--------------------|
| 1) Hồng-Bàng | 2) Dạ-Soa |
| 3) Bạch-Trĩ | 4) Kim-Qui |
| 5) Tân-Lang | 6) Tây-Qua |
| 7) Chung-Bỉnh | 8) Ô-Lôi |
| 9) Phù-Đồng | 10) Lý Ông-Trọng |
| 11) Chủ-Đồng-Tử | 12) Thời-Vỹ |
| 13) Từ-Đạo-Hạnh | 14) Dương-Không-Lộ |
| 15) Ngu-Tinh | 16) Hồ-Tinh |
| 17) Nhị-Trung | 18) Tân-Viên |
| 19) Nam-Chiếu | 20) Man-Nương |
| 21) Tô-Lịch | 22) Mộc-Tinh. |

Bối-cục này không được hợp-lý vì không tôn-trọng thứ-tự thời-gian ; truyện Hồng-Bàng đi với truyện Ngu-Tinh, Hồ-Tinh, Mộc-Tinh, biều-duong những vĩ-tích của Lạc-Long-Quân thì truyện Hồng-Bàng được sắp ở số 1, Ngu-Tinh số 15, Hồ-Tinh số 16 và Mộc-Tinh số 22 ; truyện Ô-Lôi xảy ra

(1) Theo tình-trạng tài-liệu hiện-hữu, khó lòng biết rõ được bản nào là bản chính.

(2) Xin đọc bài tựa của Vũ-Quỳnh.

(3) Bản chính có 22 truyện

(4) Quyển 45.

dời Trần-Dụ-Tôn (1341 - 1357) lại được đề trước truyện Nhị-Trung v. v. . . . Vũ-Quỳnh đã thấy những khuyết-diêm này và đã sắp đặt theo như mục-lục mà ta đọc ở sau bài Tựa của tác-phẩm này. Tuy vậy, việc làm của Vũ-Quỳnh cũng không được đúng lắm ; đáng lẽ ra ông phải tôn-trọng bối-cục của tác-giả, và chỉ được phê-bình những khuyết-diêm của bối-cục ấy ở một chỗ khác. Công việc chỉ có thể mà Vũ-Quỳnh đã được coi là tác-giả của Lĩnh-Nam Chích Quái thì thực là một điều lạ.

Trong khi Phan-Huy-Ôn công-nhận một cách sai lầm như thế, thì Nguyễn-Hoàn cũng sai lầm không kém. Trong *Đại-Việt Lịch-Triều Đặng-Khoa-Lục* (¹) ghi tên những thi-sinh trúng-tuyền các kỳ thi từ năm 1075 đến năm 1787; Nguyễn Hoàn, trong quyển 1, tờ 20 đã cho Kiều-Phú là tác-giả của Lĩnh-Nam Chích Quái ; Kiều-Phú người xã Lạp-Hạ, huyện Ninh-Sơn (nay là phủ Quốc-Oai, Sơn-Tây) sinh năm 1447 và đỗ tiến-sĩ năm 1475 ; như vậy, ông chỉ là một người đồng-thời với Vũ-Quỳnh vì Vũ-Quỳnh sinh năm 1453 ; nếu Vũ-Quỳnh công-nhận Lĩnh-Nam Chích Quái đã được khởi-thảo từ đời Lý hay đời Trần (²) thì Kiều-Phú không thể là tác-giả của cuốn Lĩnh-Nam Chích Quái ; tựa của Kiều-Phú đề năm 1493, nghĩa là sau bài Tựa của Vũ-Quỳnh một năm, không thè nào ông dám nhận cho ông cái vinh-dự làm tác-giả cuốn Lĩnh-Nam Chích Quái (³).

Nếu Vũ-Quỳnh và Kiều-Phú không phải là tác-giả của Lĩnh-Nam Chích Quái thì ai là người đã sáng-tác ra nó ? Tôi có thể nói người đó là *Trần-Thế-Pháp*.

(1) Thường gọi tắt là *Đặng-Khoa-Lục*, gồm 4 q. tựa đề năm 1779.

(2) Xem kỹ bài Tựa.

(3) Xin nhắc lại đây đang nói đến bản chính, nghĩa là bản gồm 22 truyện kè trong quyển 1 và q. 2 ; còn q. 3 là phần của một nho-sí họ Đoàn.

Không ai biết rõ về Trần-Thế-Pháp cả. *Toàn Thư* cũng như *Sử-Ký* không thấy nhắc đến tên ông; *Bí-Khảo* cũng như *Đặng-Khoa-Lục* cũng vậy. Theo Lê-Quý-Đôn thì *Trần-Thế-Pháp* là người huyện *Thạch-Thất* (Sơn-Tây) và có tên hiệu là *Thúc-Chi*. Ông đã không có cái hán-hạnh được sủ-sách nhắc-nhỏ đến tên, nhưng ông được người bình-dân quen biết, bởi vậy, trong *Kiến-Văn Tiêu-Lục* (1), Lê-Quý-Đôn đã viết « Lĩnh-Nam Chích-Quái, 1 q. (2) tương-truyền là tác-phẩm của Trần-Thế-Pháp; bài Tựa Nam-Bản của Thiếu-Vi cũng nói thế; không biết Thế-Pháp là người xứ nào » (3). Giọng nói của Lê-Quý-Đôn là một giọng nói khẳng định; ông chỉ không biết Thế-Pháp là người ở đâu, nhưng ông cho rằng theo lời người ta nói thì Trần-Thế-Pháp là người đã viết ra Lĩnh-Nam Chích-Quái; sợ rằng hai chữ « tương-truyền » chưa đủ mạnh-mẽ để cho người đọc tin, ông vội-vã nói thêm đây cũng là chủ-trương của Thiếu-Vi trong Nam-Bản; ta tiếc không biết Thiếu-Vi là ai và Nam-Bản là gì, nhưng nếu đã là người mà tác-giả đã dùng để tăng-cường cho uy-tín của mình thì nhất định phải là một người đáng kề, nhất là người ấy cũng từng là một người có vinh-dự để tựa cuốn Lĩnh-Nam Chích-Quái. Do đây, trong khi chờ đợi những bằng-chứng xác-dáng hơn, ta có thể coi *Trần-Thế-Pháp* là tác-giả của Lĩnh-Nam Chích-Quái chính-bản, gồm 22 truyện mà ta đã liệt-kê ở trên; 19 truyện phụ-lục là của một nho-sĩ họ *Đoàn* dời nhà Mạc đã thêm vào; ta sẽ không chú ý đến phần phụ-lục này (tức Lĩnh-Nam Chích-Quái quyển 3) cũng như ta sẽ không nói tới quyển *Tục-Biên Lĩnh-Nam Chích-Quái Liệt Truyện*

(1) quyển 4, trang 4a.

(2) tức là cuốn chưa được Vũ-Quỳnh hiệu-chỉnh. Tuy là 1 q. nhưng gồm 22 truyện.

(3) 越南摭怪一書，相傳爲陳世法作，少徵南本亦有之，不知世法何處人。

đó *Nguyễn-Nam-Kim* đã hoàn-thành, quyền *Lĩnh-Nam Chích-Quái Tiếm-Đỉnh* của một nho-sĩ vô-danh⁽¹⁾ v. v. . . .

III. Soạn-niên của Lĩnh Nam Chích Quái :

Vì không biết Trần-Thế-Pháp là người thời nào, ở đâu, ta khó lòng xác-dịnh được soạn-niên của Lĩnh-Nam Chích-Quái, nhưng ta có thể lý-luận để thử tìm hiểu tác-phẩm đã được viết vào khoảng những năm nào.

Đầu tiên, căn-cứ vào bài Tự của Vũ-Quỳnh để năm 1492 trong đó nhà hiệu-chính thú-nhận không biết Lĩnh-Nam Chích-Quái đã được hoàn-thành vào thời-kỳ nào, ta có thể nói tác-phẩm đã được viết lâu năm trước thế-hệ của Vũ-Quỳnh. Vũ-Quỳnh sinh năm 1453, đỗ tiến-sĩ năm 1478, để tựa Lĩnh-Nam Chích-Quái năm 1492, viết xong Đại Việt Thông Giám Thông Khảo năm 1510, như vậy, nhà văn học kiêm sử-gia ấy có đủ phuơng-tiện và học-thức để biết rõ về tác-phẩm và tác-giả mà đã dành chịu không năm được tài-liệu nào đủ biết thời Trần-Thế-Pháp còn sống phải rất xa đối với thời-dai của Vũ-Quỳnh. Ý-kiến này cũng là ý-kiến của Gaspardone. Từ năm 1492 trở lại năm 1428 là năm Lê-Lợi lên ngôi, tình-thế đã được ổn-định, năm này qua uãm khác không xảy ra một biến-cố nào quan-trọng, do đấy, nếu đến năm 1492 mà Vũ-Quỳnh không biết gì về soạn-niên của Lĩnh-Nam Chích-Quái thì từ 1428 trở đi, không có một tài-liệu nào về tác-phẩm nói trên đã được công-bố ; nếu đã có một tài-liệu nào được công-bố thì không có lý-do gì tài-liệu ấy lại bị thất-lạc, không đến tay Vũ-Quỳnh, giữa một thời-kỳ mà không có một biến-cố chính-trị nào có thể làm cho tài-liệu kia bị tiêu-hủy. Như vậy, ta có thể nói soạn-niên của Lĩnh-Nam Chích-Quái phải kè trước năm 1428.

(1) Xin xem Bibliographie Annamite của Gaspardone.

Từ 1428 trở về 1407, lịch-sử trải qua bao nhiêu giai-đoạn khủng-khiếp ; đất nước rung chuyền dưới gót giày xâm-lăng của quân Minh ; giữa khói lửa tai-bời, trước những lời kêu gọi xuất-quân của Giản-Định-Đế, của Trần-Quí-Khoách, của Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi, khó lòng có một nhà nho nào ngồi yên-lặng rõ những cuốn *Tài Quỷ Ký*, *Nam Hải Cổ-Tích Ký* mà ghi lại những chuyện xa-xưa. Nếu nhà nho ấy có can-đảm sáng-tác trong thời-gian này thì những sáng-tác-phẩm ấy đã hồn-quang những cảnh hỗn-loạn của chiến tranh, những hình-ảnh rùng-rợn của máu lửa, hoặc đã là những lời ca-tụng khí-phách anh-hùng như Nghĩa-Sĩ Truyện, những lá thư khuyến-dụ địch như những lá thư hùng-dũng của Nguyễn-Trãi gửi cho quân Minh. Ngược lại, Lĩnh-Nam Chích-Quái mang một nội-dung khác hẳn ; không-khi của tác-phẩm trang-nghiêm nhưng yên-tĩnh ; đâu cũng là hòa-bình, đơn-giản, nghĩa là Lĩnh-Nam Chích-Quái không thể là một tác-phẩm được hoàn-thành trong khoảng thời-gian từ 1407 đến 1427. Như vậy, ta có thể nói rằng soạn-niên của Lĩnh-Nam Chích-Quái là từ khoảng Trần-Dụ-Tôn đến hết đời Hồ, nghĩa là từ 1341 đến 1407 nhưng soạn-niên của tác-phẩm ấy có thể đặt vào cuối đời Trần (1) thì đúng hơn là đặt vào đời Hồ.

Tại sao lại kê từ đời Trần-Dụ-Tôn mà thôi ? Đó là ta căn-cứ vào truyện Hà-Ô-Lôi xảy ra năm Thiệu-Phong thứ 6 tức là năm 1346 đời Trần-Dụ-Tôn. Truyện Hà-Ô-Lôi là truyện thứ 8 trong mục-lục của bản chính và là truyện thứ 21 trong bản hiệu-đính của Vũ-Quỳnh. Vai chính trong truyện là vua Trần-Dụ-Tôn và Hà-Ô-Lôi, một đứa con hoang có tài mà nhà vua rất tin-sưng. Năm Ô-Lôi 15 tuổi, tức là năm 1360 thì được nhà vua dâng vào hàng tần-khách. Năm sau, tức là năm 1361, chàng được mật-lệnh đi chinh-phục cho nhà vua

(1) Maspéro (Protectorat, p.584 n° 1, Etudes, I, p. 26, note).

bà Quận Chúa A-Kim trẻ đẹp nhưng góa chồng ở làng Mộc. Theo sử, từ năm 1358, sau khi Trương-Hán-Siêu và Minh-Tông mất đi, Dụ-Tôn tha hồ tự-do sống phóng-tung, cờ bạc, rượu chè, say-mê ca-kịch đến nỗi đã cướp vợ của kịch-sĩ Dương-Khương mặc dầu bà này đã có mang hai tháng chỉ vì bà này là nữ kịch-sĩ ; bảy tháng sau, Dương-Nhật-Lễ ra chào đời, được làm con nuôi của Dụ-Tôn và trước khi Dụ-Tôn băng-hà đã được chiếu nối ngôi dù Dụ-Tôn còn có một người anh là Cung-Định-Vương Phủ ; Dương-Nhật-Lễ làm vua từ 1369 đến 1370, sau bị Trần-Ngô-Lang lừa vào cung, Tuyên-Vương-Kính đem quân về kinh giết chết, nhưng trước khi chết còn được Cung-Định-Vương (sau đó là vua Nghệ-Tông) chạy đến ôm lấy mà khóc, chứng tỏ anh em vua Dụ-Tông vẫn còn say mê mẹ con Dương-Nhật-Lễ. Ta có thể nói Dương-Nhật-Lễ của lịch-sử là Hà-Ô-Lôi của Lĩnh-Nam Chích-Quái. Cũng một nguồn gốc không có gì đẹp-dẽ ấy, cũng một cái tài về ca-kịch và cũng được mọi người say-mê đến nỗi quên cả địa-vị của họ và bỏ bê trễ cả công việc. Đọc truyện Hà-Ô-Lôi, ta thấy mọi tinh-liết của câu chuyện ăn khớp với đời sống xa-hoa truy-lạc của Trần-Dụ-Tông, từ cái tính quay-cuồng vì nghệ-thuật, những mánh khóc côn-con để săn sắc-dep, đến cái vẻ quyến-dữ của tiếng hát v. v. . . . Phải là một người đương-thời với Trần-Dụ-Tông mới có thể là một chứng-nhận nhẫn-tiền như vậy. Căn-cứ trên câu truyện Hà-Ô-Lôi, ta có thể nói rằng Trần-Thế-Pháp sống vào đời Trần-Dụ-Tông, và cuốn Lĩnh-Nam Chích-quái đã được hoàn-thành ngay sau thời-kỳ ấy, từ 1370 đến 1400.

IV. Nguồn-gốc Lĩnh-Nam Chích-Quái.

Dân-tộc nào cũng vậy, trong giai-doan đầu tiên, cũng sản-xuất ra một số truyện *thần-thoại*, nghĩa là những truyện

linh-quái⁽¹⁾ để giải-thích nguồn-gốc của mình. Thần-thoại nghĩa là nói đến thần, nhưng chữ thần ở đây không nhất-thiết chỉ là những thực-thể siêu-nhiên, vô-hình ; thần ở đây có thể là những thần-thánh, hoặc nửa thần nửa người, hoặc những anh-hùng liệt-sĩ mà những vĩ-tinh oai-linh trong thế-gian đã liệt vào hàng thần-thánh. Sau truyện thần-thoại là những truyện chắc-chắn đã có từ khi có loài người, ta thấy xuất-hiện nhiều loại truyện *truyền-thuyết* trong đó tính-cách linh-quái đã phai nhạt rất nhiều và các tình-tiết phô-diễn được ẩn-náu dưới những màu-sắc của lịch-sử. Cùng với hai loại này, ta còn nhận thấy loại truyện *cổ-tích*, cốt-yếu ở điểm duy-trì và phát-huy những phong-tục, những tập-quán, những qui-ước luân-lý cũ. Phản-tich ba khuynh-hướng này trong truyện truyền-miệng của ta xưa, ta thấy rõ-ràng nguồn-gốc của Lĩnh-Nam Chích-Quái.

Đầu tiên về phương-diện thần-thoại, nói theo Lê-Quý-Đôn⁽²⁾, Lĩnh-Nam Chích Quái « giả-thác truyện-hội rất nhiều, không thể kể xiết ». Maspéro⁽³⁾ chứng-minh truyện Hùng-Vương là truyện trích ở các tác-phẩm Trung-Hoa⁽⁴⁾. Nguyễn-Đồng-Chi cho rằng « chiến-tranh giữa Sơn-Tinh và Thủy-Tinh hay chiến-tranh giữa Cường-Bạo Đại-Vương với Thần Sét có nhiều điểm rất giống chiến-tranh giữa thần Chúc-Dong với thần Công-Công trong truyện thần-thoại Trung-Hoa, giữa thần Chang Lô-Cô với thần Lun-Cung trong truyện thần-thoại của dân-tộc Mán, giữa cua và quạ trong truyện thần-thoại Ba-na ». Przyluski⁽⁵⁾ có cảm-tưởng đã đọc truyện

(1) danh-từ ghép hai chữ *u-linh* của Lý-Tế-Xuyên và chữ *quái* của Trần-Thổ. Pháp đẽ diễn-tả một tánh-cách kỳ-lạ, siêu-phàm. Chữ đồng-nghĩa ở tiếng Pháp là *merveilleux*.

(2) Kiến-Văn Tiêu-Lục, q. IV, 4a.

(3) Etudes d'Histoire d'Annam, IV, BEFEO XVIII, 3, p. 6 s.

(4) Thái-Bisch Hoàn-Vũ-Ký, Thủy-Kinh-Chú.

(5) La princesse à l'odeur de poisson et la nagi in Etudes Asiatiques, 1925, II, tr. 265 ».

Kim-Qui ở đâu rồi bởi vì các miền vùng Nam-Hải ngày xưa đều có những truyện tương-tự. Những quan-diểm này về nguồn-gốc các truyện thần-thoại trong Lĩnh-Nam Chích-Quái không phủ-nhận bản-sắc của truyện này bởi vì cùng năm trong một địa-phương, các dân-tộc Đông-Nam-Á dĩ-nhiên có sự giao-lưu về phuơng-diện văn-hóa. Ngay từ thời Bắc-Thuộc, Triệu-Xương và Tăng-Cồn là hai nhà hành-chính Trung-Hoa đã có cơ-hội biên-tập một ít truyện cổ của ta trong Giao-Châu-Ký đủ biết người Việt đã đủ khả-năng sáng-tạo văn-nghệ từ trước rồi. Còn về những tác-phẩm mà Maspéro (1) đã dẫn, làm thế nào để chứng-minh rằng các tác-phẩm ấy có trước những câu truyện truyền miệng của ta ? Mọi quả-quyết về vấn-dề này đều vội-vã và sai-lầm.

Về loại truyện-thuyết, nguồn-gốc của Lĩnh-Nam Chích-Quái là do sự truyền-khẩu của dân-gian, đúng như lời Vũ-Quỳnh đã nói trong bài Tựa danh tiếng của ông. Những lời truyền-khẩu này căn-cứ trên những hiện-tượng lịch-sử xác-thực, đồng-thời được óc tưởng-tượng hồn-nhiên và phong-phú của nhân-dân tò-diễn đã dựng nên những tinh-tiết lý-thú. Qua những truyện Trầu Cau, Dưa Hấu, Bánh Chung v. v. . . . ta thấy thúc dậy cả một quá-khứ xa-xăm trong những nét vàng son rực-rỡ. Về loại này, nguồn-gốc của Lĩnh-Nam Chích-Quái là óc tưởng-tượng rất sáng-tạo của người Việt, những phong-tục đặc-biệt của ta xưa, những thô-sản mà chỉ riêng ta có.

Sau cùng, về loại truyện cổ-tích, ta có thể tìm thấy ba nguồn-gốc. Nguồn-gốc Trung-Hoa như Việt-Tỉnh, và điều này, chính Lê-Quý-Đôn đã nói đến trong Kiến-Văn Tiêu-Lục ; ngoài ra còn có nguồn-gốc ở khẩu-truyện, ở dã-sử như truyện Lý-

(1) Vì tinh-thần khoa-học, Maspéro ít tin vào dã-sử, nhưng ông quên rằng Bắc-sử cũng có nhiều sự sai-lầm. Vì tự-tôn, rất có thể người Trung-Hoa không cần biết đến Phùng-Hưng chẳng hạn.

Ông-Trọng, truyện Nhị-Trung, Từ-Đạo-Hạnh, Dương-Không-Lộ ; sau cùng, có truyện là tác-phẩm của chính Trần-Thế-Pháp. Có lẽ tác-giả vì một lý-do thận-trọng hay khiêm-tốn nào đó đã dề lẩn-lộn tác-phẩm của mình vào với những truyện truyền miệng, gần giống như La Bruyère của văn-học Pháp, khi xuất-bản cuốn *Les Caractères* lần đầu tiên năm 1688 vì muốn đánh lạc dư-luận, đã phải nhan-dè tác-phẩm của ông là tác-phẩm dịch của một triết-gia Hy-Lạp sống vào thế-kỷ thứ 4 trước Thiên-Chúa Giáng-Sinh (¹). Truyện rõ-rệt là tác-phẩm của Trần-Thế-Pháp là truyện Hà-Ô-Lô.

V. Phân-tích Lĩnh-Nam Chích-Quái.

A. Những truyện thần-thoại :

Đây là những truyện như Hồng-Bàng, Ngư-Tinh, Hồ-Tinh, Mộc-Tinh, Đông-Thiên-Vương, Tân-Viên.

Đầu tiên, ta thử phân-tích truyện Hồng-Bàng, Ngư-Tinh, Hồ-Tinh, Mộc-Tinh mà ta có thể mệnh-danh là *Bốn vĩ-tích* của *Lạc-Long-Quân* (²). Lạc-Long-Quân tên là Sùng-Lãm, con của Kinh-Dương-Vương, con cháu Thần-Nông và Long-Nữ, con gái của thần Động-Đình-Hồ.

Vĩ-tích thứ nhất của Lạc-Long-Quân là triết-hạ Ngư-Tinh. Ngư-Tinh là một quái-vật ăn thịt người ; thân nó dài hơn năm mươi trượng, mặt như mặt người, chân giống như chân rết, biến-hiện như gió bão. Dân-chúng vô-cùng kinh-dị. Lạc-Long-Quân thường dân mới đóng một chiếc thuyền lớn chèo đến tận hang Ngư-Tinh ở giữa biển Đông, rèn một khối sắt rồi bể một người lên giữ cho Ngư-Tinh ăn ; Ngư-

(1) Đây là tên sách mà La Bruyère đã đặt : *Les Caractères de Théophraste*, traduits du grec, avec les Caractères ou les Mœurs de ce siècle.

(2) Ta liên-tưởng đến *Les sept travaux du roi Hercule* trong thần-thoại La-Hy

Tinh hả miệng định nuốt mồi thì khổi sắt nung đỏ đã được lao thẳng vào miệng. Cuộc thủy-chiến giữa Lạc-Long-Quân và Ngư-Tinh bùng nổ dữ-dội. Được sự cộng-tác của Thủy-Dạ-Xoa ngăn gió bão, Lạc-Long-Quân toàn thắng, đầu tiên chém được khúc đuôi của Ngư-Tinh, sau chém được khúc đầu. Ngư-Tinh chỉ còn một khúc giữa nỗi lèn-bèn trên mặt biển.

Vĩ-tích thứ hai là diệt-trù Hồ-Tinh chin đuôi. Con hồ này là một con yêu-quái đã sống hơn một ngàn năm, chuyên môn dụ-dỗ con trai con gái vào hang để làm gì không biết. Lạc-Long-Quân sai bộ-hạ lái nước sông vào làm cho hang của hồ-tinh bị ngập lụt trôi đi để lại một cái vực sâu nay gọi là Tây-Hồ. Lạc-Long-Quân còn dùng bùa phép trấn-yểm để cho hồ-tinh không lai-vãng đến được nữa.

Vĩ-tích thứ ba của Lạc-Long-Quân là cộng-tác với thần-phụ là Kinh Dương-Vương để sát-hại Mộc-Tinh. Mộc-Tinh nguyên là cày chiên-dàn sống hơn ngàn năm, thân cao nghìn tầng nên biến thành yêu-tinh hay ăn thịt người, mỗi năm phải chọn một người cho nó ăn nó mới để cho dàn-chúng yên-ôn. Kinh-Dương-Vương và Lạc-Long-Quân thắng được yêu-tinh nhưng cuộc giao-chiến rất khủng-khiếp ; Mộc-Tinh không bị giết mà chỉ thua chạy để rồi được nhàn-dàn suy-tụng là thần Xương-Cuồng.

Vĩ-tích thứ tư của Long-Long-Quân là bắt côc nàng Âu-Cơ, vợ yêu của Đế-Lai. Đế-Lai chống-cự mãnh-liệt nhưng Lạc-Long-Quân có sức mạnh quán-thể lẽ nào lại chịu bỏ tay, nhất là khi Âu-Cơ đã thỏa-thuận chung sống với chàng. Đế Lai buồn-bã trở về Bắc, sau bị hại vào tay Hoàng-Đế.

Truyện thần-thoại thứ hai là truyện Đồng-Thiên-Vương tức truyện Thánh Gióng. Câu truyện xảy ra đời Hùng-Vương thứ ba, tức là đời khuyết-sử. Trong khi Hùng-Vương đang lo-âu vì bị Ân-Vương đàm-áp thì Long-Quân

xuất-hiện báo trước sự giáng-sinh của một kỳ-nhi. Kỳ-nhi giáng-thể, ba năm qua rồi mà vẫn chưa biết nói ; một hôm, một sứ-giả đến làng Phù-Đồng tức là làng của kỳ-nhi và kỳ-nhi bỗng biết nói ; sau đấy, kỳ-nhi lớn như thổi, cưỡi ngựa sắt xông ra mặt trận, gươm sắt của kỳ-nhi vung lên làm cho lực-lượng của Ân-Vương tan-tành. Nạn can-quá chấm dứt, kỳ-nhi cõi ngựa bay thẳng lên trời, chỉ để lại cho thế-gian một vết chân trên núi đá.

Truyện núi Tân-Viên cũng là một truyện thần-thoại rất lý-thú. Thần Tân-Viên hay là Tân-Viên-Sơn Đại-Vương là một trong số năm mươi người con trai của Lạc-Long-Quân theo bố lên núi. Đại-Vương từ phía cửa Thần-Phù mà đi lên, thường thích dừng chân ở những nơi đồi núi để ngắm cảnh. Sau Đại-Vương cùng với Thủy-Tinh cùng đến hỏi My-Nương ; Vương được My-Nương nhưng bị Thủy-Tinh muôn đời căm-thù, lúc nào cũng muốn làm cho hạnh-phúc của Vương ngập lụt trong cơn phẫn-nộ của chàng.

Như vậy, qua phần phân-tích trên, ta thấy rằng truyện thần-thoại trong Lĩnh-Nam Chích-Quái là những truyện giải-thich nguồn-gốc của dân-tộc Việt Nam, biểu-dương những công-trình gian-khổ của tổ-tiên trong nỗ-lực xây-dựng đất nước, đề-cao tính-cách thần-thánh của giống-nòi. Ta không dám nói đó chỉ là những chuyện hoang-đường, bởi vì truyện dù hoang-đường đến đâu cũng chứa đựng một phần sự thực và truyện thực đến đâu cũng pha-trộn với chút hoang-đường. Tính-cách nổi bật trong loại truyện này là thần-lực đã giữ một vai-trò chủ-yếu, nhưng thần-lực tám-trợ cho nhân-lực để cho nhân-lực thực-hiện được những vĩ-tích siêu-phàm. Các nhân-vật trong truyện còn mang những kích-thước kỳ-dị của thời-đại ban-sơ ; không-khi còn thơm mùi đất mới ; cả thế-gian đang bừng nở trong ánh nắng buổi đầu.

B. Những truyện truyền-thuyết :

Sau truyện thần-thoại là truyện truyền-thuyết. Truyện này không biểu-dương năng-lực của giống-nòi trong quá-khứ mà chỉ giải-thích lý-do của một phong-tục, biện-minh nguồn-gốc của một hiện-tượng lịch-sử hay địa-lý. Dĩ-nhiên thời-gian của câu truyện vẫn có thể là thời tiền-sử như truyện Trầu Cau, Truyện Bánh Chung, Dưa Hấu, hoặc trong những thời-đại sau như trong truyện Kim-Qui v. v. . . . Truyện thường được dựng trong khung-cảnh của một di-tích lịch-sử mà ý-nghĩa đã bị lớp bụi thời-gian làm phai mờ ; đó là truyện Kim-Qui, một truyện truyền-thuyết lịch-sử ; có khi truyện nhắc lại nguồn-gốc sâu-xa của một tập-tục như truyện Trầu Cau, truyện Bánh Chung và đó là những truyện truyền-thuyết phong-tục ; ngoài ra, còn có những truyện truyền-thuyết giải-thích một hiện-tượng địa-lý, ví-dụ truyện Dưa Hấu, truyện sông Tô-Lịch.

1) Lịch-sử :

Về loại truyện truyền-thuyết lịch-sử, ta có thể kể truyện Kim-Qui là một truyện điển-hình. Truyện và lịch-sử có thể xác-nhận An-Dương-Vương không phải là một nhân-vật hoang-đường. Theo Giao-Châu Ngoại-Vực-Ký (¹) viết vào thế-kỷ thứ 3 thì Triệu-Đà « cùi chúng công An-Dương Vương », như vậy An Dương-Vương thực-sự là một nhân-vật lịch-sử, mặc-dầu bị Maspéro phủ-nhận (²). Nhưng câu chuyện xảy ra giữa An-Dương-Vương và Triệu-Đà đã được nhà viết truyện truyền-thuyết sắp-dặt lại. Mở đầu là dòng-dỗi của An-Dương Vương và mối thù truyền kiếp của nhà vua với Hùng-Vương mà duyên-do cũng chỉ là một câu truyện tình. Sau đây là những nỗi

(1) quyển 37, tờ 4 b, cột 8-12, theo dẫn-chứng của René Despierres trong Cù-Loa, Capitale du Royaume Âu-Lạc, trang 22.

(2) Xem Thông-Báo, quyển 23 (1924), trang 373-393.

khó-khăn của nhà vua khi xây thành, việc nhà vua gấp một ông già từ phương Tây đi đến báo cho nhà vua biết sự cộng-tác của Sú-Giả Thanh-Giang tức thần Kim-Qui. Thế rồi tác-giả kể lại những phút sôi-nỗi khi thần Kim-Qui đương đầu với chủ quán Ngộ-Không là người đã dùng tà-thuật để làm cho thành của An-Dương Vương bị lây đổ. Ngộ-Không thất bại, quỉ-tinh tan-rã, thành Cồ-Loa được xây cất, nhưng lúc thần Kim-Qui ra đi là lúc An-Dương Vương gấp khó-khăn với Triệu-Đà. Triệu-Đà không thắng được Vương vì Vương có nỗ thần của Kim-Qui trao tặng. Một mưu nhỏ của Đà đã đủ làm cho Trọng-Thủy là con thành phò-mã và chính vì sự nhẹ-dạ của My-Nương mà Trọng-Thủy biêt được bí-quyết của Vương và làm cho Vương thất-bại. Trên đường đi tìm thần Kim-Qui, Vương đã giết My-Nương ; Trọng-Thủy tìm đến với nàng thì chỉ còn ôm-ấp một thây ma đã lạnh ngắt. Thành Cồ-Loa vẫn còn đấy cùng với giếng Trọng-Thủy, cách Hà-Nội 17 cây-số về phía Đông quan-lộ số 3, ở giới-hạn hai tỉnh Bắc-Ninh và Phúc-Yên. Câu truyện có lẽ chỉ có một phần nào đúng sự thực, và khung-cảnh sẵn có của thành Cồ-Loa chắc đã cung-cấp nhiều tài-liệu cho nhà làm truyện vốn giàu tưởng-tượng sáng-tạo. Nhà viết truyện truyền-thuyết chỉ cần một di-tích lịch-sử đã đủ xây-dựng nên cốt-truyện. Cái tài của ông là tìm cho những thành-phần của di-tích lịch-sử ấy một sự liên-lạc hợp-lý. Sự liên-lạc hợp-lý ấy đã có trong truyện Kim-Qui.

2) *Phong-tục :*

Về loại phong-tục, ta có thể kể hai truyện điển-hình là *Trầu Cau* và *Bánh Chung*.

Truyện Trầu Cau giải-thích tục-lệ ăn trầu và cưới xin của ta. Đó là truyện của hai người anh em ruột là Cao-Tân và Cao-Lang đang ở thuận-hòa với nhau thì bỗng nhiên một người con gái đến làm cho hạnh-phúc của họ tan-vỡ. Người

ém buồn-bã đi lang-thang rồi chết hóa thành cây ; người anh về sau cũng chết hóa thành một tảng đá ; người vợ thương chồng đi tìm cũng lại chết hóa thành cây trầu. Sau đây Hùng-Vương biết truyện và tình-cờ khám-phá ra cái thú ăn cau trầu. Đó là một cách bóng-bầy để nói đến cẩn-bản của hồn-nhân Việt-Nam là ái-tình.

Truyện Bánh Chung kể lại sự qui-trọng của người Việt-Nam đối với bánh dày và bánh chưng. Nguồn-gốc của hai thứ bánh ấy có tính-cách thần-thánh vì chính thần-thánh đã báo mộng cho Lang-Liệu biết cách làm bánh. Bánh dày hình tròn là hình trời ; bánh chưng hình vuông là hình của đất, nhân là chất làm cho trời đất có liên-hệ và do đấy có sinh-sản.

Hai truyện này được xếp vào loại truyền-thuyết vì tính-cách giải-thích của truyện quá rõ-rệt ; lời giải-thích rất khách-quan và có cứ-diễn trong thực-tại. Có lẽ ý-định giáo-huấn cũng cảm thấy thấp-thoảng sau khung của câu truyện, nhưng ý-định ấy chỉ gián-tiếp và hoàn-toàn phụ-thuộc. Bởi vậy, ta không xếp những truyện này vào loại cỗ-tích bởi vì cỗ-tích bao giờ cũng chứa-dụng một ý-hướng giáo-huấn.

3) Địa-lý :

Truyện truyền-thuyết còn có một tính-cách là giải-thích một hiện-tượng địa-lý. Trong Lĩnh-Nam Chích-Quái, hiện-tượng đó là sự sản-xuất dưa hấu của ta và lịch-sử sông Tô-Lịch.

Tại sao ta chú-ý đến việc trồng-tả dưa hấu ? Nhà viết truyện truyền-thuyết giải-thích cho ta hiểu nguồn-gốc của cây dưa hấu ở nước ta. Đây cũng là một nguồn-gốc thần-thánh vì chính chim — sứ-giả của trời — đã mang hạt dưa đến cho An-Tiêm lấy giống. An-Tiêm đã tin ở trời ; vì lòng tin ấy mà An-Tiêm bị Hùng-Vương nghi-ky rồi đày ra một hòn đảo hoang-vắng ; bị đày ải, An-Tiêm vẫn tin ở trời, và tin ở cần-

lao. Trời đã cảm-động trước cuộc đời nhân-nại ấy và đã sai chim mang hạt dưa đến. Nhờ dưa, An-Tiêm đã sống sung-túc và làm hòa được với Hùng-Vương.

Ngoài ra, ta còn có sự-tích sông Tô-Lịch kể trong truyện Nam-Chiếu. Tô-Lịch là tên một vị thần tóc trắng xoa mà Cao Biền thường thấy xuất-hiện ở một phụ-lưu của sông Cái ; sau đấy, Biền lấy tên của thần để đặt cho tên sông. Đó là sông Tô-Lịch.

Những truyện này là những giai-thoại liên-can đến lịch-sử, phong-tục hay địa-lý. Những giai-thoại này không được chính-sử nhắc đến nhưng chúng rất ích-lợi để cho ta hiểu rõ bộ mặt sau của sử-học, địa-lý và phong-tục-học.

C. Những truyện cỗ-tích :

Trong khi truyện thần-thoại nói về thần-thánh thì truyện cỗ-tích nói về người với một mục-đích ám-tàng hay hiền-thị là giáo-huấn người ấy theo tinh-thần của câu truyện đã xảy ra ngày xưa, bởi vậy, truyện cỗ-tích thường có tính-cách luân-lý. Trong Lĩnh-Nam Chích-Quái, ta có thể phân-biệt nhiều loại cỗ-tích.

1) Lịch-sử :

Đầu tiên là loại cỗ-tích lịch-sử đề-cập đến một nhân-vật lịch-sử như Lý-Ông-Trọng, sau đấy cường-diệu nhân-vật ấy bằng những nét mạnh-bạo hơn cốt nhẫn mạnh vào một ưu-diềm nào như truyện Không-Lộ, Giác-Hải, hoặc tò-diềm cho truyện thêm những nét kỳ-dị khác thường, tỉ-dụ truyện Từ-Đạo-Hạnh và Minh-Không.

Truyện Lý-Ông-Trọng xảy ra cuối đời Hùng-Vương, qua An-Dương-Vương, Tần-Thủy-Hoàng. Lý-Ông-Trọng tên thực là Lý-Thản, thân cao hai trượng ba thước, công-hiến sang Tần-Thủy-Hoàng được trọng-dụng và trở thành một sự sợ-hãi cho Hung-Nô ; ngay sau khi đã chết mà Lý-Thản vẫn

đủ uy-lực làm cho Hung-Nô khiếp-dàm và dàn Trung-Hoa thư-phụng. Truyện cổ-tích này có mục-dich nêu lên những cái hùng-mạnh của dân Việt để tiêu-trừ tinh-thần tự-li mặc-cảm của người mình đối với Bắc-Phương.

Truyện Không-Lộ và Giác-Hải kề lại tiều-sử của hai vị thiền-sư danh tiếng đời Lý cốt đề-cao cuộc đời tu-hành khồ-hạnh của hai ngài, trình-bày một tấm gương sáng về đạo-đức cho người đời noi theo.

Truyện Tù-Đạo-Hạnh và Minh-Không cũng vậy, nhưng nhiều chi-tiết ly-kỳ đã được thêm thắt ra để cho đời sống của hai vị ấy có một màu-sắc đặc-biệt hấp-dẫn.

2) Thể-sự :

Loại cổ-tích thể-sự trình-bày những bức-tranh tả-chân về người đời, lột trần những hành-vi xấu-xa giả-dối của họ, tố-cáo những cảnh bất-công ngang-trái của đời người.

Truyện Man-Nương đưa ra ánh sáng đời sống mâu-thuẫn của một tăng-già, một đảng chăm-chỉ tụng-niệm, một đảng lại phạm những tội ác ghê-tòm sau khi đã xâm-phạm tiết-hạnh của một người con gái trong chùa tên là Man-Nương.

Truyện Hà-Ô-Lôi phản-ảnh những nếp sống hư-dốn đời Trần-Dụ-Tôn, tố-cáo cuộc sống bè-tha truy-lạc của các bậc vua chúa ngày xưa, sự dâm-ô của họ không kiêng-nể một ai và sẵn-sàng bênh-vực cho tội-lỗi. Cảnh sống giả-dối của các bà góa cũng được phơi bày bằng những nét thô-bạo. Cả một xã-hội suy-tàn được trưng ra với tất cả những cái xấu-xa bỉ-ôï. Kết-luận của câu truyện là một con người say-mê thanh-sắc như Hà-Ô-Lôi đã bị đền tội một cách xứng-dáng. Xã-hội đã phỉ-nhỗ con người diêm-dâng ấy. Giọng ca đậm-dật của nó không làm cho phong-tục dịu-dàng hơn mà chỉ gày ra những cảnh náo-nức dục-tinh.

Nhưng thế-sự không phải chỉ có những cảnh bế-tắc bi-dát. Truyện Việt-Tỉnh cho ta hiểu rằng cái thiện sẽ thắng thế-gian, đạo-đức bao giờ cũng được trọng thưởng bằng một đời sống đầy-dủ về sau. Thời-Vỹ nhờ công-đức của cha mẹ cũng như của chính mình đã được Ân-Vương muôn đời hàm-ản và tưởng-lệ.

3) *Tinh-cảm :*

Sau cùng, truyện cổ-tích còn mang những màu-sắc tình-cảm rất đậm-dà. Đàm Nhất-Dạ là khung cảnh của một truyện tình thi-vị như ca-dao giữa một công-chúa trẻ đẹp và một bác dân quê chài-lưới nghèo-nàn. Nhưng công-chúa đã gặp chàng đánh cá trong một trường-hợp hết súc tiền-dịnh. Công-chúa tưởng rằng sẽ mãi mãi không lập gia-dinh đã trở về với tình-yêu. Họ đã sống với nhau những ngày chúa-chan hạnh-phúc, trong một tình yêu trong sáng, một tìn-ngưỡng vững-vàng và một tinh-thần lao-dộng rất đáng khen. Tuyệt Đàm Nhất-Dạ đã đưa ra một mô-hình về tình-yêu chân-chính trong tự-do.

VI. Giá-trị của Lĩnh-Nam Chích-Quái.

A. Nội-dung.

Qua phần phân-tích trên, ta thấy Lĩnh-Nam Chích-Quái có những ưu-diểm này về nội-dung :

1) Một căn-bản triết-học chắc-chắn :

Đầu tiên, tác-giả tin vào nguồn-gốc thần-thánh của nhân-loại, nghĩa là tin vào sự sáng-thể, vào uy-quyền tuyệt-đối của Hóa-Công và tính-cách bất-tắt, hữu-hạn của loài người. Luôn luôn giữa Hóa-Công và nhân-loại có một sự liên-lạc chặt-chẽ. Tương-trùng cho quan-niệm này là chiếc bánh chưng và chiếc bánh dày. Cái nhân ở giữa là một yếu-tố quan-hệ của

sự hóa-đục của trời đất. Nhờ sự sáng-tạo, con người xuất-hiện ở trần-gian. Sự hiện-diện ấy không vô-lý vì nó có một ý-nghĩa. Con người hoàn-toàn tự-do trong chấp-thuận hay không chấp-thuận ý-nghĩa ấy. An-Tiêm đã lựa chọn cho đời mình có một giá-trị. Tiên-Dung cũng thế. Kết-quả là Tiên-Dung đã sống một cuộc đời vật-chất hoàn-toàn sung-sướng trong hiện-tại và hai vợ chồng về sau trở thành tiên bay về trời. Cuộc đời có ý-nghĩa là ý-nghĩa trong tự-do. Cả tác-phẩm toát ra cái không-khi tự-do ấy ; nhưng tự-do là tự-do trong một vị-trí, trong một vài điều-kiện. Điều-kiện ấy có thể là cần-lao. An-Tiêm đã lao-dộng cần-cù. Chàng tin ở bàn tay mình cũng như tin ở Thượng-Đế. Trên hai nghìn năm, chàng đã là « tiên-thần » của « ông già và biển cả ». Chủ Đòng-Tử và Tiên-Dung cũng đã cần-lao cặm-cụi, hy-sinh và nhẫn-nại. Điều-kiện ấy là tin yêu. An-Tiêm đã tin và đã yêu. Tiên-Dung cũng đã tin và đã yêu. Điều-kiện ấy là những hàng-dộng vị-tha, những thực-hiện đạo-đức. Thôi-Vỹ xả-kỷ và Thôi-Vỹ đã được sống ở Dao-Trì. Con người là một thực-thể bất-diệt nên sẽ trở về nơi trường-sinh. Xác-thịt có thể tàn-tạ nhưng linh-hồn thì bất-tử. Trần-gian chỉ là một nơi thử-thách tạm-bợ. Dao-Trì, Thủ-Pnú, Thiên-Cung mới là nơi vĩnh-phúc. Đó là lời của Tù-Đạo-Hạnh, Nguyễn-Minh-Không, Không-Lộ và Giác-Hải. Tin-tưởng này dẫn đến một tinh-thần lạc-quan tích-cực và nồng-nhiệt. Tinh-thần lạc-quan tiêu-cực chỉ sinh ra thất-bại, tỉ-dụ trường-hợp An-Dương Vương. Sự thành-thực dù yếu-đuối mà đưa đến tan vỡ cũng sẽ được đền-bù, tỉ-dụ trường-hợp Mỵ-Nương. Sự hối-hận có thể sửa-chữa những tội-ác vô-ý-thílc, tỉ-dụ trường-hợp Trọng-Thủy. Vũ-trụ-quan sâu-xa của Trần-Thế-Pháp cũng như của dân-chúng vô-danh đã gày được một nhàn-sinh-quan rất lành-mạnh.

2) *Tinh-thần đấu-tranh :*

Trước hết là tinh-thần đấu-tranh để thống-nhất dân-tộc. Những vĩ-tích của Lạc-Long-Quân đối-xứng với những giai-đoạn bình-định của xứ-sở. Ngũ-Tinh, Hồ-Tinh, Mộc-Tinh là những lực-lượng phá-hoại ẩn-náu trong dân-chúng làm cho họ điêu-đứng khỗ-sở. Người anh-hùng dân-tộc là người biết hy-sinh cuộc đời của mình cho chinh-nghĩa.

Sau đây là tinh-thần đấu-tranh để bảo-vệ giang-sơn. Thánh Gióng là một anh-hùng dân-tộc luôn luôn nêu cao ý-nghĩa quốc-gia. Tinh-thần ấy vô-vị-lợi, nhưng mãnh-liệt và quả-cảm. Lý-Ông-Trọng tượng-trưng cho tinh-thần bất-khuất của người Việt. Thần-hình vĩ-dai của Lý-Ông-Trọng là lòng ước-muốn to-lớn của nhân-dân Việt-Nam được sống quật-khỏi và anh-hùng hơn cả người Trung-Hoa là người thường dân-áp-họ.

Sau cùng là tinh-thần đấu-tranh để san-băng những cảnh bất-công trong xã-hội. Cái chết ô-nhục của Hà-Ô-Lô mang lại sự đắc-thắng cho công-ly. Kẻ có tội phải đèn-bù. Người xấu-xa phải bị trùng-phạt.

3) *Giá-tri lịch-sử :*

Ngoài ra, Lĩnh-Nam Chích-Quái còn mang nhiều giá-tri lịch-sử, lịch-sử vẻ-vang của tổ-tiên trong công-cuộc xây-dựng đất-nước (truyện Hồng-Bàng), lịch-sử chính-trị của ta ngày xưa, khi 50 người trai theo mẹ xuống biển, 50 người trai theo bố lên núi, ám-chỉ nguồn-gốc duy-nhất của người Việt, người Mán, người Thồ, người Mường. Các sử-gia có thể đưa ra những lý-thuyết ưu-bác, nhưng qua truyện Hồng-Bàng, Lạc-Long-Quân cùng hậu-duệ vẫn là hình-ảnh oai-hùng của những người Việt đầu tiên. Truyện Tân-Viên cũng như truyện Phù-Đổng Thiên-Vương cho ta hiểu sâu hơn về hành-động của tiễn-tồ. Những truyện truyền-thuyết còn cho ta biết rõ hơn

về những thô-sản của nước ta ngày xưa, về phong-tục, về hôn-nhàn, về tri-thức và tình-cảm của người Việt trong quá-khứ. Lĩnh-Nam Chích-Quái làm chứng một cách xác-thực rằng dân Việt là một dân-tộc có tinh-thần tôn-giáo từ buổi đầu, ưa-thích nghề-nghiệp và cần-lao, có tinh-thần gia-dịnh từ những ngày đầu tiên của lịch-sử và đã biết đặt hôn-nhàn trên căn-bản ái-tình và lẽ-giáo. Giá-trị lịch-sử còn được thể-hiện trong những tên thôn, tên làng, tên của đèn-dài lăng miếu làm cho tác-phẩm ấy có một sắc-thái cỗ-kính và chứa đựng nhiều tài-liệu cho người di sau. Những truyện mà Maspéro hoặc Przyluski đã thấy giống những truyện Trung-Hoa, Phù-Nam, chỉ chứng tỏ một cách rõ-ràng hơn sự liên-lạc giữa Việt-Nam và các nước láng-giềng. Sự vay mượn những tác-phẩm Trung-Hoa như Thái-Bình Hoàn-Vũ Ký (¹), Thủy-Kinh Chủ (²), Tục Bác-Vật Chí (³) nếu có thực đi chăng nữa không làm giảm-bớt giá-trị lịch-sử của Lĩnh-Nam Chích-Quái mà còn làm chứng cho một phần sự thực lịch-sử của những dân-tộc Á-Châu.

B. Hình-thức.

1) Văn-chương :

Ta thấy ngay một khuyết-diểm lớn của Lĩnh-Nam là đã được viết bằng chữ Hán ; tuy vậy, ta cũng nên biết rằng Hán-văn của tác-phẩm không phải là Hán-văn thuần-túy của Trung-Hoa nữa mà là một thứ văn riêng, một thứ văn lai, tuy đói chỗ còn tuân theo văn-phạm cũ-pháp của Hán-văn.

(1) của Nhạc-Sử đời Tống (q. 170, 9).

(2) của Lịch-Đạo Nguyên, viết năm 535 (q. 37s 7).

(3) của Lý-Thạch đời Đường (q. 5)

Đọc Lĩnh-Nam Chích-Quái, ta biết ngay tác-giả của nó là một người Việt, Việt từ nội-dung đến văn-chương, ta không biết đời Trần đọc Hán-văn như thế nào, nhưng ta có thể phỏng đoán cách đọc đến đời Trần đã dị-biệt với cách đọc của Trung-Hoa nhiều và do đó, chữ Hán ở đây đã trở thành chữ Hán-Việt, tiếng Hán là tiếng Hán-Việt.

Theo nhận-xét ấy, ta có thể khảo-sát văn-chương của Lĩnh-Nam Chich-Quái. Đó là một lối văn kể chuyện giản-dị và nhẹ-nhàng ; không có một diễn-tích nào xa-xôi, không có một từ-ngữ nào mà ngày nay không có trong những Từ-Điển Hán-Việt ; lối văn được viết theo lời nói thông-thường nên không có tính-cách bát-cố của trường thi, không có những câu đối ý đối chữ kéo dài từng hai vế đi với nhau. Đâu cũng sáng-sủa, gọn-gàng, có tính-cách Việt-Nam đến nỗi nhiều đoạn chỉ cần phiên-âm là thành một câu tiếng Việt.

Ngoài ra, truyện Hà-Ô-Lôi trong Lĩnh-Nam Chich-Quái có ghi ba bài thơ tứ-tuyệt bằng chữ nôm, do đây có thể cho ta một ý-niệm về thi-ca đời Trần và về tình-trạng của chữ nôm. Chữ nôm không biết đã được sáng-chế từ bao giờ, nhưng chắc-chắn không phải từ đời Sĩ-Nhiếp, đời Phùng-Hưng hay đời Đinh-Tiên-Hoàng. Từ những thời-kỳ này, ta đã thấy lẻ-tẻ có một vài chữ nôm được cấu-tạo theo lối giả-tá là một lối giản-dị nhất vì chỉ cần tìm những chữ Hán đồng-âm với tiếng Việt là có được một chữ nôm, ví dụ chữ 布 盖 , chữ 罗 dề phiên-âm những tiếng Bố, Cái, Cồ. Theo lý-luận và kinh-nghiệm của ngôn-ngữ-học thì loại giả-tá dẽ nhất được cấu-tạo trước hết, sau đến loại hình-thanh và hội-ý là những loại đòi-hỏi một sự đổi-chiếu, một sự suy-luận ; loại hội-ý là loại tương-đối ít nhất bởi vậy loại chữ hình-thanh là một cứ-diềm dẽ cho chúng ta nhận-định về sự hình-thanh của chữ nôm. Ta đã thấy những

gi trong những bài thơ nôm ghi trong truyện Hà-Ô-Lôi.
Đây là câu thơ thứ nhất:

今 夜 将 饕 願 乡 碎
乞 特 天 仙 抵 吒 雷

đọc là :

Chỉn đà náu đến nguyện làm tôi
Hai chữ thiên tiên dề cha Lôi.

Những chữ chỉn, đà, náu, nguyện, tôi, thiên, dề, cha, Lôi, tuy trình-dộ âm-thanh khác nhau nhưng đều là những chữ giả-tá, chỉ có ba chữ đến, hai, chữ là những chữ hình-thanh. Chữ đến có thể viết 騰 bên là chữ chí dề chỉ ý đi đến, bên là chữ diễn dề chỉ cách đọc ; nhưng chữ đến cũng có thể viết 旦 (dán) theo lối giả-tá. Như vậy, nhận-xét của ta về câu thơ này là tuy những chữ giả-tá chiếm đa-số, chứng-tỏ chữ nôm đang ở vào giai-doạn đầu nhưng cách viết chữ đến theo lối hình-thanh chứng-tỏ rằng đã bắt đầu có chữ hình-thanh thuộc vào giai-doạn sau của chữ nôm. Bây giờ ta xét đến bài thơ thứ 2 :

霜 計 油 霜 院 特 近
仍 尼 檉 貴 少 之 得
黜 為 聲 色 殘 醅 酣
可 惜 朱 麋 吏 可 噤 .

Sương kè dầu sương vụn được mười
Những nơi quyền-quy thiếu chi người
Bởi vì thanh-sắc nên say-dắm,
Khá tiếc cho mà lại khá cười.

Xem bài thơ trên, ngoài những chữ Hán-Việt, ta thấy rất nhiều chữ giả-tá như : kè, dầu, vụn, được, mươi, những

nói, thiếp, chi, vì, khá, tiếc, cho, tại, khá; những chữ hình-thanh là : *người, bởi, nên, mà, cười*; như vậy, loại chữ hình-thanh vẫn ít hơn loại chữ giả-tá; những chữ hình-thanh đáng chú-ý là chữ *người* do bộ *nhân* đứng bên chữ *ngai*; chữ *mà* đáng lẽ chỉ là một chữ giả-tá (nghĩa là chữ *ma* đọc trại di) ở đây đã thành một chữ hình-thanh vì có chữ *nhi* ở dưới dề biều-ý; chữ *cười* bộ *khẩu* bên chữ *kỳ* dề biều âm; những nhận-xét này cho biết chữ *nôm* đã hình-thành nhưng chưa có nhiều chữ hình-thanh, nghĩa là vừa mới thoát khỏi giai-doạn giả-tá. Trong bài thơ thứ ba, chữ hình-thanh đã nhiều hơn, lên đến 8 chữ đổi 10 chữ giả-tá; đặc-biệt trong bài này, ta thấy chữ *trời* là một chữ hội-ý (thiên + thượng = cao); đó là một chữ hội-ý đầu tiên xuất-hiện trong văn-học Việt-Nam. Vậy xét về cách chế-tác của chữ, ta thấy chữ nôm trong giai-doạn trước nhà Hồ đang thoát dần từ giai-doạn giả-tá mà ta gọi là giai-doạn thứ nhất của chữ nôm, kể từ đời Sĩ-Nhiếp đến Nguyễn-Thuyên, dần dần chuyển sang giai-doạn hình-thanh mà ta gọi là giai-doạn thứ hai của chữ nôm kể từ Nguyễn-Thuyên trở đi đến Hồ-Quý-Ly; từ Hồ-Quý-Ly trở đi, chữ nôm mới đủ từ-ngữ dề phô-diễn những ý-tinh phúc-tạp; những bài thơ nôm nói trên làm chứng cho giai-doạn chuyển-tiếp của chữ nôm từ thời-kỳ thứ nhất sang thời-kỳ thứ hai.

Xét về lời thơ thì ta thấy hình-thức thi-ca còn vụng-về, hai câu thơ đầu gần như vô-nghĩa; tại sao lại nói là «nau đến»? Câu sau có ý nói về nguồn-gốc thần-thánh của Lôi (hai chữ thiên-tiên dề cha Lôi) nhưng lời nặng-nề biết chừng nào. Tuy chắc là mấy bài thơ này đã bị người sau sửa chữa nhưng ý thơ là một cái gì không thể sửa chữa được có thê cho ta một ý-niệm về văn-thơ chữ nôm đời Trần.

2) Kỹ-thuật :

Đầu tiên là kỹ-thuật bối-cục toàn-thể tác-phẩm. Ai xem mục-lục của Trần-Thế-Pháp (do Phan-huy-Chú ghi lại) cũng thấy rõ trật-tự thời-gian của các truyện đã bị xáo-trộn như thế nào ; có lẽ vì thế mà Vũ-Quỳnh đã hiệu-dính tác-phẩm và đã làm lại một bối-cục khác ; nhưng Vũ-Quỳnh đã không thấy rằng sự xáo-trộn ấy là một kỹ-thuật của tác-giả. Đọc Lĩnh-Nam Chich-Quái, ta công-nhận tính-chất lịch-sử so với Việt-Điện U-Linh Tập đã được giảm bớt rất nhiều ; tính-chất thực-sự của truyện là tính-chất thần-thoại biến-thái thành truyền-kỳ và cổ-tích, do đấy, tác-giả hình như đã có ý không tôn-trọng trật-tự thời-gian, làm cho Lĩnh-Nam Chich-Quái là một trong những cuốn sách mà người ta có thể mở đọc bất cứ chỗ nào, lật trang này sang trang khác, đọc qua loa một vài đoạn rồi lại có thể ngừng bất cứ ở đâu, như thế, người đọc không cảm thấy mồi-mệt, chán-nản mà lại thấy rất nhiều thú-vị.

Kỹ-thuật kể chuyện cũng không kém tài-tinh. Người đọc cảm thấy có một sức lôi-cuốn huyền-bí. Ta đọc chuyện này sang chuyện kia một cách dễ-dàng. Đó là nhờ ở cách tác-giả dàn-xếp các tinh-tiết của câu chuyện. Các tinh-tiết ấy liên-tiếp nhau, ăn khớp với nhau chặt-chẽ, theo một trật-tự mà chỉ có một ý-thức già-giǎn về kỹ-thuật hành-văn mới có thể trực-giác thấy. Thường truyện được bắt đầu bằng phần giới-thiệu nhân-vật, giới-thiệu dòng-dõi, tên-tuổi, quê-quán ; sau đấy, tác-giả trình-bày một vài đặc-diểm của nhân-vật, qua cuộc đối-thoại của nhân-vật với những nhân-vật phụ-thuộc đến một đoạn tả-cảnh, tả-tinh rồi những tinh-tiết khác lại xảy ra làm cho câu chuyện ly-kỳ hơn, phức-tạp hơn, hấp-dẫn hơn. Phần tả-cảnh không được tác-giả trau-chuốt lắm như trong Việt-Điện U-Linh Tập của Lý-Tế-Xuyên nhưng phần tả-tinh đã được đặc-biệt chú-ý. Có thể nói, Lĩnh-Nam

Chích-Quái là một tập ái-tinh tiêu-thuyết, một thứ ái-tinh tự-do nhưng lành-mạnh, trong-sạch, dù bị lẽ-giáo cấm-đoán trong lúc đầu nhưng rồi về sau cũng được lẽ-giáo tha-thứ và công-nhận. Trong những lúc này, ngoài bút của Trần-Thốc-Pháp rất phóng-tung, dẽ-dàng và mỹ-lệ. Một truyện như truyện Đầm Nhất-Dạ hay truyện Trầu Cau vẫn để lại cho người đọc những ấn-tượng sâu-xa. Nhờ tính-cách này mà sự phỏng-đoán của ta về soạn-niên của tác-phẩm có căn-cứ vững-chắc. Năm 1329, Việt-Điện U-Linh Tập xuất-hiện trong bầu không-khi mới của Nho-giáo vừa manh-nha. Rồi sự quật-khởi của nhà Minh, sự suy-yếu của nhà Trần rõ-rệt từ 1370 trở đi làm cho sự hành-trường của Nho-học bị làm vào một thời-kỳ khủng-hoảng từ 1370 đến 1400. Sự khủng-hoảng về một ý-thức-hệ lấy Nho-giáo làm căn-bản bao giờ cũng đi đôi, ở Việt-Nam, với một phong-trào đối-kháng chủ-diễn dân-tộc. Lĩnh-Nam Chích-Quái xuất-hiện trong giai-doạn này.

Kỹ-thuật của tác-giả luôn luôn được nâng-dỡ bằng những hình-ảnh đặc-sắc. Có khi hình-ảnh là do sự tưởng-tượng của tác-giả tạo-thành, ví-dụ hình-ảnh thần Kim-Qui đuổi quỷ-tinh, hình-ảnh thánh Gióng xông ra mặt trận; đây là những bức tranh vĩ-dại, những cuốn phim đại-vĩ-tuyến ngày xưa; những đường viền, đường nỗi, bề sâu, bề rộng của bức tranh đều được vẽ bằng những nét mạnh-bạo sắc-sảo. Nhiều khi hình-ảnh trong Lĩnh-Nam Chích-Quái là những chi-tiết tả-thực để nguyên vẹn hay được to-diễn thêm, được cường-diệu hay kiều-thức-hóa, ví-dụ hình-ảnh của Ngư-tinh « minh dài hơn năm mươi trượng, có nhiều chân giống như hình con rết ». Những hình-ảnh này mang đến cho tác-phẩm một sự sinh-động riêng, một màu-sắc cỗ-sơ của những thời hoang-dại.

VII. Kết-luận :

Xét một cách đại-lược, Lĩnh-Nam Chích-Quái là một tác-phẩm hay. Trong khi chờ-dợi những công-trình nghiên-cứu khoa-học hơn, ta có thể nói rằng dù Trần-Thế-Pháp đã viết Lĩnh-Nam Chích-Quái bằng Hán-văn, tác-phẩm vẫn nói được với mọi người Việt-Nam, qua những mẩu chuyện xảy ra ở Việt-Nam, những rung-động của một tâm-hồn người Việt.



TỰA LIỆT-TRUYỀN LĨNH NAM CHÍCH-QUÁI

VŨ-QUỲNH Hiệu-đính

Quế-Dương tuy ở Lĩnh-ngoại, nhưng núi-sông kỳ, đất-dai linh, những người hào-kết thường thường vẫn có. Từ đời Xuân-Thu, Chiến-quốc đến nay, nước dụng chưa lâu lắm, tục nước Nam đang còn giàn-lược, chưa có sử-sách để chép việc thực cho nên việc cũ bị di-vong rất nhiều, may chỉ nhờ nhân-gian khâm-truyền mà còn lại không mất.

Kip đến đời Tây-Hán, Tam-Quốc, Đông-Tây-Tấn, Nam-Bắc-Triều, rồi Đường, Tống, Nguyên mới có sử truyền để chép công việc, như mấy bản Lĩnh-Nam-Chí, Giao-Quảng Chí-Lược, rõ-ràng có thể khảo được.

Nhưng, nước Việt ta từ xưa là đất yêu-hoang, sự biên-lập còn phần khuyết-lược. Nước Việt ta lập-quốc bắt đầu từ Hùng-Vương, mà văn-minh tiệm-liển thì tràn lan từ đời Triệu, Ngô, Đinh, Lê, Lý. Tranh cho đến bây giờ cho nên quốc-sử biên tập có phần tường-tận hơn, thời bản liệt-truyện này làm ra, không biết làm từ đời nào và người nào làm, ngờ rằng các bậc hồng-sinh thạc-nho đời Lý, Trần thảo-sáng ra, rồi các bậc quân-tử hiếu-cô báu-nhã ngày nay nhuận-sắc lại.

Ngu-định này xin xét lại đầu đuôi, cứ từ chuyện mà trình-bày để suy-minh thêm ý của tác-giả, như truyện họ Hồng-Bàng nói rõ lý-do khai-sáng ra nước Hoàng-Việt, truyện Dạ-Xoa Vương bảy tò triệu-chứng tiệm-liển của nước Chiêm-Thành; Bạch-Trì có chuyện chép đời Việt-Thường; Kim-Qui có truyện chép đời An-Dương; tục sinh-lễ của người Nam không gì quý bằng trầu-cau, nêu cho rõ ra, thời nghĩa vợ chồng, tình anh em càng thêm rõ-rệt. Đến mùa hạ không gì quý bằng dưa hấu, cây có vật của mình không cần đến ân chúa, như thế là rõ-ràng. Truyện bánh chưng là để khen sự hiếu-dưỡng, hạnh-khiêm Ô-Lôi là để răn sự tà-dâm. Đông-Thiên-Vương phá giặc Ân; Lý-Ông-Trọng uy-hiếp hung-nô là biết nước Nam có người tài đáng kề. Chử-Đồng-Tử gắp-gỡ nàng Mị-Nương, Thôi-Vý gắp-gỡ bạn tên thì là chuyện người làm lành được có âm-chất nên xem cậy. Đạo-Hạnh,

Không-Lộ, mây truyện ấy là trường-lệ sự trả thù cha, bọn thuyền-sư cũng không nên bỏ sót. Mây truyện Ngư-Tinh, Hồ-Tinh là nêu lên tài trù yêu-quái, đức của Long-Vương cũng không thể bỏ quên. Trung-nghĩa của hai Bà Trưng, chét làm thồ-thần, nêu cao danh-dụ, ai bảo không nên? Anh-linh thần Tân-Viên đã bài-trù loài thủy-tộc, rõ-ràng hiền-dị, ai gọi không thiêng? Cùng với nước Nam-Chiếu là dòng dõi Triệu-Vũ, nước mắt còn biết phục-thù, nàng Man-Nương là mẹ Mộc-Phật, năm hạn làm được mưa rào, sông Tô-Lịch có thần Long-Đậu, Xương-Cuồng có linh Chiêm-Đòn; một bên thời lập đền thờ cũng mà dân chịu được phúc, một bên thời dựng thuật trù-khử mà dân khỏi điều họa, việc tuy quái mà không đến đản, vẫn tuy dị mà không đến yêu, tuy rằng có hơi hoang-đèng, nhưng tông-lịch còn có căn-cứ, đó chẳng qua là để khuyên điều thiện, răn điều ác, bỏ điều nguy, tồn điều chân, làm cho phong-lục thêm phần khích-lệ vây, so với Sưu-Thần-Ký của người nhà Tần, Đja-Quái-Lực của người nhà Đường thì cùng một ý đó.

Than-ô! Lĩnh-Nam có nhiều kỳ-trọng, các truyện làm ra không cần phải chạm vào đá, khắc vào ván mà rõ-ràng ở lòng người, bia truyền ở miệng người, ông già, con trẻ thấy đều thông-suốt, đem lòng ái-mộ, khuyên răn nhau, thời việc có hệ ở cương-lhường, quan ở phong-lực, há có phải ít bồ-ich đâu?

Mùa xuân năm Nhâm-tý niên-hiệu Hồng-Đức, (1) ngu-sinh mới được bán truyện này, giờ ra xem, không khỏi có sự lầm-lẫn như Lỗ-Ngư Âm-Đào, quên mình là quê hèn, sập đặt và hiệu-chính lại chia làm ba quyển nhan-de là Lĩnh-Nam Chính-Quái Liệt-Truyện, cất ở trong nhà để phòng xem lại. Bằng như định-chính và nhuận-sắc để cho việc được đầy-dủ, vẫn được xác-thực, lời được tinh-thông, ý được xa-rộng, thời nhớ các bậc quân-lữ hựu-lai hiếu-cô, há lại không có người hay sao? Vày nên làm bài Tựa.

*Nhiên-hiệu Hồng-Đức năm thứ hai mươi ba tiết Trọng-lhu. (2)
Yến-Xương Vũ-Quỳnh, Tiến-sĩ khoa Mậu-Tuất, (3)*

Giám-sát đạo Kinh-Bắc, Ngự-sử, người Hồng-Châu, xã Trạch-Ô (4).

(1) năm 1492, khoảng tháng 2.

(2) năm 1492, khoảng tháng 8.

(3) năm 1478, khi ấy Vũ-Quỳnh 26 tuổi.

(4) xã Mộ-Trạch, theo Dương-Quảng-Hàm. (*Việt-Nam Văn-Học Sử - Yếu*, trang 251, lời chú 22)

MỤC-LỤC

Quyển nhất (10 truyện).

1. Truyện Hồng-Bàng.
2. — Ngư-Tinh.
3. — Hồ - Tinh.
4. — Mộc-Tinh.
5. — Trần Cau.
6. — Đàm Nhất Dạ.
7. — Đồng-thiên-Vương.
8. — Bánh Chung.
9. — Dưa Hấu.
10. — Bạch-Trĩ..

Quyển nhì (11 truyện).

11. Truyện Lý-ông-Trọng.
12. — Việt-Tỉnh.
13. — Kim-Qui.
14. — Man-Nương.
15. — Tân-Viên.
16. — Hai thần Long-Nhãnh và Nhu-Nguyệt.
17. — Từ-đạo-Hạnh và Minh-Không.
18. — Nam-Chiếu.
19. — Không-Lộ Giác-Hải.
20. — Hà - ô - Lôi.
21. — Dạ-xoa-Vương.

Quyển ba (19 truyện) ⁽¹⁾.

22. Truyện Sĩ Vương-Tiên.
23. — Sóc-thiên-Vương.
24. — Ba vị phu-nhân Kiền-Hải.
25. — Long-Độ Vương-Khí.
26. — Minh-Chủ Đồng-Cồ.
27. — Ưng-Thiên Hậu-Dực Hậu-Thổ-Thần.
28. — Long-Trảo Khước-Lỗ.
29. — Bố-Cái Đại-Vương.
30. — Trinh-Linh Nhị-Trung.
31. — My-Ê Trinh-Lié.
32. — Hồng-Thánh Đại-Thần-Vương.
33. — Minh-Ưng An-Sở Thần-Tử.
34. — Đại-Than Đô-Lô Thạch-Thần.
35. — Thần Xung-Thiên Chiêu-Ưng.
36. — Khai-Thiên Trần-Quốc.
37. — Thần Bạch-Hạc Uy-Linh.
38. — Thần Châu Long-Vương.
39. — Ni-Sư Đức-Hạnh.
40. — Phạm Tử Hư.

(1) Quyển ba rõ ràng không phải là của tác-giả Trần-thể-Pháp.
 Những truyện trong quyển ba có nhiều truyện trùng với Việt-Điện Uy-Linh Tập, xin phiên-dịch để dễ đọc đối-chiếu hai văn-phẩm.

QUYỀN THỨ NHẤT

I

TRUYỆN HỒNG-BÀNG

Cháu ba đời Viêm-Đế họ Thần-Nông tên là Đế-Minh, sinh ra Đế-Nghi, rồi đi nam-tuần đến Ngũ-Linh, gặp được nàng con gái Vũ-Tiên đem lòng yêu-mến mới cưới đem về, sinh ra Lộc-Tục, dung-mạo đoan-chính, thông-minh túc-thành ; Đế-Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua ; Lộc-Tục cố nhường cho anh. Đế-Minh lập Đế-Nghi làm tự-quân cai-trị phuong Bắc, phong Lộc-Tục làm Kinh-Dương-Vương cai-trị phuong Nam, đặt quốc-hiệu là Xích-Quí-Quốc.

Kinh-Dương-Vương xuống Thủy-phủ, cưới con gái vua Động-Bình là Long-Nữ, sinh ra Sùng-Lâm tức là Lạc-Long-Quân ; Lạc-Long-Quân thay cha đe trị nước, còn Kinh-Dương-Vương thì không biết đi đâu. Lạc-Long-Quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật-tự về quân-thần tôn-ty, có luân-thường về phụ-tử phu-phụ ; hoặc có lúc đi về Thủy-phủ nhưng trăm họ vẫn được yên-đòn. Dân lúc nào có việc cần thời kêu Lạc-Long-Quân : « Bố đi đâu nào, không đến mà cứu chúng ta », (Người Nam gọi cha bằng Bố, gọi quân bằng vua là từ đấy), thì Lạc-Long-Quân lập tức đến ngay, uy-linh cảm-ứng không ai có thể trắc-lượng được. Đế-Nghi truyền ngôi cho Đế-Lai cai trị phuong Bắc ; nhân khi thiên-hạ vô-sự, sực nhớ đến chuyện ông nội là Đế-Minh nam-tuần gặp được tiên-nữ, Đế-Lai bèn khiến Xi-Vưu tác-chủ quốc-sự mà nam-tuần qua nước Xích-Quí, thấy Long-Quân đã về Thủy-phủ, trong nước không vua, mới lưu ái-thê là Âu-Cơ cùng với bô-chúng thị-thiếp ở lại hành-tại. Đế-Lai chư-lưu khắp thiên-hạ, trải xem tất cả hình-thể, trông thấy kỳ-hoa dị-thảo, trân-cầm dị-thú, tê-tượng, dồi-niči, kim-ngân, châu-ngọc, hò-tiêu, nhũ-hương, trầm-dàn, các loại sơn-hào hải-vi không thứ nào là không có ; khí-hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế-Lai ái-mộ quá, quên cả ngày về. Nhân-dân nước Nam khờ về sự phiền-uhiếu, không yên-đòn như xưa, đêm ngày mong đợi Long-Quân về nên mới đem nhau kêu rắng :

— Bố ở phuong nào, uêu mau về cứu nhân-dân.

Lạc-Long-Quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu-Cơ ở một mình, dung-mạo đẹp lạ-lùng, yêu quá, mới hóa ra một chàng nhi-lang phong-tư mỹ-lệ, tả-hữu thị-tùng đông-dảo, tiếng đàn ca vang đến hành-tại. Âu-Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long-Quân bèn rước nàng về núi Long-Trang. Đế-Lai về không thấy Âu-Cơ bèn sai quần-thần tìm khắp thiên-hạ. Long-Quân có thần-thuật, biến-hiện trăm cách, nào là yêu-tinh quỉ-mị, nào là long-xà hổ-tượng, kẻ đi tìm úy-cụ, không dám lục-dảo tận-cùng. Đế-Lai trở về Bắc, lại truyền ngôi cho Đế-Du, cùng với Hoàng-Đế đánh nhau ở Bản-Tuyền không hơn nêu tử-trận; họ Thần-Nông bèn mất. Âu-Cơ ở với Lạc-Long-Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điểm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng-nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai, nàng đem về nuôi-nắng, không phải cho ăn, cho bú mà tự-nhiên trường-dại, trí-dũng song-toàn, ai cũng úy-phục, bảo nhau đó là những anh em phi-thường. Long-Quân ở lâu dưới Thủy-phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc-quốc liền đi lên biên-cảnh; Hoàng-Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân-binh trấn-ngự quan-tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long-Quân:

— Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ.

Long-Quân hốt-nhiên lại đến, gặp hai mẹ con ở Tương-Dạ; Âu-Cơ nói:

— Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cúc-dưỡng, xin cùng theo nhau chở nêu xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò-vô.

Long-Quân bảo:

— Ta là loài rồng, sinh-trưởng ở thủy-tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm-dương hợp lại mà có con nhưng phương-viên bất-dồng, thủy-hỏa ương-khắc, khó mà ở cùng nhau trường-cửu. Bây giờ phải ly-biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy-phủ phân-trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai-trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ-giã mà đi. Âu-Cơ cùng với năm mươi người con trai ở tại Phong-Châu — (bây giờ là huyện Bạch-Hạc), tự suy-tôn người hùng-trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng-Vương, quốc-hiệu là Văn-Lang; về bờ-cõi của nước thì Đông giáp Nam-Hải, Tây

đến Ba-Thục, Bắc đến Động-Đinh Hồ, Nam đến nước Hồ-Tôn-Tinh (bây giờ là nước Chiêm-Thành), chia trong nước làm mười lăm bộ là : Giao-Chỉ, Chu-Diên, Ninh-Sơn, Phúc-Lộc, Việt-Thường, Ninh-Hải, Dương-Tuyễn, Quế-Dương, Vũ-Ninh, Hoài-Hoan, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Quế-Lâm, Tượng-Quận, sai các em phân-trị, đặt em thứ làm tướng vő, tướng văn ; tướng văn gọi là Lạc-Hầu, tướng vő gọi là Lạc-tướng, con trai vua gọi là Quang-Lang (1), con gái gọi là Mỹ-Nương, quan Hữu-ty gọi là Bồ-chính, thắn-bộc nô-lệ gọi là nô-tỳ, xưng thắn là khôi, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ-dạo, thay đổi truyền cho nhau đều hiệu là Hùng-Vương không đổi.

Dân ở rừng núi xuống sông ngòi đánh đá, thường bị giao-long làm hại nên bạch với vua. Vua bảo rằng :

— Núi là loài rồng cùng với thủy-tộc có khác, bọn chúng ra đồng mà ghét dị cho nên mới xâm-hại.

Bèn khiến lấy mực chạm hình-trạng thủy-quái ở thân-thề, từ đó tránh được nạn giao-long cắn hại ; cái tục văn-thân (2) của Bách-Việt thực khởi-thủy từ đây. Ban đầu, quốc-dân ăn mặc chưa đủ, phải lấy vỏ cây làm áo mặc, dệt cỏ ống làm chiếu nằm ; lấy gạo ngâm làm rượu, lấy cây quang-lang, cây soa-đồng làm bánh ; lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm, lấy rễ gừng làm muối ; lấy dao cày, lấy nước cấy : đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thiếc cơm ; gác cây làm nhà để tránh nạn hồ-lang ; cắt ngắn đầu tóc để tiện vào rừng núi, con đẻ ra lót lá chuối cho nằm ; nhà có người chết thì già gạo dè cho hàng xóm nghe mà chạy đến cứu giúp ; trai gái cưới nhau trước hết lấy muối làm lỗ hôi, rồi sau mới giết trâu dê làm lễ thành-hôn, đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết, rồi sau mới thương-thông ; lúc bấy giờ chưa có trầu cau nên phải thế.

Bách-Nam là thủy-tồ của Bách-Việt vậy.

(1) xem nguyên bản viết là 美， chắc sai.

(2) vé minh, xâm minh.

II

TRUYỆN NGƯ-TINH

Trong biển Đông-Hải có loài Ngư-tinh, mình dài hơn năm mươi trượng, có nhiều chân giống như chân rết, biến-hóa vô-cùng, linh-dị khó dò được; mỗi khi đi đâu thì nồi cơn mưa gió, hay ăn thịt người, ai cũng đều sợ-hãi.

Thời thượng-cô có loài cá mặt giống như mặt người, thường đi chơi trên bờ Đông-Hải, hóa thành hình người, ngôn-ngữ thông-hoạt dần dần sinh lớn ra người trai gái, lấy cá tôm, hến ốc làm vật ăn; lại có giống người mọi sinh ở hải-dảo lấy sự bắt người làm sinh-nhai, cũng thành ra người, cùng với dần ông đồi chắc các phàm-vật như muối gạo, áo quần, dao búa, thường qua lại ở biển Đông-Hải; trong có núi Ngư-Tinh, miệng, răng nhô ra ngoài bờ biển; ở dưới núi có một chiếc hang lớn, đó là nơi cư-trú của Ngư-Tinh; thuyền nhân-dân qua lại phần nhiều bị hại; phong-ba hiềm-yếu, họ không có đàng nào mà tránh; muốn mở một lối đi ngả khác thì họ lại gặp cát đá không thè nào đào được.

Một đêm kia, có tiên xuống moi đá làm kênh cho sự thông-hành của loài người được tiện-lợi; kênh sắp được đào xong thì Ngư-Tinh hóa ra một con gà trắng gáy ở trên núi; quần tiên nghe thấy ngô là trời gần sáng nên đều tự-nhiên bay đi hết, nay gọi là đường Phật.

Đào-Kinh-Long (⁽¹⁾) thương dân bị hại mới làm một con thuyền lớn, ra lệnh cho Thủy-Dạ-Xoa cấm biển không được làm gió sóng, chèo thuyền đến núi Ngư-Tinh, giả đem một người đến cho Ngư-Tinh ăn; Ngư-Tinh há miệng toan nuốt thì liền có một khối sắt nướng đỏ liệng vào trong miệng; Ngư-Tinh vùng-vẩy nhảy đến đánh thuyền; Long-Quân chém được khúc đuôi, lột da treo lên trên núi, nay gọi là Bạch-Long-Vỹ; khúc đầu trôi ra ngoài biển, hóa ra chó mà chạy mất; Long-Quân lấy đá lấp biển thì chém được, nó bèn hóa ra đầu chó, nay gọi là Cầu-Đầu; khúc mình trôi vào Man-Cầu, nay gọi là Cầu-Man-Cầu là bởi đó vây.

(1) hay Lạc-Long-Quân.

III

TRUYỆN HỒ-TINH

Thành Thăng-Long ngày xưa gọi là đất Long-Biên, đời Thượng-cô đã có người ở rồi. Đến đời vua Lý-Thái-Tồ chèo thuyền ở bến sông Nhị-Hà, có hai con rồng dẫn thuyền đi, nhân đó mới đặt tên là Thăng-Long và đóng đô ở đây, tức là kinh-thành ngày nay vậy.

Buổi đầu, chỗ đất này về phía Tây có một ngọn núi đá, dưới núi có một cái hang, có một con hồ chín đuôi sống hơn một nghìn năm thành ra yêu-quái, biến-hóa vạn-trạng, có lúc hóa người, lúc hóa khỉ, đi khắp cả nhân-gian. Lúc bấy giờ ở dưới chân núi Tân-viên có giỗng người mọi gác cây kết cỏ mà ở ; trên núi có một vị thần được người mọi phụng-thờ. Vì thần ấy dạy cho người mọi cày ruộng, dệt vải, may áo trắng mà mặc, nhân đó gọi là Bạch-y-man (¹). Hồ chín đuôi hóa ra người áo trắng nhập vào trong bọn mọi, cùng lũ mọi ca-hát, dù-dỗi được người con trai con gái nào thì đem về nhốt ở hang đá ; người mọi lấy làm khὸ-sở về việc ấy. Long-Quân mới sai bộ-hạ Thủy-phủ dâng nước lên đánh phá núi Tiều-Thạch-Sơn, đào thành một cái đầm lớn, chính giữa thành có một chiếc vực sâu, gọi là Thi-Hồ-Trạch (nay là hồ Tây) rồi lập chùa quán đền trấn yểm nữa (nay là Thiên-niên-quán) ; bờ phía Tây bên đầm thì đồng-nội bằng-phẳng, ruộng ao cày cấy, gọi là Lỗ Hồ-Động. Chỗ nào cao-ráo thì đều có dân-cư, tục gọi là Hồ-thôn. Còn cái hang nay gọi là Lỗ-Hồ-Đầm vậy.

(1) mọi áo trắng.

IV

TRUYỆN MỘC-TINH

Thuộc địa-giới Phong-Châu, về đời thương-cò có một cây đại-thụ tên là Chiên-Đàn, thân cao nghìn tầng, cành lá sum-sê không biết mấy nghìn dặm, có chim thước làm ồ ở trên cây nên chỗ đất ấy đặt tên là Bạch Hạc. Cây Chiên-Đàn trải qua không biết mấy nghìn năm đến khi khô-hủ thì hóa làm yêu-tinh, biến-hiện dung-manh, hay thương-sót nhân-dân.

Kinh-Dương-Vương dùng thần-thuật thắng được yêu-tinh, nhưng yêu-tinh nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác, biến-hóa bất-trắc, thường ăn người sống, dân phải lập đền thờ mà cầu-dão. Mỗi năm đến ngày ba mươi tháng chạp dùng một người sống làm lễ tế thì con tinh ấy mới chịu thôi, mà nhân-dân cũng được yên-ồn, tượng truyền với nhau là Thần Xương Cuồng. Địa-giới phía Tây-Nam gần nước Mi-Hầu, người trong nước khiếu Bà-Lộ-Man (nay là Phủ Diên-Châu) cướp lấy một người Lào nạp làm lễ tế, năm nào cũng lệ thường như vậy. Kịp đến khi Tần-Thủy-Hoàng sai Nhâm-Ngao sang làm quan Lệnh Long-Xuyên, Nhâm-Ngao đổi cái lệ đó, cấm không được đem người sống mà tế. Thần giận, thần giết đi, từ đó về sau sự tế thần lại càng kinh cần. Đến đời Đinh-Tiên-Hoàng, có một Pháp-sư tên là Dú-Văn-Mâu người Tàu, tu-hành chín-chắn, tuổi hơ bốn mươi, đã chu-du các nước, thông hiểu nhiều ngôn-nữ, tập được phép nanh vàng răng đồng, khi sang đến nước ta thì đã tám mươi tuổi; Tiên-Hoàng lấy lễ thường mà đai-dăng. Dú-Văn-Mâu dạy lấy kỹ thuật phình thần Xương-Cuồng rồi giết đi. Phép ấy gọi là: Thương-ky, Thương-can, Thương-thát, Thương-toái, Thương-câu, Thương-hiem, hoặc làm người ngã ngựa, hoặc làm đứa con hát, mỗi năm đến tháng mười một, làm một cái Phi-lâu cao mươi hai trượng, giữa trống một cây cọc, rồi lấy gai đánh một sợi dây lớn, dài một trăm ba mươi sáu trượng ba thước, lấy mây chè nhỏ vân ra ngoài, hai đầu mỗi dây chôn cứng dưới đất, đoạn giữa gác lên trên cọc, Thương-ky là đập trên dây, đi mau hai ba đạo mà không ngã, đầu bịt khăn đen mình mặc quần đen. Thương-can là lấy sợi dây dài một trăm năm mươi trượng, có ba ngả, hai người cầm cờ đi lên trên sợi dây, hễ gặp nhau ở ngã ba thì tránh đi, lên xuống không ngã. Hoặc làm phép Thương-thát là lấy cây gỗ lớn vuông vắn một thước ba tấc, bề dày bảy phân, đặt lên trên một cây cao mươi bảy thước, Thương-thát ở trên bay nhảy hai ba lần, tới

lui **nghiêng-ngửa.** Hoặc làm phép Thượng-toái là lấy tre đan một cái lồng hình như nơm cá, dài ba thước, chu vi bốn thước, Thượng-toái gieo mình vào trong, đứng dậy mà không ngã. Hoặc làm phép Lạc-má là người cõi trên ngựa cho ngựa phi, rồi cuí mình xuống lấy vật đè trên mặt đất mà không ngã. Hoặc làm phép Thượng-can, Thượng-hiềm là một người nắm ngửa, lấy chân đỡ cái sào dài, khiến đứa trẻ leo lên. Hoặc làm phép Xướng-nghi là hội trẻ nhỏ lại đánh chiêng trống, rồi ca-vũ ngâm xướng ồn-àò huyên-náo và giết sinh-vật để tế thần. Thần-tinh đến ăn và xem các trò; Pháp-sư niệm bí-chú, tuốt gươm chém đi. Thần Xương-Cuồng và tất cả bộ-hạ đều bị giết hết.

Từ đó miền được cái họa dâng người hằng năm, mà sinh-hoạt của nhân-dân được bảo-toàn vậy.

V

TRUYỆN TRÀU CAU

Đời thượng-cô có một chàng tên là Quang-Lang, (1) trạng-mạo cao lớn, Quốc-vương cho họ là Cao, nhân lấy chữ Cao làm họ, sinh được hai trai, người đầu tên là Tân, người thứ tên là Lang, học với thầy Đạo-sĩ họ Lưu.

Nhà họ Lưu có một người con gái, tuổi chừng mười bảy hay mươi tám muốn tìm đôi bạn, nhưng không biết người nào là anh em, bèn bưng một bát cháo và một đôi đũa mời hai người ăn để xem ai là anh ai là em. Thấy người em nhường cho người anh ăn trước, nàng bèn ghi nhớ lấy, đem tình thực trình-bày với cha mẹ. Cha mẹ gả cho người anh kết làm vợ chồng, tình-ái càng ngày càng thân-mật.

Sau đây, người em thấy anh dái-xử với mình không bằng lúc xưa, đem lòng hờn-giận mới bỏ anh mà đi. Đi đến một nơi thôn-dã bỗng gặp một cái suối lớn; không có thuyền đê sang ngang, người em ngồi một mình khóc ròng rồi chết hóa thành một cái cây. Đến khi người anh mất em mới bỏ vợ đi tìm thì thấy em đã chết bèn gieo mình bên gốc cây, mà tự-tàn hóa thành một tảng đá quấn quanh gốc cây. Sau đây, người vợ lấy làm lạ sao chồng mình đi đã lâu mà không thấy về liền bỏ đi tìm, thấy chồng đã chết, nàng cũng gieo mình ôm lấy tảng đá mà chết luôn, hóa ra một sợi dây leo vẩn-vít trên đá, ngọn lá mùi thơm và cay. Cha mẹ Lưu-Thị đi tìm con, đến đó cũng than khóc, rồi lập đền ở chỗ ấy mà thờ, người đương thời đi qua đây, ai cũng dốt nhang vái lạy, khen là anh em hòa-thuận, vợ chồng tiết-nghĩa.

Trong khoảng tháng bảy, tháng tám, khí nóng còn nồng, Hùng-Vương đi tuần-hành thường nghỉ chân ở đây để tránh nắng. Trông thấy trước đền im mát, dây lá phủ trùm, Vương lên tảng đá đứng ngắm-nghĩa, hỏi ra mới biết công việc như thế, Vương lập tức bảo cận-thần hái một trái cây và hái một lá dây leo, Vương thân nhai đi rồi nhò trên đá, thấy có sắc đỏ tươi biết là vị ngọt mới lấy đem về, bảo lấy đá lửa nung đá làm vôi, cùng với trái cây, lá dây hợp làm một mà ăn, thấy vị ngọt béo, thơm cay, mèp sinh đỏ, mới truyền ban ra thiên-hạ, phàm những lể giá-thú, hội-đồng lớn nhỏ, đều phải lấy vật này làm trước. Từ bấy giờ nước Nam có tục ăn trầu cau là bắt đầu từ đây vậy.

(1) Xem nguyên-văn.

VI

TRUYỆN ĐÀM NHẤT-DẠ (1)

Hùng-Vương truyền ngôi đến vua cháu ba đời, có sinh được một người con gái tên là Tiên-Dung My-Nương, tuổi vừa mười tám, dung-mạo tú-lệ, nguyễn không lấy chồng, chỉ thích ngao-du thiên-hạ. Vương chiều mà nghe theo. Mỗi năm khoảng tháng hai, tháng ba, nàng sửa-soạn thuyền ghe, lênh-dênh ngoài biển, vui chơi quên cả ngày về.

Lúc bấy giờ Chử-Xá-Lang (2) có người tên là Chử-Vy-Vân sinh được một người con trai tên là Chử-Đồng-Tử, hai cha con tính vốn hiền lành, nhà nghèo lại gặp nhà cháy, của cải khánh-tận chỉ còn một cái khố vải, cha con ra vào thay đổi nhau mà mặc. Bị bệnh già, cha bảo con rằng :

— Ta chết thì chôn lỗ cũng được, đè cái khố lại cho con mặc kéo xấu-hồ.

Cha chết, người con không nỡ làm thế, cứ đè cả khố mà chôn. Chử-Đồng-Tử bấy giờ thân hình trần-truồng, lạnh dói khôn xiết, mới cầm cần câu đi đến bờ sông câu cá, trông thấy thuyền buôn đi qua, đứng vào giữa nước mà xin ăn. Nào ngờ thuyền của Tiên-Dung bỗng đến đó ; nghe thấy tiếng chuông trống đàn sáo, thấy những nghi-trượng cờ-xí, Đồng-Tử sợ-hãi, không biết trốn tránh vào đâu, trông thấy trong bãi phù-sa có chòm lau sậy, lơ-thơ năm ba gốc, bèn ẩn thân vào đó, dào cát thành huyệt đè giấu mình, lại lấy cát vùi lên trên. Giây lát, thuyền của Tiên-Dung ghé vào đó ; nàng dạo chơi trên bãi cát, truyền lấy mùng màn vây kín cả chòm lau sậy đè tắm. Tiên-Dung vào trong màn, cởi áo mực nước dội tắm ; cát chảy, thân hình Đồng-Tử lộ ra, hồi lâu Tiên-Dung biêt là con trai. Tiên-Dung nói :

— Ta đã không thích lấy chồng, nay lại gặp người này ở trong huyệt cát, có lẽ trời khiến thế chẳng ? Thôi người hãy dậy mà tắm rửa đi.

(1) Đàm Một Đêm.

(2) Lang Chử-Xá.

Rồi ban cho áo quần, cùng nhau xuống thuyền ăn uống hoan-lạc ; người trong thuyền đều cho là một sự gặp-gỡ tốt lành xưa nay chưa từng có. Đồng-Tử nói rõ sự-tích cho Tiên-Dung nghe ; Tiên-Dung thương xót, bảo làm vợ chồng. Đồng-Tử cõi từ. Tiên-Dung nói :

— Việc này tự trời tác-hợp, việc gì mà từ-chối ?

Những người tháp-tùng đem việc ấy tâu lên với Hùng-Vương ; Hùng-Vương giận bảo rằng :

— Tiên-Dung không biết trọng danh-tiết, không biết tiếc tiền của ta, đi chơi giữa đường lại hạ-giá (¹) với người nghèo, còn mặt mũi nào mà thấy ta nữa ; từ nay mặc kệ nó, không cho trở về nước nữa.

Tiên-Dung nghe tin, sợ không dám trở về mới cùng với Đồng-Tử mở chợ-búa, lập phô-sá, cùng nhân-gian mậu-dịch, dần dần nơi ấy thành một ngôi chợ lớn (nay là chợ Hà-Lõa) ; thương-nhân ngoại-quốc qua lại buôn-bán, kính-sự Tiên-Dung Đồng-Tử làm chủ ; có một nhà đại-thương đến nói với Tiên-Dung rằng :

— Quý-nhân xuất ra một thoi vàng, năm nay cùng với người nhà buôn ra ngoài biển mà mua vật quý, sang năm sẽ lời được một thoi.

Tiên-Dung bảo Đồng-Tử rằng :

— Vợ chồng ta do trời định khiến, ăn mặc là của trời cho, bây giờ nên lấy một thoi vàng cùng với người nhà buôn đi ra biển mà mua hàng đem về làm kế sinh-nhai.

Dòng-Tử bèn cùng đi với người nhà buôn ; ngoài biển có một hòn núi tên là Quỳnh-Viên-Sơn ; trên núi có một chiếc am nhỏ, người đi buôn ghé thuyền ở đây mà múc nước ; Đồng-Tử lên chơi trên am, có một tiền-tăng tên là Phật-Quang truyền phép cho Đồng-Tử. Đồng-Tử mới lưu lại am nghe thuyết-pháp, giao vàng cho người đi buôn mua hàng, dặn lúc nào trở về thì ghé lại am để chờ Đồng-Tử về. Nhà sư mới tặng cho Đồng-Tử một cái gậy và một cái nón, bảo rằng :

— Linh-thông tại đây đó.

Dòng-Tử trở về, đem chuyện đạo Phật nói hết với Tiên-Dung, từ đó giác- ngộ, bỏ chợ-búa, nghè buôn, đem nhau đi tìm thầy học đạo. Một

(1) lấy một người dưới.

hôm trời đã tối mà chưa đến nhà trọ, họ mới ở lại giữa đường, cảm gậy úp nón lên trên đè che. Đêm đến canh ba, thấy hiện ra thành-quách, lầu son đèn báu, dài-các lăng-miếu, kho-tàng miếu-xã, vàng bạc châu ngọc, chiếu giường mùng màn, tiên-đồng ngọc-nữ, tướng-sĩ thị-vệ la-liệt đầy ở trước mặt. Sáng ngày, ai trông thấy cũng lấy làm kinh-dị, tranh nhau đem những vật hoa-hương ngọc-thực đến dâng hiến và xung thần. Văn-võ bá-quan phân-quân túc-vệ, biệt-lập thành một nước.

Hùng-Vương hay tin cho là con gái mình làm loạn mới phát binh đi đánh; quan quân đến rồi, quần-thần xin phân quân án-ngữ. Tiên-Dung cười rằng :

— Chuyện này không phải tự ta làm ra, cũng là trời giun-giùi; sinh tử tại thiên, ta đâu dám chống cha, phải thuận chiju điều chính, chờ lệnh chém giết.

Lúc bấy giờ những người mới tập-hop sơ-hãi mà chạy tán-loạn, chỉ còn bọn người cũ ở lại với Tiên-Dung. Quan quân kéo đến đóng doanh ở bãi Tự-Nhiên, chỉ còn cách một con sông lớn; ngày sắp tối chưa kịp tiến binh. Chừng đến nửa đêm, hốt-nhiên gió lớn thổi làm nồi sóng đồ cày; quan-quân đại-loạn; bộ-đảng, thành-quách của nàng Tiên-Dung nhất thời nhỏ di bay lên trời; đất ở chỗ ấy sập xuống thành một cái đầm lớn. Sáng ngày, dân-gian trông không thấy thành nữa, cho là linh-dị bèn lập miếu-đường, thời thường đến tế, gọi đầm ấy là Nhất-Dạ-Trạch, chau ấy là Man-Trù-Châu (hoặc gọi là Tự-Nhiên-Châu), chợ ấy là Hà-Lôa-Thị. Sau đến đời Nam-Đế, binh nhà Lương sang xâm-chiếm nước ta, vua sai Triệu-Quang-Phục làm tướng đem binh ngăn giữ. Quang-Phục suất-chúng (!) tàng-ẩn ở trong đầm, cái đầm ấy sâu rộng bùn lầy, khó bẽ tiến lui; Quang-Phục cởi chiếc thuyền độc-mộc qua lại cho tiện, thường nhân đêm tối, cởi thuyền độc-mộc mà đột-xuất đánh phá cướp lấy lương-thực, làm kế trì-cứu cho giặc kiệt-quệ. Ba bốn năm thường giặc không đánh được. Bá-Tiên than rằng :

— Đời xưa gọi là đầm nhất-dạ thăng-thiên, ngày nay lại là cái đầm nhất-dạ đạo-kiếp.

Gặp lúc Hầu-Cảnh tác-loạn bên Trung-Hoa, vua Lương triệu Bá-Tiên về, ủy quyền cho tỳ-tướng Dương-Sẵn thống-lĩnh quần-chúng.

(1) điều-khiển một số người.

Quang-Phục trai-giới thiết-dàn ở trong đầm, đốt hương cầu đảo. Thoát thấy thần-nhân cởi rồng giáng xuống giữa đầm, bảo Quang-Phục rằng :

— Ta lên trời nhưng linh-dị còn ở đây, người có lòng thành cầu đảo, ta đến giúp đê bình loạn-tặc.

Rồi cởi vuốt rồng đưa cho Quang-Phục bảo giắt vào đầu đầu-mâu, hổ đánh đâu là được đó. Nói đoạn lại bay lên trời ; Quang-Phục y như lời dặn đem binh đột-kích, binh Lương đại-bại, chém được tướng Dương-Sằn ở trận-tiền, binh Lương lui chạy.

Quang-Phục nghe tin Nam-Đế mất, bèn tự lập lên làm Triệu-Vương, đóng đô ở quận Vũ-Ninh núi Trâu-Sơn. (1)

(1) Nghe giọng văn thì truyện Triệu-Quang-Phục khó lòng là một truyện cổ thực. Có lẽ là một truyện như các truyện khác, do óc tưởng-tượng của nhà văn sáng-tạo ra.

VII

TRUYỆN ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Đời Hùng-Vương thứ ba, thiên-hạ thái-bình, dân-vật đầy-dủ, Ân-Vương lấy sự thiếu lỗ triều-cống, giả dối tuần-thú để xâm-chiếm nước ta.

Hùng-Vương nghe được mới triệu quan-thần hỏi về kế-hoạch đánh hay giữ. Có nhà phuơng-sĩ dâng lời nói rằng :

— Không gì bằng cầu Long-quân để nhờ âm-phù.

Hùng-Vương nghe theo mới đáp dàn trai-giới, đặt vàng bạc lụa là ở trên bàn, đốt hương cầu tể ba ngày thì trời cảm sấm mưa, thoắt thấy một ông già cao hơn sáu thước mặt vuông, bụng lớn, râu mày bạc phơ, ngồi ở ngã ba mà nói cười ca múa ; người ta trông thấy, ngờ là người phi-thường mới tâu với vua. Vua thân-hành ra bái-yết, rước vào trong dàn ; ông già không ăn uống, không nói năng gì cả.

Hùng-Vương đến trước hỏi rằng :

— Nay binh nhà Ân sắp sang đánh, hơn thua ra sao, nếu có kiến-thức gì xin bày-cáo cho.

Ông già giây lát mò thẻ ra bói, thưa với vua rằng :

— Sau ba năm giặc mới qua đánh.

Vua lại hỏi kế-hoạch để đánh giặc, ông già đáp rằng :

— Nếu có giặc đến thì phải nghiêm-chỉnh khí-giới, tĩnh-luyện sỹ-tốt để cho nước có uy-thể, rồi tìm khắp thiên-hạ có ai dẹp được giặc thì phong cho tước-ấp, hễ được người ấy thì dẹp được giặc ngay.

Nói đoạn, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long-Quân.

Vừa đúng ba năm, biên-binh cáo-cấp có quân Ân sang, Hùng-Vương y theo lời nói của lão-nhân, sai sứ đi khắp thiên-hạ để tìm người dẹp giặc.

Sú-giả đến làng Phù-Đồng, quận Vú-Ninh, trong làng có một ông nhà giàu đã hơn sáu mươi tuổi mới sinh được một người con trai ba tuổi không biết nói, chỉ nấp ngừa không ngồi dậy được. Bà mẹ nghe Sú-giả đến, nói bối với con rằng :

— Sinh được thằng này thì chỉ biết ăn uống chớ không biết đánh giặc dě lính thường của triều-dinh mà děn ơn bú mórm.

Đứa trẻ nghe mẹ, thỉnh-linh nói lên rằng :

— Mẹ hãy gọi Sú-giả vào đây, con hỏi thử xem là việc gì.

Bà mẹ cả kinh, mừng rỡ bảo với xóm làng :

— Con tôi đã biết nói.

Xóm giềng cũng lấy làm lạ mới rước Sú-giả về nhà ; Sú-giả hỏi rằng :

— Mày là đứa trẻ mới biết nói mà bảo kêu ta đến làm gì ?

Đứa trẻ mới ngồi dậy bảo Sú-giả rằng :

— Lập tức về tâu với vua dúc cho ta một con ngựa sắt cao mươi tám thước, một gươm sắt dài bảy thước, một cái nón sắt, tiể này cõi ngựa, đội nón đi đánh giặc cho, giặc sẽ phải tan-tành, nhà vua việc gì mà lo.

Sú-giả chạy về trình-cáo với vua. Vua mừng bảo rằng :

— Thế thì ta không lo gì vậy.

Quần-thần đều tâu :

— Một người đánh giặc làm sao mà phá nòi ?

Vua nói :

— Đó là Long-Quân giúp ta, lời lão-nhân đã nói trước không phải là nói không, các ngươi không nên ngờ.

Rồi sai tìm sắt cho được mười cân luyện thành ngựa sắt, gươm sắt và nón sắt ; Sú-giả đem tất cả děn ; bà mẹ thấy thế cả kinh, sợ họa děn cho mình, lo-sợ hỏi con.

Đứa trẻ cả cười nói rằng :

— Mẹ đem cơm thịt nhiều cho con ăn, con đi đánh giặc, mẹ đừng lo-sợ.

Rồi dứa trẻ lớn rất mau, áo cơm hắng ngày bà mẹ cung-cấp không đủ ; hàng xóm nẫu thêm cơm, làm thịt trâu, rượu, bánh, trái, thế mà dứa trẻ vẫn không no bụng ; vải lụa gấm vóc mặc chẳng kín hình, đều phải lấy thêm hoa cây lô mà che nữa.

Đến khi quân nhà Ân kéo đến Trâu-Sơn, dứa trẻ mới đuổi chân đứng dậy, mình cao hơn mười trượng, nghèn mui mà nhảy, nhảy mui hơn mười tiếng rồi tuốt gươm nói lớn lên rằng :

— Ta là Thiên-tướng đây !

Pèn đội nón nhảy lên ngựa, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước, quan quân theo sau đến sát lũy giặc, dàn trận dưới núi Trâu-Sơn. Quận Ân cả vỡ, trở giáo chạy lùi, Ân-Vương chết ở Trâu-Sơn, còn dư-dảng thì la-liệt sụp lạy và hô rằng :

— Thiên-tướng, chúng tôi hết thảy xin đầu hàng.

Dứa trẻ đi đến núi Việt-Sóc mới cởi áo măc rồi cởi ngựa bay lên trời, chỉ lưu dấu chân trên đá ở dưới núi mà thôi.

Hùng-Vương nhớ đến công-lao, không biết lấy gì đền-báo mới tôn làm Phù-Đồng-Thiên-Vương, lập đền thờ ở vườn nhà làng ấy, cho ruộng một trăm khoảnh để làm lễ hưởng-tế xuân-thu.

Đời nhà Ân hai mươi bảy vua, trải qua sáu trăm bốn mươi năm, không dám đem binh sang đánh nữa.

Man-di bốn phương nghe được như vậy cũng đều thần-phục, về phụ với Vương. Sau vua Lý-Thái-Tồ phong làm Xung-Thiên Thần-Vương, lập miếu tại làng Phù-Đồng (nay ở huyện Tiên-Du) bên chùa Kiến-Phúc, tạc tượng ở núi Vệ-Linh, xuân-thu đều có lễ-tế vậy.

Có bài thơ rằng :

Vệ-Linh năm tháng đám mây nhàn.

Muôn tía nghìn hồng chói thế-gian.

Ngựa sắt ở trời, danh ở sử.

Uy-linh lừng-lẫy khắp giang san.

VIII

TRUYỆN BÁNH CHƯNG

Sau khi Hùng-Vương đã phá giặc Ân rồi, trong nước thái-bình mới lo việc truyền ngôi cho con, hội hai mươi hai vị Công-tử lại mà bảo rằng :

— Ta muốn truyền ngôi cho đứa nào làm vừa lòng ta là đến-kỳ cuối năm biết đem trân-cam mỹ-vị đến dâng cúng Tiên-vương để tròn đao hiểu thì ta sẽ truyền ngôi cho.

Các công-tử lo đi tìm các vị trân-kỳ, hoặc săn bắn, chài lưới, hoặc mua ở chợ, vụ được nhiều của ngon vật lạ không biết bao nhiêu mà kề. Duy có công-tử thứ chín tên là Lang Liệu, bà mẹ hàn-vi đã lâm - bệnh mà quá-cố rồi, ta hứu lại ít người nên khó bề toan-tính, ngày đêm thao-thức ăn ngủ không yên.

Hốt-nhiên mộng thấy thần-nhân bảo rằng :

— Trong trời đất không có vật gì quý bằng gạo, vì gạo là của dè nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không có vật gì đứng trước được; nếu lấy gạo nếp hoặc gói làm hình tròn dè tượng trời, hoặc gói làm hình vuông dè tượng đất, ở trong làm nhân cho thật ngon, bắt chước hình-trạng trời đất bao-hàm vạn-vật, nguy-ý cái ơn trời đất phát-dục vạn-vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn-vị chắc được.

Lang Liệu kinh-sợ tỉnh-dậy, mừng rằng : « Thần-minh giúp ta, ta nên bắt chước theo mà làm ».

Lang Liệu mới lựa hột nếp nào trắng tinh, hoàn-toàn không sứt-mẻ thì đem vúi đi, dè cho ráo rồi lấy lá chuối gói thành hình vuông, bỏ nhân ngon vào giữa, đem nấu đi cho chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy nếp nấu xôi đem quết cho thực nhuyễn, nắn làm hình tròn dè tượng hình trời, gọi là bánh dày.

Đúng kỳ, Vương hội các con lại trưng-bày phàm-vật; các con đem dâng không thiếu thứ gì, duy chỉ có Lang Liệu đem bánh tròn, bánh vuông đến dâng. Hùng-Vương lấy làm lạ hỏi Lang Liệu. Lang Liệu trình-bày như lời thần-nhân đã bảo. Vương thần-hành ném thử thì thấy vị ngon vừa miệng ăn không chán, phàm-vật của các công-tử khác không sao hơn được. Vương khen-ngợi giây lát, rồi cho Lang Liệu được giải nhất.

Năm hết, Vương dùng bánh ấy dâng lên Tiên-Miếu và cung-phụng cha mẹ, thiên-hạ bắt chước truyền đến bây giờ, lấy tên của Lang Liệu đè gọi là Tiết-Liệu.

Hùng-Vương truyền ngôi cho Lang Liệu ; hai mươi mốt anh em đều giữ các phiên-trấn, lập làm bộ-dảng, cứ-thủ núi sông đè làm hiềm-cố.

Về sau, họ hằng tranh nhau làm trưởng, mỗi người dựng mộc-sách đè che kín bởi vậy gọi là sách, là trại, là trang, là phường khởi-thủy từ đấy vây .

TRUYỆN DƯA HẦU

Ngày xưa, đời Hùng-Vương có một người tên là Mai-An-Tiêm, người ngoại-quốc, mới được bảy tuổi, do thuyền buôn chở đến. Vương mua về làm dây-tó, kịp lúc lớn lên thì diện-mạo đoan-chính, nhớ biết nhiều việc.

Vương đặt tên là Yên, tên chữ là An-Tiêm và cho một người thiếp, sinh được một trai, Vương yêu dùng đề sai bảo, dần dần Yên thành phú-quí, ai cũng úy-phục, và chen nhau đến dâng lễ-vật không thức gì là không có; Yên sinh ra kiêu-mạn, thường tự bảo rằng:

— Của-cái này là vật tiền-thân của ta, ta không từng trông nhờ vào ơn chúa.

Hùng-Vương nghe được, cả giận nói rằng.

— Làm thần-tử mà nó không biết ơn chúa, sinh ra kiêu-mạn, nói rằng của-cái đều là vật tiền-thân của nó. Bây giờ ta đem bỏ nó ra ngoài biển, ra cái chỗ không người ấy coi thử nó có còn cái vật tiền-thân của nó nữa hay không?

Bèn dà Mai-Yên ra ngoài bãi cát cửa biển Nga-Sơn, từ phía không có dấu chân người đi đến, chỉ để cho lương-thực đủ dùng trong bốn năm tháng mà thôi, ăn hết là chết đói. Chị vợ khóc ầm lên, bảo rằng ta chắc chết ở đây không lý gì sống được.

Tiêm nói:

— Trời đã sinh thì trời phải dưỡng, có lo gì?

Ở chưa bao lâu, đương lúc tháng tư, bỗng thấy một con bạch-hạc từ phương tây bay lại, đậu lên một mỏm núi cao, kêu lên ba bốn tiếng thì sáu bảy hạt dưa rơi trên mặt cát, đậm chồi nẩy lộc, lan trên cát, xanh tốt rườm-rà, rồi kết thành trái dưa, nhiều không kể xiết.

An-Tiêm mừng-rỡ nói:

— Đây đâu phải là quái-vật, đó là trời cho để nuôi ta đó.

Bò dưa ra ăn thì mùi vị thơm tho ngọt-ngào, ăn vào thì tinh-thần khỏe-khoắn; rồi cứ mỗi năm trĩa thêm, ăn không hết thì đem đổi lấy lúa gạo nuôi vợ con. Nhưng không biết dưa ấy tên là gì, mới nhân chìm tha từ phương tây đem đến nên đặt tên là Tây-quá.

Những khách chài lưới, buôn-bán, ưa mùi vị của nó đều đem phàm-vật của mình đè đòi lấy dưa. Nhân-dân xa gần, trên rừng dưới bến tranh nhau mua hạt, bắt chước trồng-tả khắp bốn phương ; dân-gian suy-tôn An-Tiêm làm « Tây-quá phụ-mẫu ».

Lâu ngày, Vương nhớ đến An-Tiêm, sai người đến chỗ An-Tiêm ở hỏi thăm có còn sống hay không.

Người ấy về lâu lại với Vương. Vương than-thở hồi lâu mới nói rằng :

— Nó bảo là vật tiền-thân của nó, thực là không nói dối vậy.

Vương bèn triệu An-Tiêm về, trả quan chức lại và cho tỳ-thiếp đặt tên chỗ An-Tiêm ở là « An-Tiêm Sa-Châu » ; thôn ấy gọi là Mai-An, đến nay còn lấy tây-quá tôn-phụng tờ-khảo mà tế-tự, là khởi đầu từ An-Tiêm vậy.

X

TRUYỆN BẠCH-TRĨ

Thời Thành-Vương nhà Chu, Hùng-Vương sai sứ-thần đem qua dâng cho nhà Chu giống chim bạch-trĩ, nhưng ngôn-ngữ bất-thông, Chu-Công sai người dịch lại mới hiểu.

Chu-Công hỏi rằng :

— Người Giao-Chỉ cắt tóc, vẽ hình, đẽ đầu trần, ngón chân cong, là tại làm sao ?

Sứ-giả thưa rằng :

— Cắt tóc đẽ tiện vào rừng ; vẽ mình đẽ làm hình rồng, khi lău lội: dưới nước thì giao-long không dám phạm đến ; chân cong đẽ tiện trèo cây, cày dao, dốt lúa, gieo lúa ; đầu trần đẽ khử nóng bức, ăn cau trầu đẽ trừ ô-uế và làm cho răng đen.

Chu-Công hỏi :

— Vì sao mà đến đây ?

Sứ-giả thưa :

— Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nồi sóng nay đã ba năm, ngờ là Trung-quốc có thánh-nhân nên mới sang đây.

Chu-Công than rằng :

— Chính-lệnh không đến, quân-tử không bắt người xa làm tội, đức-trach không thêm, quân-tử không hưởng của cống.

Kịp nhở đến Hoàng-Đế có lời thề rằng : « Giao-Chỉ ở ngoài phương xa, không được xâm-phạm », mới thường cho trọng-vật, khuyên dạy rồi bảo về. Sứ-giả quên mất đường về, Chu-Công cho một cỗ xe hai ngựa, khiển cứ chỉ hướng Nam mà về.

Đức Khòng-Tử làm sách Xuân-Thu, cho nước Văn-Lang là đất yêu-hoang, văn-vật chưa hoàn-bí nên bỏ mà không chép vậy.

QUYỀN THỨ NHÌ

XI

TRUYỆN LÝ-ÔNG-TRỌNG

Cuối đời Hùng-Vương, ở huyện Từ-Liêm, quận Giao-Chỉ, có một người họ Lý tên là Thân, sinh ra to lớn, cao hai trượng ba thước; hung-tợn, Thân giết người, tội đáng tử-hình, nhưng Hùng-Vương tiếc không nỡ giết.

Đến đời An-Dương-Vương, Tần-Thủy-Hoàng muốn đem binh sang đánh nước ta, An-Dương-Vương bèn đem Lý-Thân cống-hiến; Thủy-Hoàng được Lý-Thân rất mừng, dùng làm quan Ty-Lệ Hiệu-Úy. Kịp lúc Thủy-Hoàng nhất-thống thiên-hạ, Thân được sai đem binh ra giữ Lâm-Thao, Hung-nô không dám gần biên-lái nên Thân được phong tước Vạn-Tín-Hầu, và được cho trở về nước. Sau Hung-nô xâm-phạm bờ-cõi, Thủy-Hoàng nhớ đến Lý-Thân sai sứ sang vời; Thân không chịu đi mới trốn vào rừng khe; vua Tần trách hỏi; An-Dương-Vương tìm lâu không được, nói dối là Thân đã chết rồi. Vua Tần hỏi chết vì cớ gì. An-Dương trả lời là đau bệnh tả. Thủy-Hoàng sai Sứ sang nghiệm xem có phải không thì An-Dương cho nấu cháo đồ xuống ao để làm thực-tích. Thủy-Hoàng bảo lấy thây đưa qua; Lý-Thân bất-dắc-dĩ phải tự-tận mà chết; người ta lấy thây-ngân ướp vào thây Lý-Thân đưa sang nạp. Thủy-Hoàng than-tiếc, bảo đúc đồng làm tượng ông, ban hiệu là Lý-Ông-Trọng; tượng đặt ở cửa Tư-Mã đất Hàm-Dương, ruột tượng có thê chúa được vài mươi người; mỗi khi có Sứ bốn phương đến, vua sai người lén vào làm cho tượng dao-động; Hung-nô tưởng là Hiệu-Úy còn sống, không dám đến gần. Đến đời nhà Đường, Triệu-Xương sang làm Đô-Hộ Giao-Châu, đêm mộng thấy cùng với Lý-Thân giảng sách Xuân-Thu của họ Tả, nhân đó hỏi nhà cũ ở đâu rồi lập đền thờ-phụng.

Kịp lúc Cao-Biền bình Nam-Chiếu, Lý-Thân thường hiền linh-úng; Cao-Biền trùng-tu miếu-vũ, khắc gỗ làm tượng, gọi là đền thờ Lý-Hiệu-Úy, bây giờ ở tại huyện Từ-Liêm, xã Thị-Hiện (nay là xã Thụy-Hương) cách phía tây Kinh-thành năm mươi dặm, mỗi năm đến tế vậy.

XII

TRUYỆN VIỆT-TỈNH

Việt-Tỉnh ở núi Trâu-Sơn, quận Vũ-ninh ; dời Hùng-Vương thứ ba, Ân-Vương cử binh Nam-xâm, đóng quân ở núi Trâu-Sơn ; Hùng-Vương cầu Long-quân giúp, Long-quân bảo tìm khắp thiên-hạ, nếu được người kỳ-tài thì dẹp được giặc ; đến kỳ cầu được Đồng-Thiên-Vương cõi ngựa sắt di đánh, tướng-sĩ nhà Ân đều tan-vỡ. Ân-Vương chết ở dưới núi, làm Địa-Phủ-Quân ; dân lập đền thờ, bốn mùa cúng-t tế nhưng lâu năm suy dần bỏ thành chùa hoang.

Người bản-quốc tên là Thôi-Lạng làm quan nhà Tần đến chức Ngự-Sử Đại-Phu thường đi ngang qua đây, thương cảnh diệu-tàn mới trùng-tu miếu-vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ :

Cô-nhan truyền tung chuyện Ân-Vương.

Tuần-thú năm kia đến địa-phuong.

Núi rậm, nước trôi không thấy miếu;

Hòn thăng, dấu đè vẫn nghe hương,

Một mai thăng-bại không Ân-đức,

Muôn thuở uy-linh trấn Việt-Thường.

Trăm họ từ đây đều phung-tụ.

Âm-phù vận nước vững vô-cương.

Sau đến dời Nhâm-Ngao, Triệu-Đà Nam-xâm lại đóng quân ở núi này, lại trùng-tu miếu-mạo, cúng-t tế hậu-hính ; Ân-vương cảm đức, muốn dền công cho Thôi-Lạng mới sai Ma-Cô-Tiên đi tìm khắp nơi. Lúc bấy giờ Thôi-Lạng đã chết, chỉ còn con là Thôi-Vỹ.

Tiết thượng-nguyên tháng giêng, phương-dân đà lể dền, có người cúng một cặp bình pha-lê. Ma-Cô cầm lên tay ngắm-nghĩa, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ sứt một mảnh ; người ta bắt Ma-Cô lại dời bồi-thường ; Ma-Cô mặc áo rách, không ai biết là người tiên ; họ mới lấy roi đánh. Thôi-Vỹ thấy thế thương hại, cõi áo dền hộ nàng ; Ma-Cô được khôi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi-Vỹ ; Thôi-Vỹ nói đến tên cha thì nàng mới hay là con Thôi-Lạng. Nàng mừng bảo rằng :

— Ta bây giờ không có lấy gì để dền ơn, sau này chàng sẽ được hậu-báo.

Bèn đưa cho Thôi-Vỹ một tấm lá ngại và dặn rằng :

— Hãy giữ lấy vật này cho cần-thận, lúc nào cũng đè trong mình, gặp bệnh nhục-ảnh ⁽¹⁾ mà đem cứu tết khỏi, rồi thế nào cũng được giàu-sang phú-quí.

Thôi-Vỹ cầm lấy lá ngải nhưng cũng chẳng biết đó là thuốc tiên.

Một hôm đi đến nhà Đạo-sĩ Ứng-Huyền, thấy Huyền có một cái nhọt trên đầu, Vỹ nói :

— Tôi có lá ngải trị được bệnh này, đè tôi trù cho.

Thôi-Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng-Huyền, cái nhọt của Ứng-Huyền liền tiêu tan. Ứng-Huyền nói :

— Ấy là thứ thuốc tiên vây, tôi không có gì đèn-dáp cho anh, tôi có một người thân-thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia-tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó đè chữa cho họ và đè đèn ơn anh.

Ứng-Huyền đem Thôi-Vỹ sang nhà Nhâm-Ngao ; Thôi-Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nhọt lập tức lành ngay. Nhâm-Ngao rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường đè dạy Vỹ ; tính Vỹ thông-minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm-Ngao là Phương-Dung mới đem lòng yêu-dấu, nhân cùng nàng tư-thông, tình-ý quyến-luyến ; con Ngao là Nhâm-Phu biết được, muối làm cho Vỹ chết.

Đến cuối năm, có lỗ tế thần Xương-Cuồng, người ta chưa tìm được người tế nên Nhâm-Phu bảo Vỹ :

— Ngày nay không nên di ra ngoài, hãy vào Công-sảnh mà tránh đi thì sau này khỏi hối.

Thôi-Vỹ chưa hiểu ý là làm sao, Nhâm-Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. Phương-Dung biết ý, lén lấy con dao đùa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.

Đêm khuya, Thôi-Vỹ trốn đi, muối đến nhà Ứng-Huyền, lật-dật đi trên núi, rủi rơi vào trong một cái hang, từ phía đều là vách đá không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rỗ sưa đá chảy xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài trăm thước, mỏ vàng miệng đỏ, vây bạc, dưới cầm có một cái bướu thịt, trên trán có ba chữ

(1) thịt thèo.

vàng : « Vương-tử xà », bò ra ăn thạch-nhũ ; thấy trên thạch-bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vý toan muốn nuốt đi ; Thôi-Vý sợ quá, quỳ xuống lạy rằng :

— Thần ty-nạn, làm roi xuống đây, đói bụng nên có ăn trộm vương-vật, thực là có tội, dưới cầm vương có một cái nhọt, thần xin lấy ngải cứu lành, xin tha tội đê thần trồ nghề mọn này.

Bạch-xà lập tức ngang đầu lên cho Vý cứu, bỗng thấy đồng-nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vý lấy lửa cứu cho rắn, cái nhọt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vý, ý muốn bảo Vý cõi lén, Vý cõi lén lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng-vé không có người nào dì lại ; rắn quẩn đuôi lại trở về hang.

Vý đi một mình, lạc đường, bỗng thấy trên cửa thành có một cái lầu cao, ngồi đỗ lóng-lánh, đèn sáng rực-rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỗ chữ vàng đẽ là « Ân-Vương Thành ». Vý ngồi bên cửa thành, hồi lâu không thấy có người nào qua lại mới bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có hoa sen năm sắc, trên bờ có nhiều rặng hoè liễu ; đường lát bằng-phẳng, ngọc-diện châu-cung, tòa ngang dây dọc ; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cây đàn cầm đàn sắt. Vý thong-thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu.

Kim-đồng, ngọc-nữ vài trăm người hầu bà Ân-Vương-Hậu mở cửa dì ra. Vý sợ quá, chạy xuống sân điện sụp lạy. Bà Ân - Hậu cười bảo rằng :

— Thôi-Quan-Nhân ở đâu lại ?

Sai người mời lên trên điện, bảo rằng :

— Đền thờ của Ân-Vương ta lâu đời bỏ hoang-phế, nhờ sức của Tiên-thân Ngự-sử trùng-tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn. Vương đã sai Ma-Cô đi tìm đê báo đức nhưng không gặp được Ngự-sử, chỉ gặp Công-tử nên chưa có dịp đền-dáp, nay thân được thấy mặt thì Thượng-dế đòi Vương lên chầu trời rồi, thôi Công-tử ở lại đây đợi vậy.

Rồi lưu Thôi-Vý ở lại ăn uống no say.

Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quỳ mà tâu rằng :

— Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm-Ngao bị thần Xương-Cuồng đánh chết.

Nghé tâu xong, Hậu bảo rằng ;

— Dương-Quan-Hậu đưa Thôi-Vỹ về trần.

Vỹ cáo-tạ mà về. Dương-Quan bảo Vỹ nhắm mắt ngồi lên trên một chiếc quạt, hơn một khắc đã đến trên núi ; Dương-Quan-Nhân hóa làm dê đá, đứng ở trên núi, ngày nay hấy còn sau đền thờ Triệu-Việt-Vương ở núi Trâu-Sơn.

Sau Vỹ về đến nhà Ưng-Huyền thuật chuyện cho Ưng-Huyền nghe. Đến ngày mồng một tháng tam, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma-Cô-Tiên dắt một người con gái đem cho Vỹ, bảo đem về làm vợ chồng, lại cho hòn ngọc Long-Toại, nói đó là ngọc - châu, từ thuở trời đất mới khai - tịch đã có một cặp trống mái từ đời Hoàng-dế trải đến đời Ân truyền làm thế-bảo ; trong trận đánh Trâu-Sơn, Ân-vương deo nó mà chết, ngọc châu dấu trong đất mà tia sáng chiếu thẳng lên trời. Thời nhà Tần, binh-hỏa liên-miên, những vật trân-bảo đều bị đốt cháy ; các nhà vọng-kí đều biết hòn ngọc Long-Toại còn ở phương Nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc trị giá trăm vạn đè tìm mua ; Vỹ nhân dấy đại-phú.

Sau Ma-Cô-Tiên rước vợ chồng Thôi-Vỹ đi không biết là đi đâu. Nay giêng bỏ hoang thành bằn-thiu, hang thi còn ở núi Trâu-Sơn. Người đời gọi là Việt-Tinh-Cương vây.

XIII

TRUYỆN KIM - QUI

An-Dương Vương nước Âu-Lạc là người ở Ba-Thục, họ Thục, tên Phán, nhân việc tiên-tồ cầu-hôn với con gái của Hùng-Vương tên là My-Nương không được nén sinh ra hàm-oán; Phán muốn hoàn-thành ý-chí của tò-tiên nên cử binh đánh Hùng-Vương, diệt nước Văn-Lang, cài hiệu là Âu-Lạc mà ở, đắp thành ở đất Việt-Thường; thành đắp xong lại sập. Vương mới lập đàn, trai giới cầu đảo ba tháng.

Ngày mồng bảy tháng ba bỗng thấy một ông già theo phuơng tây mà đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng :

— Xây đắp thành này thì bao giờ cho xong !

Vương rước vào trên điện, lạy và khóc rằng :

— Ta đắp thành này đã xong lại đồ, hao-tòn công-sức mà rồi không thành là tại làm sao ?

Ông già thưa :

— Ngày nào có Sứ-giả Thanh-Giang cùng đắp với Vương thì thành ấy mới xong.

Nói đoạn cáo-từ.

Rạng ngày, Vương đứng ở cửa Đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng Đông mà bơi lại; rùa đứng trên mặt nước, nói dược tiếng người, tự xưng là Thanh-Giang Sứ-giả, biết rõ lẽ trời đất, âm-dương, quí-thần.

Vương mừng hỏi rằng :

— Điều đó ông già đã báo cho ta rồi.

Bèn sai lấy kim-dư rước vào trong thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì có gì mà thành không đắp được. Kim-Qui nói :

— Ở đây có tinh-khí núi sông, con Tiên-vương phụ vào đè báo thù nước, lại có con gà trắng sống ngàn năm hóa làm yêu-tinh ẩn ở núi Thất-Diệu, trên núi có con quỷ, nguyên trước có một nhạc-công chôn cất ở đáy hóa ra quỷ. Ở bên có một cái quán đè cho hành-khách qua lại ngủ nhờ; chủ quán tên là Ngộ-Không, có một đứa con gái và một con gà trắng là dư-khí của quỷ-thần. Hễ có người khách nào qua lại đến đáy ngủ nhờ thì quỷ-tinh hóa ra thiên-hình vạn-trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh-quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hóa ra yêu-thú, sai chim Si-Hưu (1) ngâm thư bay lên trên cây chiên-dàn, tâu với Thượng-dế đè xin phá thành ấy đi. Thần nầy xin cắn cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lấy tất nhiên thành đắp mới xong.

Kim-Qui bảo Vương già làm khách đi đường xin ngủ nhờ trong quán. Vương đè Kim-Qui ở trên ngưỡng cửa.

Ngộ-Không nói :

— Quán nầy có yêu-tinh, đêm thường giết người, Lang-Quân không nên ở lại, và nay trời cũng chua tối, nên đi mau đến chỗ khác đè tránh họa.

Vương cười rằng :

— Sinh tử tại mệnh, quỷ my mà làm gì, ta không sợ.

Mới ngủ lại đó.

Trong đêm có quỷ-tinh đến ngoài kêu rằng :

— Ai ở trong nhà nầy phải mở cửa ra mau.

Kim-Qui mắng rằng :

— Cửa đóng thì mày làm gì nào ?

Quỷ-tinh phóng hỏa tan ra vạn-trạng, quỷ-di dù phượng đè khùng-khổ nhưng iốt cuộc cũng chẳng vào được nhà.

Đến lúc gà gáy, các quỷ đều chạy tan, Kim-Qui khiến Vương đuổi theo đến núi Thất-Diệu, quỷ-tinh thu về hết cả, Vương trở lại quán trọ.

(1) chim cd.

Sáng ngày, chủ quán đem người đồng đến đê chôn thi-tề của khách ngủ lại hôm qua, thấy Vương ngồi đó, nói cười như không có gì cả. Quán chủ bước đến, vái lạy nói rằng :

— Lang-quân được như thế tức là Thành-nhân rồi, xin ban linh-thuật để cứu sinh-linh.

Vương bảo :

— Hãy giết con gà trắng của mày mà tế thì quỉ-thần tan hết.

Ngô-Không giết con gà trắng thì dứa con gái tự-nhiên cũng nhào xuống chết. Vương lập tức bảo người đào núi Thất-Diệu, được một nhac-kí dời cồ và một hãi-cốt, sai dốt trộn thành tro mà quăng ra sông.

Lúc bấy giờ trời đã gần chiều, Vương cùng Kim-Qui leo lên núi Việt-Thường, quỉ-tinh đã hóa ra chim si-hưu ngậm thư bay lên cây chiên-dàn.

Kim-Qui bèn hóa ra một con chuột mà bò theo sau lưng cắn chân chim; thư rơi xuống đất; Vương lập tức thu lấy thì sâu đã ăn hết hơn nửa rồi.

Tỳ đó, quỉ-tinh tan hết, không lại phá-phách như xưa nữa.

An-Dương-Vương đắp thành nửa tháng đã xong; thành dài và rộng nghìn trượng, xoáy tròn như hình con ốc, lại đặt tên là Thành Thăng-Long⁽¹⁾. Người nhà Đường gọi là thành Sát-Quí Côn-Lôn bởi vì thành rất cao lớn.

Kim-Qui ở lại với Vương ba năm rồi từ về; Vương bảo rằng :

— Nhờ ơn của người, thành đã vững chắc, nếu như có việc ngoài thì lấy gì mà chống giữ?

Kim-Qui thưa :

— Quốc-tộ tu-doản, xã-tắc an-nguy là vận của trời, nhưng người biết tu-dức thì có thể lâu dài được, Vương đã có lòng ước-nguyện thì tôi đâu dám tiếc.

Mới cởi cái móng chân đưa cho Vương và nói :

— Thảm hoặc giặc có đến thì dùng móng này làm máy nỏ, đem ra mà đánh giặc thì không có gì đáng lo.

(1) chắc sai; bản của Despierres ghi là Tu-Long.

Nói đoạn trở về Đông-Hải.

Vương khiến bầy tôi là Cao-Lỗ làm nô, lấy móng làm máy, hiệu là Linh-Quang-Kim-Trảo-Thần-Nô ; sau Triệu-Đà đem quân đến xâm-lăng, cùng Vương giao-chiến ; Vương dùng thần-nô mà bắn, quân Triệu-Đà thua chạy, đóng đồn ở núi Trâu-Sơn, đối lúy với Vương. Triệu-Đà biết Vương có nô thần nên không dám tái-chiến mới khiền-sứ thỉnh-hòa. Vương mừng, cắt từ sông Tiều-giang trở về phương Bắc cho Triệu-Đà cai-trị, trở về phương Nam thì do Vương cai-trị (nay là sông Nguyệt-dức) (1).

Chưa được bao lâu, Đà sai con vào túc-vệ cầu-hôn con gái Vương là My-Châu ; Vương bất-ý không ngờ gian-kế của cha con Triệu-Đà ; Trọng-Thủy dỗ My-Châu trộm lấy nô thần cho xem, rồi lén làm nô khác đổi lấy vượt rùa giấu đi, nói dối với My-Châu là trở về thăm cha mẹ. Nhân đó nói rằng :

— Tình phu-phụ thì không nỡ quên, mà ơn phụ-tử cũng không nên bỏ, ta nay về thăm cha mẹ mà vạn nhất hai nước thất-hòa, Nam Bắc cách-bié特, ta trở lại tìm nàng thì nàng lấy vật gì mà làm giấu cho ta biết.

My-Châu nói :

— Thiếp là nhi-nữ gấp phải bước phân-ly thực khó thắng được tình-cảm ; thiếp có chiếc nệm (2) gấm lông ngỗng thường mang trên người, đến lúc ấy thiếp lấy lông ngỗng mà rải ở các ngã ba đè chỉ cho chàng biết chỗ thiếp đi mà đến cứu.

Trọng-Thủy từ-tạ, cắp nô mà về báo-cáo với Triệu-Đà ; Đà được nô rất mừng liền phát binh đánh Vương ; Vương không lo phòng-bị, mãi đánh cờ vây, cười rằng :

— Đà không sợ nô thần của ta sao ?

Đến lúc quân Triệu-Đà tiến-búc, Vương mới xách nô ra bắn thì thần-cơ đã mất ; quân chạy tán-loạn.

(1) Theo bản của Despierres thì là sông Thiên-Đức (xem Cồ-Loa, Capitale du royaume Âu-Lạc).

(2) dịch chữ nhục 帷. Có người dịch là áo chưởng e không đúng. Nhưng thực ra nệm gấm mà thường mang trên người thì cũng là một thứ áo chưởng.

Vương chờ My-Châu lên ngựa chạy về hướng Nam, đến bờ biển, cùng đường, không có thuyền đê sang ngang, Vương hét lớn lên rằng :

— Trời đê mất ta hay sao? Giang-sứ đâu mau đến cứu ta.

Kim-Qui nồi lên trên mặt nước, mắng rằng :

— Người cõi ngựa ở sau lưng là giặc đó, hãy giết nó ta mới cứu.

Vương bèn tuốt gươm chém My-Châu.

My-Châu ngửa mặt lên trời mà cầu xin :

— Thiếp là con gái, nếu có lòng phản-nghịch mưu hại đến phụ thân thời chết hóa thành bụi tràn, bằng như một niêm trung-tín, bị người phỉnh-phò thời hóa làm ngọc-châu để rửa cái thù nhục-nhã này.

My-Châu chết ở bờ biển, máu chảy trên nước, hau hến ăn vào lòng hóa thành minh-châu.

Vương cầm sừng văn-tê bảy tấc, Kim-Qui rẽ nước dẫn Vương vào biển, dời thuyền tại núi Mộ-Dạ, làng Cao-Xá, châu Diển tức là chỗ đó vậy.

Quân Triệu-Đà đến chỗ ấy không thấy gì hết, chỉ thấy tử-thi của My-Châu; Trọng-Thủy ôm thây nàng mà về chôn ở Loa-Thành, hóa làm giếng ngọc; Trọng-Thủy thương-cảm vô-cùng, thấy lại những chỗ trang-dièm hay tắm gội của My-Châu, tưởng nhớ đến hình-dung của nàng bèn nhảy xuống giếng mà chết. Sau này, ai được ngọc-châu ở Đông-Hải, càng mức nước giếng ấy mà rửa thì sắc ngọc càng thêm rực-rỡ. Nhân tránh tên My-Châu nên gọi ngọc-châu là Đại-Cưu, Tiều-Cưu vậy.

XIV

TRUYỆN MAN-NƯƠNG

Thời Hiển-Đế nhà Hán, quan Thái-thú tên là Sĩ-Nhiếp dắt thành ở phía Nam sông Bình-giang (nay là thành phía Nam sông Thiên-dức). Ở phương Nam có một ngôi chùa gọi là chùa Phúc-Nham, có một nhà sư từ phương Tây đến, hiệu là Già-La-Đồ-Lê, trụ-trì ở chùa ấy, hay làm phép đứng một chân ; trai gái, già trẻ tín-mộ, kính-phụng tôn-hiệu làm Tôn-sư, ai nấy đều cầu học đạo Phật.

Lúc bấy giờ có một người con gái tên là Man-nương, cha mẹ đều đã mất, nhà nghèo-khổ nhưng cũng dốc lòng cầu-đạo, chỉ vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người nên thường ở sau bếp già gạo nhặt rau, lo việc nấu thời đè cung-dưỡng các sư trong chùa và học-giả bốn phương đến học đạo.

Khoảng trời tháng năm, đêm lại ngắn-ngủi, Man-nương vội-vã lo thời nấu cho xong. Nàng nấu đã xong-xuôi, nhưng các sư còn tụng kinh chưa nghỉ đè ăn cháo ; Man-nương ngồi chờ, ngủ gật ở ngạch cửa không ngờ quên lửng nằm ngủ say. Đến khi tăng-dồ tụng-niệm xong, ai về phòng nấy thì Man-nương còn nằm ở cửa ; nhà sư Đồ-Lê bước ngang trên mình nàng, Man-nương hồn-nhiên lâm-dộng, từ đó thụ-thai. Trong khoảng được ba bốn tháng, Man-nương lấy làm xấu-hồ bỏ đi, nhà sư Đồ-Lê cũng tránh đi đến chùa ngã ba đầu sông mà ở.

Mân nguyệt, Man-nương sinh được một đứa con gái và tìm nhà sư đe giao lại. Đêm khuya, nhà sư Đồ-Lê đến dưới cây đa ở ngã ba đầu sông mà đặt đứa con gái và nói :

— Ta gửi Phật-tử này cho mày, mày giữ lấy, sau được thành Phật-đạo.

Sư Đồ-Lê và Man-nương từ-biép nhau mà đi. Đồ-Lê cho nàng một chiếc gậy và bảo rằng :

— Ta cho em cái gậy nầy đem về, hễ gặp năm nào trời đại-hạn thi lấy gậy vầy vầy dưới đất ; xem-nhiên có nước chảy ra đê cứu người ta.

Man-nương cầm gậy trở về, lại ở chùa như trước ; gặp năm trôi hạn, nàng lấy gậy vẩy trên đất, tự-nhiên có nước suối chảy ra ào-ào, dân-chúng được nhờ-và rất nhiều.

Khi Man-nương đã hơn tám mươi tuổi thì bất đồ cây đa bị lật đổ trôi đến trước bến chùa, quanh-quần ở đó không trôi đi ; người ở đó đua nhau bửa cùi thì búa rìu đều bị gãy mẻ hết ; làng xóm rủ nhau ba tăm người đến kéo cũng không chuyền-motion. Gặp khi Man-nương xuống bến rửa tay, nàng khẽ lấy tay kéo thử, cây lập tức chuyền-motion trôi vào, xì nẩy kinh-dị, vội bảo Man-nương kéo thẳng lên bờ, khiến thợ mộc trồ làm bốn pho tượng Phật ; kịp lúc dèo đến giữa cây, chỗ giấu người con gái thì chỗ ấy đã hóa thành một phiến đá rất cứng ; người thợ dèo đúng vào chỗ đó thì rìu búa mẻ hết, mới lấy phiến đá ném xuống sông ; phiến đá phóng xuất hỏa-quang, giờ lâu mới chìm xuống nước ; các người thợ đều chết hết. Mọi người đều xin nhờ Man-nương van vái mướn người kẻ chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào điện Phật, lấy vàng tô lên mà phụng-thờ.

Sư Đồ-Lê mới đặt tên cho bốn pho tượng Phật là : Pháp-Vân Pháp-Vũ, Pháp-Lôi, và Pháp-Điện. Già trẻ trai gái bốn phương thường nhóm họp ở chùa này chơi-đùa ca-múa, gọi là hội tắm Phật, đến nay đang còn vậy.

TRUYỆN NÚI TẢN-VIÊN

Núi Tân-Viên ở phía tây Kinh-thành nước Nam-Việt, núi đứng cao thẳng như hình một cái lọng nên đặt tên như vậy.

Xưa kia vua Lạc-Long cưới nàng Âu-Cơ, sinh được một bọc trăm trứng, Long-quân dem năm mươi trai về biển, năm mươi trai theo mẹ về ríi, phân-trị thiên-hạ, hiệu là Hùng-vương; Tân-Viên-Sơn Đại-Vương là một người con trong số năm mươi trai chia về đó. Vương từ hải-quốc do cửa biển Thần-phù mà về, tìm một nơi cao-ráo thanh-u, dân-tục thuần-hậu mà ở, mới chèo thuyền từ sông Cái đến làng Long-dậu thành Long-biên, toàn muốn lưu lại đó nhưng còn có ý gì bất-mán, nên sau lại chèo thuyền từ sông Linh-giang đi lên đến làng Phiên-tân ở bờ sông Phúc-lộc; Vương trông thấy núi Tân-Viên tú-lệ, ba hòn sấp hàng đứng, nghiêm-nhiên như vẽ; dân ở dưới núi, tục chuộng tő-phác. Vương khi ấy mở một con đường thẳng như dây đàn từ làng Phiên-tân mà đến bên núi Tân-Viên, đi đến Uyên-Động, lại đi đến Nhâm-tuyền là chỗ nguồn khác, rồi lại đi lên núi Thạch-bàn đầu non Vân-mộng mà ở; hoặc có khi chơi sông Chiết-giang để xem cá, phàm kinh-quá đường thôn đều xây đền-vú để làm nơi nghỉ-ngơi. Nhân những vết chân ấy, người đời sau lập đền thờ phụng, hạn thì đảo, lụt thì cầu, ngự hỏa tai, ngăn đại-hạn mau hơn tiếng vang, cực-kỳ linh-ứng. Lại gặp ngày trời trong sáng như có hình-trạng cái tàn pháp-phó trên hang núi, những dân ở làng phụ-cận đều bảo là sơn-thần xuất-hiện.

Cao-Biền nhà Đường ở An-nam muốn yểm linh-tích các nơi danh-thắng mới mồ bụng mười bảy người, tất cả đều là con gái chưa chồng, bỏ ruột đi, lấy cỏ chì độn vào ruột, cho mặc áo xiêm dề ngồi trên ghế ỷ, dùng trâu bò mà tế, nhὸm lúc nào thấy cử động thời lấy gươm chém đi, Các vị thần phàm-ngu đều dùng thuật ấy. Cao-Biền thường lấy thuật ấy trêu thần núi Tân-Viên thì thấy Vương cởi ngựa trắng đứng tiên mây, khác nhὸ mà đi. Cao-Biền than rằng:

— Linh-khí Nam-phương chưa thể trắc-lượng được, vương-khí đâu khă diệt được, uy-linh hiền-ứng là như thế.

Tục truyền Vương và Thủ-y-tinh cùng cưới con gái Hùng-Vương là My-Nương: Vương dù lể cưới dem đến trước; Hùng-Vương gả cho; Vương rước vợ về ở trên núi Tân-viên. Thủ-y-tinh đến sau mới hàm-

oán, đem cả loài thủy-tộc đánh Vương đè đoạt Mỵ-Nương lại. Vương bèn dùng lưỡi sắt chấn ngang sông Tù-liên đè trấn-át. Thủy-tinh khơi riêng một con sông nhỏ từ sông Lý-Nhân ra sông Hát vào sông Đà đè đánh sau lưng núi Tân-viên. Lại mở thêm một lối nhỏ từ Tích-giang đi đến trước núi Tân-viên, trải qua các làng Cam-giá, Đông-lâu, Thạch-kê, Ma-xá, Dục-giang, xói lở thành vũng sâu đè thông loài thủy-tộc, thường lại nồi cơn gió mưa mù-mịt, dâng nước lên đè đánh Vương. Nhân-dân ở núi đều chè tre đan làm rào thưa đè che đỡ, đánh trống, gã gạo, reo hò đè cứu, mỗi khi thấy rác-rêu trôi ở ngoài rào thưa thì bắn trúng chết hết hiện thành hình-trạng giao-long, cá trach trôi đầy sông ngòi. Quần-chúng thủy-tộc bị thua trở về, lòng vẫn chưa nguôi nên thường đến khoảng tháng tám, tháng chín có nhiều trận lụt, mùa-màng bị hại, dân ở dưới núi chịu thiệt hơn đâu hết, đến nay vẫn còn.

Người đời đều bảo Thủy-tinh, Sơn-tinh đều cưới vợ vậy đó.

XVI

TRUYỆN HAI VỊ THẦN LONG-NHÃN VÀ NHƯ-NGUYỆT

Năm Thiên-Phúc của Lê-Đại-Hành Hoàng-đế tức là năm Tân-ty, vua Thái-Tông nhà Tống sai tướng - quân Hầu-Nhân-Bửu, Tôn-Hoàng-Hưng đem binh Nam-xâm ; họ đến sông Đại-Than thì vua Đại-Hành cùng với tướng-quân Phạm-Cự-Lượng dàn quân ở Đồ-Lỗ để chống-cự, đối lũy cùng giữ.

Vua Đại-Hành mộng thấy hai vị thần đến lạy ở trên sông và thưa rằng :

-- Anh em thần tên là Trương-Hồng và Trương-Hát nguyên trước thờ vua Triệu-Việt-Vương, thường theo vua đánh dẹp nghịch-tặc lấy được thiên-hạ. Sau vua Lý-Nam-Đế cướp ngôi, nghe tiếng anh em thần mới bảo người đến vời, bọn thần vì nghĩa không thể đến nên cùng nhau uống thuốc độc tự-tử. Thượng-đế thương người có công, khen là trung-nghĩa nhất-tiết, cho làm chức Quí-Bộ Tướng-quân thống-lĩnh quí-binh. Bây giờ thấy binh Tống vào cõi mà làm khô cho sinh-linh nước kia nên anh em thần đến đây ra mắt với Hoàng-đế, nguyện giúp ngài đánh giặc để cứu sinh-linh.

Vua Đại-Hành giật mình tỉnh dậy, bảo thị-thần rằng :

— Ấy là thần-nhân giúp ta.

Lập tức đến trước ngự-thuyền đốt hương vái rằng :

— Thần-lực nếu có thể giúp cho công-nghiệp này hoàn-thành thì được ban-phong huyết-thực, vạn-đại vô-cương.

Bèn giết trâu bò cúng-tế và cho áo mǎo, giấy tiền, voi ngựa đốt đi. Đêm ấy, lại mộng thấy hai vị thần đều mặc áo mǎo đã ban cho hôm trước đến lạy tạ ơn. Đêm sau lại thấy một vị thần thống-lĩnh quí-bộ áo trắng từ phía nam sông Bình-giang di lại, một vị thần thống-lĩnh quí-bộ áo đỏ do sông Như-nguyệt mà xuống, cả hai đều đến đánh doanh giặc.

Ngày hai mươi mốt tháng mười, đêm đương canh ba, thiên-khí hồn-ám, gió to mưa lớn cả dậy ; binh Tống kinh-sợ thấy thần lò-mờ đứng ở trên không, cao giọng ngâm rằng :

*Nam-quốc sơn-hà Nam-Đế cư.
Phân-minh đinh-phận tại Thiên-thư.
Có sao nghịch-lỗ sang xâm-phạm.
Bạn chúng chờ xem phải bại-hư.*

Binh Tống nghe vậy, xô đạp nhau chạy tán-loạn, bị bắt sống không xiết kẽ. Quân nhà Tống đại-bại trở về. Vua Đại-Hành lui quân, dâng lễ mừng thắng-trận, bao-phong hai vị thần : Ông anh là Uy-Địch Đại-Vương, lập đền thờ ở ngã ba sông Long-nhân, bảo dân Long-nhân Bình-giang phụng-tự ; Ông em là Khước-Địch Đại-Vương, lập đền thờ ở sông Nhữ-nguyệt, bảo dân duyên-giang⁽¹⁾ phụng-tự, đến nay vẫn còn vậy.

(1) Ở men sông.

XVII

TRUYỆN TỪ-ĐẠO-HẠNH, NGUYỄN-MINH-KHÔNG

Chùa Thiên-Phúc ở núi Phật-tích (nay ở núi Sài-sơn, xã Phúc-sài, huyện An-sơn). Đạo-Hạnh Thuyền-sư họ Từ tên là Lộ ; ông thân tên là Vinh, làm chức Tăng-quan Đô-án triều Lý, thường đến chơi làng An-làng, sau lỡ người con gái họ Tăng. Từ-Lộ là con nàng Tăng thị, lúc trẻ ham chơi-bời nhưng khắng-khai có chí lớn, thường cùng với một nhơ-gia tên là Phi-Sinh, một đạo-sinh tên là Lê-Toàn-Nghĩa, một linh-nhân tên là Phạm-Ất kết làm bạn thân, đêm thời khắc-khổ đọc sách, ngày thời thòi sáo, đá cầu, đánh bạc làm vui ; cha thường trách là hoang-dâng.

Một buổi chiều kia, ông cụ lén vào chổ Lộ nằm dờm thử xem chàng làm gì thì thấy ngọn đèn cháy tàn, sách vở chất đống, Lộ đang dựa án mà ngủ, tay chưa rời quyển sách, từ đấy, ông cụ không lo nữa ; sau Lộ ứng-thí tăng-đồ, đậu khoa Bạch-liên.

Chưa bao lâu, cụ Vinh dùng tà-thuật chống lại Diên-Thành-Hầu, Hầu nhờ Thuyền-Sư Đại-Điên dùng phép đuổi đánh chết, quăng thây xuống sông Tô-Lịch, thây trôi đến cầu Quyết-Kiều chổ nhà Hầu ở, bỗng đứng dậy không đi nữa ; Hầu sợ, chạy cáo với Đại-Điên ; Diên đến đọc kệ rằng :

— Tăng giận chưa thỏa-mãn hay sao ?

Thây liền ứng thanh trôi đi.

Từ-Lộ lo phục-thù cho cha, nghĩ chưa ra kế gì, một hôm lén dờm Diên đi ra liền đón đường mà đánh, bỗng nghe giữa không-trung có tiếng bảo dừng. Lộ sợ quăng gậy mà đi, muốn qua nước Phương-Độ cầu linh-thuật để chống Diên ; đường phải đi ngang qua làng mọi răng vàng, hiểm-trở nên Lộ bỏ về, mới àn lại trong hang núi Phật-tích, thường chuyên trì-tụng Đại-Tử Tâm-Kinh, chú Đà-La-Ni, hết mười tám vạn tám ugàn lần.

Một hôm thấy một thằng nhàn đến thưa rằng :

— Đệ-tứ túc là Trần-Thiên-Vương, cầm công-đức trì-kinh của Sư
nên đến đây hầu-hạ xem Sư có sai-khiến gì chăng ?

Tử-Lộ biết rằng đạo của mình đã viên-thành, thù cha có thể phục
được, mới thân đến đầu cầu Quyết-Kiều, thử ném cái gậy cầm trong tay
xuống giữa dòng nước chảy thì cái gậy trôi ngược lên như con rùa
bơi, đến cầu Tây-Dương-Kiều mới dừng lại.

Lộ nói :

— Phép của ta đã hơn Diên rồi.

Bèn đi thẳng đến nhà Diên ; Diên thấy Lộ bảo rằng :

— Mày không nhớ cái việc ngày trước hay sao ?

Lộ ngang mặt lên trời, thấy vắng-vé không có gì mới đuôi Diên
mà giết. Diên phát bệnh rồi chết.

Tử đẩy thù xưa rửa sạch, tục-lỵ tiêu-tan, Lộ mới du-lịch tùng-
lâm, khảo-sát ấn-chú, nghe sư Kiều-Trí-Huyền ở chùa Thái-bình, thân
đến bái-yết và hỏi đạo chân-tâm, nhân đó đọc bài kệ :

Lặng-lợi phong-trần vắng tiếng-tầm.

Chẳng hay đâu tá ẩy chân-tâm ?

Nguyễn mong chỉ dẫn đường phương-liện ;

Muôn dặm nay không nhọc sức tầm.

Sư Trí-Huyền cũng đáp lại bằng một bài kệ :

Ngọc-phiêu bí-quyết diễn thành âm.

Trong ẩy trăng tròn thấy thuyền-tâm.

Hà-sa đấy phải Đồ-Đề đạo ;

Nghĩ đến Bồ-Đề cách vạn tăm.

Lộ mù-mịt không hiểu làm sao mới bỏ mà đi ; đi qua chùa Pháp-
vân, hỏi sư Sùng-Phạm rằng :

— Thế nào gọi là chân-tâm ?

Phạm bảo rằng :

— Cái gì cũng có chân-tâm hết.

Lộ rõ ràng tinh-ngộ lại hỏi rằng :

— Thế nào gọi là phép Bảo-trụ ?

Phạm bảo :

— Đói ăn, khát uống.

Lộ bái-tạ mà lui.

Từ đấy pháp-lực tăng-gia, thuyền-duyên thuần-thục, rắn núi thú hoang đều hiền-lành đến từng bầy, dốt ngón tay đê cầu mưa, niệm chú vào nước đê trị bệnh, không bao giờ là không hiệu-nghiệm. Có một nhà sư hỏi rằng :

— Tại sao khi thì thầy làm, khi thì thầy nghỉ, lúc thì thầy ngồi, lúc thì thầy nằm mà đều là chân-tâm cả ?

Lộ cho xem một bài kệ :

Có thì cát bụi có.

Không thì một tướng không.

Có, không, trắng dưới nước.

Không sắc át không không. (1)

Lại nói rằng :

Nhật, nguyệt lên đồi núi.

Người người mắt hỏa-châu.

Giàu, có lừa đê cuối,

Đi bộ chẳng cõi câu.

Triều Lý, vua Nhân-Tông chưa có hoàng-tự, gặp năm Tường-Phù Đại-Khánh thứ ba, tháng ba, phủ Thanh-Hoa có dâng sớ tâu rằng :

« Ở mé biển Nhữ-Châu có một tiêu-dồng linh-dị, ba tuổi biết nói, tự xưng là Dị-tử, hiệu là Giác-Hoàng, Bệ-Hạ làm việc gì nó cũng biết.

(1) Bản dịch của Phan-Kế-Binh (trong Nam-Hải Dị-Nhân liệt truyện, trang 126).

Có thì có tự mây-may,

Không thì cả thế-gian này cũng không ?

Thứ xem bóng nguyệt dòng sông,

Ai hay không có có không là gì ?

Vua sai Trung-sứ qua xem, quả như lời nói, mới rước tiều-dồng về Kinh-sư ở chùa Báo-thiên. Giác-Hoàng là Đại-Điên hóa-sinh vậy. Vua Nhân-Tông thấy Giác-Hoàng thông-minh anh-dị, rất yêu, muốn lập lên làm Hoàng-thái-tử; quần-thần đều can cho là không nên; lại nói rằng nếu nó linh-dị thực thì đáng lẽ nên thác-sinh vào nơi cung-cấm nhiên-hậu mới có thè được. Vua nghe theo mới mở đại-hội bảy ngày đêm để làm phép thác-thai.

Tù-Lộ nói riêng với bà chị rằng :

— Đứa trẻ kia là yêu-quái, mê-hoặc rất nhiều người, nếu ta ngồi xem không lo cürü-vân đè cho nó huyền-hoặc nhân-tâm, cồ-loạn chính-pháp hay sao?

Nhân đó khiến bà chị làm người giả đi xem hội, bí-mật cầm vài cái ấn của Lộ đã kết sẵn giắt lén ở trên rèm. Hội đến ngày thứ ba, Giác-Hoàng thụ bệnh, bảo với người ta rằng :

— Khắp cả bốn phía vườn, lưới sắt đều giăng kín mít, không có đường nào mà vào thác-sinh được.

Vua nghi cho Lộ làm phép giải-chú mới bắt đến tra hỏi, quả nhiên như vậy; vua bảo giam Lộ ở lâu Hưng-thánh, hội quần-thần đè nghị tội. Sùng-Hầu đi ngang qua, Lộ van cầu rằng :

— Xin Hầu hết sức cho bần-tăng khỏi tội, bần-tăng nguyện thác-thai trong cung đè báo ân Hầu.

Hầu gật đầu.

Kịp đến khi hội-nghị, quần-thần đều nói rằng :

— Bệ-hạ vì không có con nên mới cầu kẻ kia thác-sinh mà Lộ dám cản gan làm phép chú-giải, thật đáng bị tội đại-lục đè tạ thiên-hạ.

Một mình Sùng-Hầu tâu rằng :

— Giác-Hoàng nếu có thần-thuật, dầu cho Lộ có làm phép chú-giải cũng có hại gì đâu, nay trở lại như thế thì Lộ xuất-sắc hơn Giác-Hoàng rất xa. Ngu-thần trộm nghĩ ví bằng bắt tội Lộ, bắt-nhược tha cho nó đè nó thác-sinh thì hơn.

Vua tha cho Lộ.

Lộ đi lén đến nhà Sùng-Hầu tạ ơn, lập tức đi thẳng đến chỗ phu-nhân Đỗ-thị tắm mà dòm vào. Phu-nhân giận, cáo với Hầu; Hầu đã biết ý, không quở trách. Lộ dặn rằng :

— Lúc nào phu-nhân đến kỳ sinh đẻ phải nói cho tôi biết.

Năm ấy, phu-nhân quả có thai, mãn kỳ, sinh rất khó ; Hầu nhót đến lời Lộ dặn ngày trước, sai người đến bảo Lộ ; Lộ nghe tin báo bèn tắm rửa, thay đồ mặc, bảo với các tăng rằng :

— Túc-nhân của ta chưa hết lại phải ra thác-sinh ở thế-gian, tạm làm Quốc-vương, đến lúc thọ-chung lại phải làm vua hai mươi ba năm, nếu thấy chân-thân của ta tồn-diệt thời là ta vào Niết-bàn chứ không phải sinh diệt đâu.

Tăng-đồ nghe nói, hết thảy đều cảm-động mà khóc. Lộ thuyết kệ rằng :

Thu sang chặng báo nhạn về đây.

Cười bấy nhán-gian nước mắt đầy.

Nhấn với môn-nhân đường luyến-tiếc.

Thay xưa mấy đợt, đến thay nay

Nói đoạn, vào trong hang núi, cởi thây mà đi.

Khi ấy phu-nhân sinh hạ được một con trai, đặt tên là Dương-Hoán, mới ba tuổi đã được Nhân-Tông nuôi ở trong cung, lập làm Hoàng-thái-tử.

Nhân-Tông băng-hà, Thái-tử tức-vị, đó là Thần-Tông, tức là Tử-Lộ hóa-sinh vậy.

Người làng lấy làm linh-dị, bỏ thây vào trong lồng mà phụng-sự ; chỗ Lộ thoát hình bảy giờ ở tại hang núi Phật-tích, chùa Thiên-Phúc, huyện An-Sơn.

Xưa kia ở Tràng-an có người làng Đại-hoàng Đàm-xá tên là Nguyễn-Chí-Thành ở chùa Quốc-lỵ, hiệu là Minh-Không Thuyền-su, lúc trẻ đi du-học gặp Đạo-Hạnh theo học đạo-giáo trải bốn mươi thu ; Đạo-Hạnh khen là người có chí nên truyền tâm-ấn cho, lại đặt tên cho nữa. Kịp đến lúc Đạo-Hạnh tạ-thế, bảo Minh-Không rằng :

— Ngày xưa, đức Thế-Tôn ta đạt-quả viễn-thành, còn có báo-ân cho Kim-Sáng, huống chi pháp-thuật của ta chưa tinh, khởi đầu ta hẵng tự bảo-vệ. Nay ta thác-sinh nhân-thế, địa-vị nhân-chủ, bệnh-trái ở lai-sinh đã định nên khó tránh, có dịp con nên cứu giúp ta.

Khi Đạo-Hạnh thác-hóa rồi, Minh-Không trở về chùa cũ ở mươi năm không cầu có tiếng-tăm gì. Lúc bấy giờ, Lý-Thần-tông bỗng bị một bệnh lạ, tiếng rên la như cọp rống rất sợ. Lương-y trong thiên-hạ ứng-chiếu mà đến kề có hàng nghìn người đều chịu bó tay không làm gì được.

Hồi ấy có bọn tiều-dồng hát rằng :

*Muốn lành bệnh Thiên-tử,
Phải được Nguyễn-Minh-Không.*

Triều-dình sai sứ đi tìm, quả tìm được Minh-Không. Minh-Không đã đến, các thầy thuốc danh-tiếng đều ở trên điện làm phép, thấy Minh-Không phác-ngu, miệt-thị không gia lê. Minh-Không thản cầm một chiếc đinh lớn dài năm tấc đóng vào cột điện, nói lớn lên rằng :

— Ai nhồ được chiếc đinh này ra mới chữa được bệnh.

Nói thế hai ba lần, không một ai trả lời. Minh-Không lại lấy hai ngón tay trái mà nhồ đinh, đinh theo ngón tay ra ngay, mọi người đều kính-phục.

Đến lúc Minh-Không vào thăm bệnh cho vua, thấy vua thì lập tức la lên một cách dữ-tợn :

— Đại-trượng-phu quý là làm Thiên-tử, giàu có bốn phương sao lại sinh ra lồng-lộn lên như thế ?

Vua sợ quá run lên.

Minh-Không bảo lấy một cái chảo lớn, đồ nước dùn sôi lên, nước đã sôi một trăm lần, Minh-Không lấy tay khuấy nước vài cái rồi rảy vào mình vua, bệnh lập tức khỏi ngay. Vua phong cho Minh-Không làm chức Quốc-sư, cho ăn lộc vài trăm nóc nhà để thưởng công cho Ông.

Niên-hiệu Đại-Định năm thứ hai là năm Tân-sửu, Minh-Không tạ-thế, thọ bảy mươi sáu tuổi.

Sau đây là một truyện khác về Minh-Không.

Làng Giao-thủy có chùa Không-lộ, xưa có một nhà sư tên là Trí-Bình-Gian, xuất gia trụ-trì ở chùa ấy, được tiếng khen là người có đức-hạnh. Một hôm, Minh-Không từ ngoài đi vào, có một nhà sư cùng phòng (tức là Đạo-Hạnh) ẩn ở trong cửa, nhảy ra làm như tiếng hò dọa Minh-Không, Minh-Không cười bảo :

— Người đã tu-hành còn muốn làm hò à ? Ta sẽ cứu ngươi.

Sau vài năm nhà sư mất, hóa làm Quốc-vương, chưa bao lâu bỗng hóa ra có lông rỗi nhảy-nhót, gầm-thét, mặt như hình mặt hồ ; triều-định đi cầu khắp các y-vụ tǎng-đạo, chẳng một ai chưa được. nghe Minh-Không có pháp-thuật mới sai người đem thuyền đến rước Minh-Không. Minh-Không lấy một chiếc nồi nhỏ nấu cơm cho bọn thủy-thủ ăn. Sứ-giả cười rằng :

— Thủy-thủ đông như thế, e không đủ.

Minh-Không nói :

— Không, dè họ ăn mỗi người một ít, xem chút hậu-tình của ta.

Tất cả thủy-thủ bốn năm mươi người ăn mãi không hết, mọi người đều lấy làm lạ.

Đến lúc trời chiều, xuống thuyền, Minh-Không lại bảo thủy-thủ cùng Sứ-giả rằng :

— Các người hãy ngủ đi, sáng ngày mặt trời mọc, bần-tăng thức dậy hãy chèo thuyền, nếu không thể thì ta không đi đâu.

Sứ-giả khẩn-cầu không được, phải nằm xuống già đò ngủ thì nghe dưới thuyền có tiếng gió thổi vèo-vèo, qua một thời-gian thì mặt trời mọc, Minh-Không kêu dậy thì thấy thuyền đã đậu ở bến Kinh-dô rồi. Minh-Không bay lên trời vào cung, nấu nước sôi tắm cho vua, tắm vào mình thì lông rụng hết, thân-thề bình-phục như xưa. Vương hỏi có làm sao. Minh-Không thưa :

— Người tu-hành nếu có niệm-mê thì chỉ sám-hối mà thôi không l.hó gì cả.

Vương lại hỏi :

— Làm sao mà sư được thần-thông như thế ?

Minh-Không thưa :

— Đó không phải là thuật, thần sẵn có phong-tật, phát ra không thấy, quả-tượng không hay, cái gì là không thì cứ dè mặc mà đi chứ không phải thần-thông vậy.

Minh-Không lại trả về tay không, vua ban-thưởng gì cũng không lấy. Vua mới cho hiệu là Thần-tăng dè thường công.

XVIII

TRUYỆN NAM-CHIẾU

Nước Nam-Chiếu là hậu-duệ của Triệu - Võ - Đế Đà. Xưa thời Hán-Vũ-Đế, quan Thừa-tướng nước Triệu là Lữ-Gia không phục nhà Hán, giết sứ nhà Hán là An-Quốc và Vương-Lý; Hán-Vũ-Đế sai Lộ-Bắc-Đức và Dương-Bộc đem binh sang đánh, bắt Vệ-Dương-Vương Kiến-Đức và Lữ-Gia rồi chiếm luôn cả nước, chia đặt Thủ Lệnh.

Họ Triệu mấ rồi, con cháu tản-máu ra ở khắp bốn phương, hội lại ở Thần-phù, Hoàng-sơ là những nơi hoang-nhàn không có người ở, đóng thuyền qua biển, giết quan Thủ Lệnh nhà Hán mà xưng làm Nam-Việt, lại ngoa truyền là Nam-Chiếu. Kip đến đời Tam-quốc, vua Ngô-Tôn-Quyền sai bọn Đái-Lương, Lữ-Đại qua làm Thủ-mục để cai-trị.

Nam-Chiếu từ mấy chỗ Thiên-Cầm-Sơn, Hà-Hoa, Cao-Hoàng, Hoành-Sơn, Ô-thị, Hải-Ngạn, Đại-Bộ, Trường-Sa, Chú-Đồ, Cáp-Lội-Lôi, núi cao biển sâu, sóng gió hiem-trở, tuyệt-nhiên không có dấu người, dân-chúng Nam-Chiếu chiếm-cứ mà ở, dần dần càng đông mới đem của-cải châu-ngọc thông-giao với nước Tây-Bà-Dạ mà cầu làm thân-thuộc để cứu-trợ nhau.

Cuối đời nhà Tấn, thiên-hạ đại-loạn, có kẻ Thò-tù tên là Triệu-Ông-Lý cũng là dòng-dối Triệu-Vũ, anh em rất đông, dũng-lực hơn người, dân-chúng đều kính-phục, cũng theo về với Nam-Chiếu đông hơn hai vạn người, lại đem bảo-ngọc cầu thông với nước Bà-Dạ, xin chỗ đất trống ở mé biển mà ở. Bấy giờ, nước Bà-Dạ sai lấy đều một nửa từ bờ biển đến tận đầu nguồn chia làm hai lộ, trên tự Quì-châu đến Diển-châu làm lộ Nhứt-hoàn, dưới từ Cầm-châu đến Hoan-châu làm lộ Lâm-an chia cho Nam-Chiếu do Ông-Lý thống-trị.

Khi Ông-Lý đãp thành & Cao-xá châu Diển-châu, Đông giáp biển, Tây đến Bà-Dạ-Quốc, Nam đến Hoành-sơn tự lập lên làm vua thì nhà Đông Tấn sai Tướng-quân Tào-Khả đem binh sang đánh. Ông-Lý & chỗ yếu-hiem đầu nguồn, mai-phục tượng-binh đón đánh, lại xuất quân ra ngoài núi Liêa-mạt để tránh, giặc tụ thời tan, giặc tan thời tụ, sớm ra tối vào, qua lại bốn năm chưa từng giao-chiến. Quân Tấn không hợp lam-chuồng, tử-vong quá nửa, đến lúc kéo quân trở về, Nam-Chiếu lại xâm-lăng các nơi đô-thành Tràng-an, quan Thủ Lệnh không chế-neg được; đến đời Đường lại càng thịnh-vượng.

♪ Vua Ý-Tông sai Cao-Biền sang đánh ; không hon được, Biền phải trở về. Đến đời Ngũ-Đại, Thạch-Kính-Đường nhà Hậu-Tấn sai quan Tư-mã Lý-Tiêm đem mười vạn quân đánh ở Đồ-sơn ; Nam-Chiếu rút lui bèn phụ vào với nước Ngô-Đầu-Mô giáp giới với nước Ai-Lao, nay là nước Bồn-Man vậy.

Niên-hiệu Hàm-Thông thứ sáu, vua Ý-Tông nhà Đường sai Cao-Biền sang làm Đô-Hộ đem binh đánh Nam-Chiếu, bèn đặt đạo quân Thịnh-Hải ở thành An-Nam và cho Biền làm Tiết-Độ-Sư.

Cao-Biền thông-hiểu thiên-văn địa-lý, mới xem địa-hình dắp La-thành ở phía Tây sông Lô, chu-vi ba nghìn bước mà cư-trú ; có một con sông nhỏ từ Tây Bắc chảy qua phương Nam, lại chảy vào sông Cái ; mỗi lần trời mưa, nước sông dâng lên rộng lớn. Biền cõi thuyền đi chơi bỗng thấy một ông già đầu tóc bạc phau, dung-mạo kỳ-dị đang chơi ở giữa sông cười nói tự-nhiên. Biền hỏi ông già tính-danh là gì. Ông già thưa :

- Ta họ Tô tên Lich.
- Nhà ông ở đâu ?
- Nhà ở giữa sông này.

Nói đoạn, vỗ tay một cái thì trời đất tối-tăm, hốt-nhiên không thấy đâu nữa. Biền biết là một vị thần mới đặt tên sông ấy là sông Tô-Lich.

Một buổi trời mới sáng, Biền đứng ở phía đông Nam đô-thành, trên bờ sông Lô, trông thấy giữa sông lộng gió, sóng cuộn ầm-ầm, mây đen mù-mịt, có một đì-nhân đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng, mặc áo vàng, đầu đội mào tía, tay cầm thẻ vàng bay lên lượn xuống trong ánh-sáng ; mặt trời đã cao ba sào, khí mây chưa tan và hình người vẫn đứng ; Biền rất kinh-dị muốn yểm đi nhưng chưa quả-quyết ; đêm ấy, nằm mộng thấy thần-nhân bảo :

— Đừng yểm ta, ta là tinh Long-dậu, trưởng của địa-linh, nghe ngươi đến dắp thành ở đây chúng ta chưa được gặp nhau nên ta đến ra mắt, nếu có yểm thì ta cũng chẳng lo gì,

Biền kinh-động, sáng ngày thiết dàn làm chay, dùng vàng bạc đồng sắt làm phù-phép tụng-chú ba ngày đêm, rồi chôn phù mà yểm. Đêm ấy sấm-sét ầm-ầm, gió mưa dữ-dội, trong khoảng chốc-lát lại thấy các phù vàng bạc, đồng sắt bị tung lên trời đất, hóa thành tro cháy bay đi mất hết.

Cao Biền than rằng :

— Chỗ này có thần linh-dị, không nên ở lâu mà mặc phải hung-họa, ta nên gấp trở về Bắc.

Sau Ý-Tông triệu Biền về, Biền quả bị giết,

RUYỆN DƯƠNG-KHÔNG-LỘ, NGUYỄN-GIÁC-HẢI

Làng Hải-Thanh có chùa Nham-Quang : Không-Lộ thuyền-sư họ Dương là người làng Hải-Thanh, nhà vốn sống bằng nghề câu cá, sau bỏ nghề câu đi tu, ở chùa thường niệm kinh Già-Trì-Đà-La-Ni-Môn. Khoảng năm Chương-Thánh Gia-Khánh, sư kết làm đạo-hữu với Giác-Hải, lần đến chùa Hà-Trạch nương thân, ăn cỏ mặc cây như quên cả thân-thề, ngoài thiền-tựệt sự tha-cầu, trong thiền tu theo phép thuyền-dịnh, tâm-thần, tai mắt càng ngày càng sáng-suốt, có thể bay lên không, vào dưới nước, phục được hồ, giáng được rồng, muôn trạng nghìn kỳ không ai lường biết được. Sau thiền về làng cũ, lập chùa mà ở ; ngày kia có một nhà Sư hỏi rằng :

— Từ khi ta đến đây, chưa nhở chỉ dẫn tâm-yếu cho, dám xin trình một bài kệ :

Rèn luyện tâm thân mới được thanh.

Sum-sê nhánh thăng đốt hư-linh.

Có người đến hỏi không-không-pháp,

Thân ở bên hình bóng lộn hình.

Sư hiểu, bảo rằng :

— Người đem gốc-tích đến, người đem kinh đến, ta vì người tiếp nhận, ta vì người lo-lắng, chỗ nào lại không hợp tâm-nguyễn của người.

Rồi cười lên ha-hả.

Sư thường thuyết kệ rằng :

Chọn đất long-xà ở thảnh-thơi.

Trọn ngày tu-luyện thú nào vui ?

Có khi lên thăng trên đầu núi.

Ba tiếng kêu to lạnh cả trời.

Sư tịch vào năm Hộ Tường Đại-Khánh thứ mươi (1) (niên-hiệu vua Lý-nhân Tông), ngày mồng ba tháng sáu năm Kỷ-hợi ; môn-nhân thu-liệm hình-hài chôn trước cửa chùa, có lời chiếu mở rộng thêm chùa và quyên thuế ba nghìn nóc nhà để phụng hương-hỏa.

Giác-Hải thuyền-sư cũng là người làng Hải-Thanh, ở chùa Diên-Phúc bản-quận, họ Nguyễn, xưa vốn thích nghề câu cá, thường lấy thuyền làm nhà, trôi nổi trên biển ; hai mươi lăm tuổi mới bỏ nghề câu, cắt tóc đi tu. Ban đầu cùng với sư Không-Lộ ở chùa Hà-Trach, sau tìm về làng Hải-Thanh Thời Ký-nhân-Thông, ông thường cùng với Thông-Huyền Chân-Nhân được triệu vào cung Liên-Hoa, chầu ngồi trên đá mát. Bỗng có hai con cá-giải kêu nhau, rộn tai đáng ghét : vua bảo sư Huyền dùng phép cho nó im đi ; sư Huyền mật niệm-chú, đầu tiên chỉ có một con thôi không kêu nữa. Vua cười bảo Giác-Hải rằng :

— Còn lưu lại một con cho Sa-Môn-Sư đó.

Giác-Hải lập-tức niệm-chú, con kia cũng thôi kêu ngay. Vua lấy làm lạ, làm bài Tán rằng :

Giác-Hải lòng như hải.

Huyền-Thông đạo cũng huyền.

Thần-thông hay biến-hóa.

Một Phật, một thần-tiên.

Nhà sư từ đó nổi tiếng, tăng-dồ trong thiên-hạ theo học, vua cũng lấy lễ mà đai nhà sư.

Mỗi khi giá-ngự đến hành-cung làng Hải-Thanh, vua cũng ngự đến chùa trước. Một hôm, vua hỏi nhà sư rằng :

— Người có nghe nói về phép ứng-chân định-thần chưa ?

Sư bèn làm bài tụng Bát-biển, bay mình lên không cách mặt đất vài trượng, chót-lát lại trở xuống. Vua cùng quần-thần đều vỗ tay khen-ngợi. Từ đấy vua ban cho cái xe Kiến-dư, ra vào các đình.

Đến đời vua Thần-Tông, vua nhiều lần cho Sứ vời sư để Kinh, nhưng sự lấy cớ bị bệnh già mà từ-chối không đến.

Có người hỏi sư :

— Phật cùng với chúng-sinh, ai khách mà ai chủ ?

Sư cho nghe bài Kệ này :

Biết đâu râu người bạc.

Bảo người làm lão-khách.

Nếu rằng cảnh-giới Phật ;

Cửa rồng gấp diêm nghạch,

Gặp đến khi sư gần tịch, lại có một bài Kệ rằng :

Xuân về hoa bướm khéo quen thi.

Hoa bướm đua nhau vẫn ưng-kỳ.

Hoa bướm xưa nay đều cảnh ảo.

Chớ đem hoa bướm hỏi tâm-trì.

Đêm ấy có sao Hỏa-tinh rơi vào gốc Đông-Nam nhà Thái-thất. Gần sáng, sư ngồi nghiêm-chỉnh mà mất. Vua hạ chiếu quyên thuế ba nghìn nóc nhà làm của hương-hòa và cho hai người chúc-quan phụng-tự đè bao thường.

TRUYỆN HÀ Ô LÔI

Niên-hiệu Thiệu-Phong thứ sáu đời Dụ-Tông nhà Trần, (1) có một người làng Ma La tên là Đặng-Sĩ-Dinh làm quan An-Phủ-Sứ, phụng mệnh đi sứ Tàu. Bà vợ là Vũ-thị ở nhà. Trong làng có một ngôi đền thần gọi là Ma-La-Thần, thần-tinh đêm đêm hóa làm Sĩ-Dinh từ cách đứng ngồi đến nét mặt đều giống hệt Sĩ-Dinh rải vào phòng Vũ-thị cùng nàng thông dâm; gần sáng lại đi, không biết đi đâu.

Đêm sau, Vũ-thị hỏi rằng :

— Phu-quân đã phụng mệnh Bắc-sứ, sao lại đêm đêm được về mà ngày thời không thấy?

Thần nói dối rằng :

— Vua đã sai quan khác đi sứ, bảo ta chầu hầu là-hữu cùng vua đánh cờ vây không cho ra ngoài, ta niệm tình vợ chồng nên đêm trốn về với nàng để thỏa bồ ân-ái, sáng ngày phải gấp về triều không dám ở lâu, già gáy lại phải đi.

Vũ-thị trong lòng lấy làm nghi. Giáp một năm, Sĩ-Dinh đi sứ về thì Vũ-thị đã có thai gần đẻ; Sĩ-Dinh đem việc tâu với vua. Vũ-thị bị hạ ngục.

Đến đêm, vua mộng thấy một vị Thần đến trình rằng :

— Thần đây là thần Ma-La, vợ là Vũ-thị đã có thai bị Sĩ-Dinh tranh mất.

Vua giật mình tỉnh dậy, sáng ngày bảo ngự-quan đem Vũ-thị đến tra hỏi sự-do,

Vua phán rằng :

— Vợ thì trả lại cho Sĩ-Dinh, còn con thì giao cho thần Ma-La.

Quá ba ngày, Vũ-thị đẻ ra một cái bọc đen, xé ra thì được một đứa con trai, da thịt đen như mực; đến mười ba tuổi, đặt tên là Ô-Lôi, tuy đen như sơn nhưng da láng như mờ. Mười lăm tuổi, vua triệu vào chầu, rất là sùng-ái nên cho làm tâu-khách.

Ô-Lôi ra đi chơi gặp Lã-Đặng-Tân. Đặng-Tân hỏi :

— Em bé đẹp lắm ! Em có muốn cầu điều gì không ?

Lôi thưa :

— Hiện nay thiên-hạ thái-bình, nhà nước vô-sự, phú-quí xem như dám phù-vân vậy, tôi chỉ muốn có thanh-sắc, cho vui tai thích mắt mà thôi.

Động-Tân nói :

— Em ra thanh sắc thì được cũng như mất, nhưng danh sẽ được lưu ở đời.

Nhân đó bảo Ô-Lôi há miệng xem thử ; Ô-Lôi há miệng ra. Động-Tân nhô nước bọt vào bảo nuốt rồi bay lên không mà đi.

Từ đấy, không biết chữ, nhưng Ô-Lôi biện-bác mẫn-tiệp, có nhiều điều hơn người về từ-chương, thi-phú, ca-kịch, ngâm-xướng ; cái giọng phúng-vịnh như dùa gió cợt trăng, như mây bay nước chảy làm cho ai ai cũng thích nghe, đến như đàn bà con gái lại càng thích nghe hơn, càng muốn thấy mặt nó.

Vua thường bảo ở triều rắng nếu ai có thấy Ô-Lôi gian-phạm con gái' nhả ai, bắt nó đến đây thì vua thưởng tiền một nghìn quan, nếu giết nó đi thì phải bồi-thường một vạn quan. Đì chơi đâu, vua thường cho nó đi theo.

Lúc bấy giờ ở làng Nhân-Mục có một nàng Quận-chúa thuộc về hàng Tôn-thất tên là A-Kim; mới hai mươi ba tuổi mà chồng đã mất sớm, ở góa nhưng nhan-sắc diêm-lệ tuyệt-thể vô-song. Vua thích, nhưng cầu thông không được. Vua lấy làm lạ, bảo Ô-Lôi rằng :

— Mày có kế gì để lấy được Quận-chúa không ?

Ô-Lôi thưa :

— Thần nguyện hết sức trong hạn một năm nếu không thấy mặt thần tức là mưu bất-thành, thần đã chết rồi.

Ô-Lôi bái-tử mà đi, về nhà lập túc cởi bỏ áo xiêm, dầm mình ở bùn lầy, phơi ra nắng mưa cho mặt mày xấu-xí, rồi mặc một cái khố vải già làm đúra giữ ngựa, lấy một đôi giò tre, một phong cau trầu, đến gần ngoài cửa nhà Quận-chúa, đúra phong cau trầu cho người hôn-dồng giữ cửa mà xin vào cắt cỏ. Người hôn-dồng cho vào. Lúc bấy giờ vào khoảng tháng năm, tháng sáu, hoa nhài nở đầy vườn, Ô-Lôi nhất thiết cắt sạch cho vào trong giò. Thị-tỷ thấy vườn hoa đã hết mới hô lên bắt

Ô-Lôî trói lại, giam được ba bốn ngày không thấy người đến nhận, mới hỏi nó rằng :

— Mày ở cho nhà nào, sao không thấy chủ mày đến chuộc ?

Ô-Lôî thưa :

— Tớ là người phiêu-bạc, không có cha mẹ, không có chủ nhà, thường theo lũ con hát làm mướn kiếm ăn. Ngày trước thấy một ông quan cột ngựa ngoài cửa thành Nam, ngựa thì đói mà cỏ thì không có, già-dòng cho năm đồng tiền bảo đi cắt cỏ. Tớ mừng được tiền, đi cắt, có biêt hoa nhài là gì đâu, ngờ là cỏ cả. Bây giờ không lấy gì thường, nguyện vào làm nô dê trả nợ ấy.

Giữ nó hơn một tháng, gia-chủ, nô-tỳ thấy đói khát thì cho ăn uống với họ ; đêm thời ca-xướng, giao-du với hôn-dồng. Từ gia-chủ, nô-tỳ đến kẻ nội-thị cơ-quyến nghe đến tiếng hát của nó đều say mê muốn nghe mãi.

Một hôm, quá hoàng-hôn rồi mà không thấy thấp đèn, Quận-chúa thăm ngõ là tá hưu không có người, giận quá gọi thị-tỳ đến trước mặt dề trách mắng cái tội đã bỏ việc không lo, toan đánh dòn nữa.

Thị-tỳ dèo vòng tay tạ tội rằng :

— Chúng con nghe thẳng cắt cỏ nó ca hát hay quá, say mê quên cả về, không ngờ bỏ việc đến thế, bây giờ Quận-chúa đánh đập hay giáng-truất chúng con đều cam chịu.

Quận-chúa làm ngơ không hỏi nữa.

Lúc bấy giờ tiết mùa hạ nóng-nực, đêm mới đầu canh, Quận-chúa cùng với bọn thị-tỳ ngồi chơi giữa sân, hóng gió trông trăng, lấy làm thẳng-thường, bỗng lảng tai nghe thấy tiếng hát Ô-Lôî ở bên kia tường ; tiếng hát véo-von như tiết-diệu Quân-thiên, khác hẳn thanh-âm ở trên đồi ; tinh-thần nhiễm-hội ý-tứ thê-lương lại càng thêm vui thích, bèn sai thị-tỳ đem Ô-Lôî vào làm gia-dồng, một mình ở bên tá-hưu dề sai khiến, dần dần thành ra một người tó-cận-mật, thường bảo nó ngâm vịnh dề với mối tình uất-kết. Ô-Lôî nhân đó càng thêm siêng-năng, bôn-tầu phục-dịch, Quận-chúa càng thêm tín-sủng cho làm khách-nhi, ngày thời chầu chực bên cạnh, đêm thời cầm đèn đứng hầu ; có khi bảo nó ca xướng ; thanh-âm thấu cả trong ngoài, Quận-chúa vì thế cảm-động mới thành chứng bệnh u-uất : dần-dà đến ba bốn tháng, bệnh lại nặng thêm,

bọn thị-tỷ phục-sức lâu ngày thành ra mõi-mệt, đêm khuya ngủ quên, Quận-chúa kêu không hay biết.

Một hôm Ô-Lôi đêm vào hầu bệah, đứng gần Quận-chúa ; Quận-chúa không ngăn được tình-dục, mới bảo Ô-Lôi rằng :

— Từ ngày mày vào đây, vì giọng hát của mày mà ta thành bệnh

Rồi cùng Ô-Lôi giao-thông, bệnh dần-dần bớt.

Từ đó tình-ái càng ngày càng thâm-mật, đến như cái vẻ xấu-xí cũng không cần đoái-tiếc gì nữa, lại muốn đem ruộng đất cho Ô-Lôi làm nhà ở.

Ô-Lôi nói :

— Tôi không có nhà cửa, nay gặp được Quận-chúa, thực là thiên tiên, đó là phúc cho tôi rồi đó, tôi chẳng muốn điền-sản, vàng bạc, châu-báu, chỉ nguyện được cái mū giát vàng khảm ngọc của Quận-chúa tiền-triều, đợi thử một cái thì dầu chết cũng nhắm mắt vậy.

Cái mū giát vàng khảm ngọc là của Tiên-Đế ban cho Quận-chúa đe dội những khi có lễ triều-cống, đến nay Quận-chúa cũng cho Ô-Lôi không tiếc. Ô Lôi được mū rồi bèn âm-thầm đi về, đeo mū ra mắt vua ; vua thấy thế mừng quá, lập-tức đòi Quận-chúa tiền triều. Ô-Lôi đeo mū đứng hầu. Vua hỏi Quận-chúa rằng :

— Có biết Ô-Lôi không ?

Quận-chúa trông thấy thế ngượng lắm.

Ô-Lôi có bài quốc-ngữ ⁽¹⁾ rằng :

Chỉ đà náu đến nguyện làm tôi.

Hai chữ Thiên-Tiên đe cha Lôi.

Từ đó tiếng dồn ra thiên-hạ, con gái nhà Vương-hầu thường chê cười. Có bài thơ quốc-ngữ rằng :

Sương kè dầu sương vẹn được mướt.

Những nơi quyền-quí thiếu chi người.

Bởi vì thanh-sắc nên say-đắm.

Khá tiếc cho mà lại khá cười!

(1) tức chữ nôm. Những bài thơ sau đều được viết bằng chữ nôm.

Tuy có thơ bì mặt như thế nhưng thường bị tiếng hát lôi cuốn không thể tránh được nên thường cùng nó giao thông; không có ai dám đánh đập nó vì đã có lời Chiếu bắt thường tiền.

Sau Ô-Lôi tư thông với cô con gái đầu lòng của nhà Minh-Uy-Vương; Vương bắt được giam lại nhưng chưa giết. Sáng hôm sau, Minh-Uy-Vương tiến triều tâu rằng :

— Ô-Lôi hồi đêm vào nhà thần, tối sáng khó phân biệt nên thần lở đã đánh chết, dám xin tạ tiền, bao nhiêu thần xin tiếc nạp.

Vua không biết là chưa giết, lập tức phán rằng :

— Lúc đó mà đánh chết thời không kè.

Lúc ấy Huy-Tử Hoàng-Hậu là chị ruột Minh-Uy-Vương nên vua có ý nè. Minh-Uy-Vương trả về giết Ô-Lôi. Trước khi sắp chết, Ô-Lôi ngâm một bài thơ quốc ngữ như sau :

Sinh-tử là trời sá quản bao.

Nam-nhi miễn được tiếng anh-hào.

Chết vì thanh-sắc cam là chết

Chết đáng là nên cơm cháo nào.

Lại bảo rằng :

— Lã-Động-Tân đã nói với ta : « Thanh-sắc của mày, được mắt ngang nhau, lời nói rất đúng vậy ».

XXI

TRUYỆN DẠ-XOA-VƯƠNG

Xưa về thời thượng-cổ, ngoài nước Âu-Lạc của nước Nam-Việt có nước Diệu-Nghiêm, hiệu là Dạ-Xoa-Vương, có người gọi là Trường-Minh-Vương, có người gọi là Thập-Đầu-Vương. Nước ấy phía Bắc giáp nước Hồ-Tôn-Tinh. Nước Hồ-Tôn-Tinh gọi là Thập-Xoa-Vương, Thái-tử gọi là Vy-Tư.

Vợ Vy-Tư gọi là Bạch-Tinh Hậu-Nương, dung-mạo mỹ-lệ, dời ít ai có; Dạ-Xoa-Vương nghe tiếng mà thích bèn đem dân-chúng vây đánh nước Hồ-Tôn-Tinh, bắt được nàng Bạch-Tinh Hậu-Nương.

Vy-Tư giận mồi thống-lĩnh bọn di-hậu dẹp núi lấp biển hết thảy hóa ra đất bằng, phá nước Diệu-nghiêm, giết Dạ-Xoa-Vương, lại đem nàng Tinh-Hậu trở về.

Nước Hồ-Tôn-Tinh là tinh của loài khỉ bây giờ là nước Chiêm-Thành vậy.

QUYỀN THỨ BA
của một nho-sĩ họ Đoàn (1)

(1) Quyền này in chữ ngả để phân biệt với hai quyền trên của Trần-Thế-Pháp
(Xem phần Dẫn-Nhập).

TRUYỆN SĨ-VƯƠNG-TIỀN

Xét Tam-Quốc-Chí thì Vương họ Sí, tên là Nhiếp, người làng Quảng-Đức, quận Thương-Ngô, Tiên-tô là người Văn-Dương nước Lỗ, gặp loạn Vương-Mâng tránh ở chỗ này, đến đời Hoàn-Đế nhà Hán thì làm quan Thái-thú quận Nhật-Nam.

Lúc nhỏ, Vương du-học Hán-kinh, chuyên trị sách Tả-Thị Xuân-Thu (1), đậu khoa Hiếu-liêm, được phong làm Thượng-Thư-Lang, vì công sự bị miễn chức. Sau đậu khoa Hiển-lương Mậu-tài, bỗ làm quan Lệnh Vu-Dương. Đời Hiến-Đế thì thiên-chuyen làm chức Thái-thú Giao-Châu. Gặp cuối đời Hán, Tam-Quốc phân-lập, Sí Vương xây đắp Lăng-thành (nay là thành Long-biên). Hiến-Đế nghe vậy gửi cho Vương một bức tỷ-thư, khiến đồng-đốc bầy quận và thống-lĩnh chức Thái-thú Giao-Châu như cũ. Vương sai quan Lại là Trương-Mân phụng mệnh sang Hán-kinh lo chức cống. Vua Hán lại hạ-chiếu phong cho Vương làm An-Viễn-Tướng-Quân, tước Định-Hầu Long-Độ. Đến đời Ngô-Tôn-Quyền, gia-phong làm Hưu-Tướng-Quân, và tất cả ba con đều được phong chức Lang-Trung. Kịp lúc sang cống phương-vật, vua Ngô hậu-gia thưởng-tứ đê đáp-úy, lại cho người em tên là Nhất lánh chức Thái-thú Hợp-phố, Vũ lánh chúa Thái-thú Cửu-chân, Vũ lánh chức Thái-thú Nam-Hải.

Vương thè-mạo khoan-hậu, khiêm-hư tiếp-dâí mọi người, cáo danh-sĩ nhà Hán tránh loạn qua nhò-vá rất nhiều. Dân ta tôn xưng là Vương. Vương-Huy nhà Hán gửi thư cho Thượng-thư Tuân-Úc đạt-lực nói rằng : « Sí-Phủ-Quân ở Giao-Châu học-văn đã ưu-bác, lại thấu-đạt chính-trị, ở trong cảnh đại-loạn mà bảo-toàn được một phương, hơn ba mươi năm biên-cảnh vô-sự, dân không bị mất mùa, họ Đậu dù giữ Tây-Hà cũng không lấy gì làm hơn được. Huống chi các em của Vương đều làm hùng-trưởng liệt-quận, đi ra thì xe ngựa đầy đường, người đương-thời qui-trọng, uy chấn bách-man, kìa như Úy-Đà cũng không hơn vây ».

Vương thọ chín mươi tuổi, ở ngôi được bốn mươi năm, càng già đi điều-nhiếp nguyễn-khí, giáo-huấn nhân-tài.

(1) Sách Xuân-Thu có ba bản, bản của họ Tạ, tức Tạ-Khâu-Minh được phò-biển nhiều nhất.

*Vương măt, chôn xuống dưới đất, kè đến cuối đời nhà Tấn
thì là một trăm sáu mươi năm ; lúc bấy giờ Lâm-Ấp vào cướp,
khai mả Vương lên thì thấy toàn-thề không hư-nát. mặt mày như
sống ; chúng sợ quá bèn chôn cất như cũ. Đời truyền Vương
được đao tiên, lập đền mà thờ phụng.*

*Niên-hiệu Hàm-Thông thứ tam nhà Đường, Cao-Biền chính-bình
Nam-Chiếu, đi ngang qua vùng ấy thì thấy một dị-nhân, dung-mạo
tú-lệ, y-quan nghiêm-nhâ, liền đón đường nghênh-tiếp ; Cao-Biền
thích lăm, rước vào trong màn nói chuyện về thời-sự đời Tam-Quốc ;
lúc trở ra, Cao-Biền đi đưa chân, hối-nhiên không thấy nứa. Cao-
Biền lấy làm lạ, hỏi những người trang thôn ; họ chỉ mộ Sĩ-Vương-
Tiên mà thưa.*

Cao-Biền than-thở giây lâu bèn ngâm bài thơ rằng :

Sau Hoàng-Sơ nhà Ngụy.

Đến đây năm mươi niên.

Đường Hàm-Thông thứ tam.

May gặp Sĩ-Vương-Tiên.

*Nhân-dân & các châu huyện gần xa có việc đến cầu-đảo đều
thấy linh-úng. Triều nhà Trần gia-phong Thiện-Cảm Linh-Úng Vũ-
Đại-Vương đến nay vẫn là Phúc-Thần. Bấy giờ đến thờ tại huyện
Siêu-loại, xã Thanh Tương, thôn Lũng-Triền, và tại huyện Gia-định,
xã Tam-Ấ ; hai đền thờ ấy đều được phong là thượng-đẳng.*

XXIII

TRUYỆN SÓC-THIỀN-VƯƠNG

Xết sách *Thuyễn-Uyễn-Tập* thì thấy chép rằng : *Xưa* ở *triều* *vua Lê-Đại-Hành*, có *Khuông-Việt* đại-sư người họ *Ngô* thường đến chơi lòng *Bình-Lỗ*, núi *Vệ-Linh*, ưa cái cảnh-trí u-thang ở đó mới lập am mà ở. Một đêm về canh ba, sư mộng thấy một vị thần, mình mặc áo giáp vàng, tay bên hữu mang bảo-tháp, theo sau có hơn mươi người, dáng mặt dễ sợ, đến bảo *Khuông-Việt* rằng :

— *Ta là Tỳ-Sa-Môn-Đại-Vương, Thương-Đế sắc qua đất* *nước Nam* *đề phù-hộ há-dân, có nhân-duyên với* *người* *nên ta đến đây* *thác bao.*

Sư kinh khiếp tinh dậy, bỗng nghe trong núi có tiếng hát, lòng rất sợ hãi. Sáng ngày trong núi thấy có một cây đại-thụ, cành lá rậm-rạp xanh tốt, có thụy-kí bao-trùm lên trên. Sư bảo thợ đốn xuống, khắc-gỗ làm tượng thần đúng như đã thấy trong mộng rồi lập đền-miếu mà phụng-sư.

Năm Thiên-Phúc nguyên-niên, binh Tống vào cướp pháo, vua đã có nghe việc như thế mới sai quan đến đền thờ khàn-đảo. Lúc bấy giờ, binh Tống đóng tại làng Tây-Kết, quân-đội hai bên chưa đánh nhau, quân Tống bỗng thấy một người trồi dậy giữa sông nước, cao hơn mười trượng, tóc đầu dựng đứng, tròng mắt mà nhìn, thần-quang rực-rỡ. Binh Tống thấy vội cả kinh, lùi giữ ngã ba sông, lại gấp phải sông gầm sét nò, giao-xà long-miết nồi lên làm dứ, binh Tống thấy như thế lại càng kinh-khủng chạy vỡ lán-loạn ; tướng nhà Tống là Quách-Tiến đem binh trở về Tống. Vua khen là anh-linh, lập thêm đền thờ đền sùng-phụng. Có kè cho là sau khi Đồng-Thiên Vương đẹp yên giấc Ân rồi, cởi ngựa đến chỗ cây dung núi Vệ-Linh, cởi áo mũ bay lên trời, đến nay đời còn bảo là « di phu: xuân-thu », hễ có cầu cúng, thì dùng trà bánh, đồ chay mà thôi.

Triều nhà Lý sai sứ đến đền cầu-đảo, lập miếu ở làng phia Đông hồ Tây, tôn làm Phúc-thần Đại-vương có chép lại kỷ-tích.

TRUYỆN BA VỊ PHU-NHÂN KIỀN-HẢI

Xét Bản-truyện thì Phu-nhân họ Triệu, Công-chúa nhà Nam-Tống, mẹ con tất cả là ba người, Phu-nhân là con gái út.

Niên-hiệu Thiện-Bảo đời Trần Nhân-Tông, thuộc năm đầu đời Tống-Đoan-Tông, vua Tống chạy giặc ra ở một hòn đảo rồi bị bệnh mất; các đại-tứ-ông-quân là Lục-Tú-Phu và Trương-Thế-Kiệt lập em vua Đoan-Tông là Đế-Duê lên làm tứ-quân. Chưa được bao lâu, Văn-Thiên-Tường bại trận bị bắt đưa về Bắc, Thế-Kiệt đời thuyền vào qua núi Nhai-Sơn. Tường nhà Nguyên là Trương-Hoằng-Phạm đem binh vây bắt, Tú-Phú ôm vua Đế-Duê nhảy xuống biển, Thế-Kiệt cũng nhảy xuống biển mà chết; binh Tống chết hơn mười vạn người; ba mẹ con Phu-nhânvin được tám ván nhỏ trôi đến bờ một ngõi chùa, đói khát không biết nhờ ai; nhà chùa thấy vậy thương tình nên nuôi cho ăn uống.

Ở được vài tháng, Phu-nhân da thịt như xưa, dung-nghi tú-mỹ, nhà sư đem lòng yêu-thích liền sinh thói dâm, đêm đến cầu thông với Phu-nhân; Phu-nhân thủ-tiết cự-tuyệt; nhà sư sau hối-ngợ lật lẩy làm xấu-hồ mới ra cửa biển nhảy xuống mà chết.

Mẹ con cùng khóc bảo rằng:

— Mẹ con ta nhờ tăng dưỡng-dục mới được sinh sống, nay tăng vì ta mà từ-trầm ta nhờ đâu mà sống?

Bè mẹ tự nhảy xuống biển, chỉ em con Phu-nhân cũng nhảy theo chết luôn. Thị-hài bị gió đầy đến cửa biển Kiền-Hải ở Diên-Châu nước ta, tạt vào đến bờ; người ở cửa biển trông thấy thán-thè không có thương-lịch gì, bảo nhau rằng: « Thay từ nước kia trôi đến bờ này, không biết mấy nghìn dặm, mà y-phục dung-mạo y-nhiên như sống ». Mọi người đều kinh-dị, cho là thần-linh, rồi rủ nhau chôn cất, lấp đèn phượng-sư.

Người ở xa gần đi thuyền ngang qua chỗ này, nếu gặp phải

sống glo nguy-cấp mà thành-tâm cầu-đảo thì trong khoảng giây lát
quả được bình-an. Đến nay các nơi cửa biển đều sáng-lập đèn-miếu
mà thờ làm vj Phúc-thần rất linh ở Nam-Hải vậy.

Tục cũ, người làng không hiểu sự-tích, cho là thần Dâm-hý
thực là rất lầm, nên biếu - dương lên làm vj Phúc-thần chính-
trực vậy.

TRUYỆN LONG-ĐỘ VƯƠNG-KHÍ

Thần vốn là vua Long-Độ Vương-Khí vậy. Xưa kia Cao-Biển sang chơi nước Nam, đáp thành Đại-Là vào xong, một hôm đi xem chơi cửa thành Đông thịnh-linh mây mù nồi dậy, thấy đám mây ngũ-sắc từ mặt đất nồi lên, sáng lòa chói mắt, có một người mình mặt áo théu, phẩn-sức kỳ-dị, cởi rồng vàng, tay cầm thẻ vàng, theo mây mà bay lượn trong không-khí mù-mịt, giây lát mới tan. Cao-Biển lấy làm lạ, ngờ là quỷ tú h nên muốn thiết đàn-tràng để trừ yểm.

Thần tác-mộng bảo Cao-Biển rằng :

— Xin ông đừng sinh lòng nghi, ta không phải là yêu-khí mà là Long-Độ Vương-Khí đây, mừng ông đương nay mới dụng Phủ-Thành mà hiện lên xem đấy.

Cao-Biển giác-ngộ, sáng ngày, hỏi các người đi theo mà bảo rằng :

— Ta không thể hàng-phục được người xa, để đến ngoại-quỉ hiện lên thì là điềm chẳng lành.

Có kẻ xin lập Pháp-đàn, làm tượng hình trạng giống như mộng, lấy sắt nghìn cân làm phù đê yểm; Cao-Biển nghe nên làm phù mà yểm. Đến đêm, trời dài tối-tăm, gió mưa rung chuyền đánh mắt cả thiết-phù hóa thành bụi đất. Cao-Biển giận nói :

— Ta biết sê về Bắc.

Rồi thì quả-nhiên như vậy; người ta cho là linh-dị bèn lập đền thờ bên chợ Kinh-sư.

Sau vua Lý-Thái-Tồ kiến-lập thành-quách, mộng thấy một vị thần đến trước, lạy hat lạy chúc mừng; vua nói :

— Người nên giữ hương-hỏa cho được trăm năm.

Thần trả lời :

— Nghiệp-thánh truyền được vạn năm; thần được nhờ đỡn hương-hỏa, há chỉ trăm năm mà thôi sao?

Vua tinh dại, sai làm sinh lě. rơoru lě-lưu đe cúng-lě, phong làm Thăng-Long-Thành-Hoàng-Đại-Vương.

Lúc bấy giờ có gió bão thổi mạnh, phổi sá đồ nghiêng, chỉ thấy đèn thần là y-nuyên như cũ. Vua bèn già-phong Minh-Hanh-Đại-Vương; các lễ Nghinh-xuân, cầu cúng đều làm lễ ở đây.

Đến đồi Trần, ba lần đèn bị hỏa-tai đều cúng không cháy. Quan Thái-sư Trần-Quang-Khai để bài thơ đến nay đương còn được truyền-tụng :

Xưa nghe lừng-lẫy Đại-Vương linh.
Nay mới hay rằng quỉ cúng kính.
Lửa cháy ba lần thiêu chảng rụi.
Gió rung một trận thời nào chênh.
Chi-huy dàn-áp muôn ngàn chúng.
Hô-hấp tiêu-trù trăm vạn binh.
Mong cậy dư-uy trừ giặc Bắc.
Khiến cho vũ-trụ hưởng thanh-bình (¹).

(1) Bản dịch của Phan-kế-Binh (trong Nam-Hải Dị-Nhân Liệt-Truyện, trang 122).

Xưa nghe lừng-lẫy tiếng anh-linh.
Ma cúng ghê mà quỷ cúng kính.
Ngọn lửa ba phen thiêu chảng tắt,
Rơi lột một trận đánh không chênh.
Chì tay đe nén trăm loài quỉ
Quát tiếng trừ tan mây vạn binh
Nhờ đội oai-thần xưa giặc Bắc
Khiến cho non nước lại thanh-bình

TRUYỆN THẦN MINH-CHỦ NÚI ĐỒNG-CÔ

Xét truyện Báo Cục thấy chép rằng Minh-Chủ-Chiêu-Üng-Linh-Đại-Vương vốn là thần núi Đồng-Cô.

Núi Đồng-Cô ở huyện An-Định, làng Đan-Đà-Thượng. Ngày xưa, lúc đang làm Thái-Tử, Lý-Thái-Tông đem binh đi đánh Chiêm-Thành, đến bái Tràng-Sa thì đóng quân ngủ lại; đêm qua canh ba, Vương mộng thấy một vị thần bận binh-phục đến thưa rằng:

— Ta là thần núi Đồng-Cô, nghe Vương nam-chinh, xin theo quân Vương lập chiến-công.

Trong giấc mộng, Vương cùng thần nói chuyện rất tường. Bình Chiêm-Thành xong, Vương đem quân trở về Kinh, sai quan-thần sáng-lập từ-vũ tại Kinh-thành bên hữu chùa Tù-Liêm. Kịp đến lúc vua Thái-Tồ băng-hà, Thái-Tông phụng di-chiếu túc-vị. Đêm ấy thần lại cáo với Thái-Tông rằng:

— Ba vương Vũ-Đức, Đức-Thánh, Đông-Chinh mưu phản.

Sáng ngày, ba Vương đã phục-binh trong thành, đánh gấp các cửa. Thái-Tông ra lệnh cho vũ-thần Lê-Phụng-Hiều đem binh cự-chiến; Phụng-Hiều kêu to bảo Đông-Chinh, Vũ-Đức rằng:

— Ba vương dòm-dò thần-khí, miệt-thi tự-quân, tại sao lại đồng-ân bội-nghĩa? Phụng-Hiều này xin đem gươm đến hiến.

Rồi thằng đến chém Vũ-Đức-Vương, còn Đông-Chinh, Đức-Thánh tàu-thoát được, hung-đồ tán-loạn, nội-nạn thanh-bình quả hợp-üng như thần-mộng. Phụng-Hiều có công linh-trợ, vua sắc phong làm Thiên-Hạ Minh-Chủ; mỗi năm đến ngày mồng bốn tháng tư, vua hột trám quan ở đến mà thề. Lời minh-thệ là: « Làm con bắt hiếu, làm tôi bắt-trung, Thần-minh sẽ giết »; ai ai cũng đều uý-mộ sùng-phụng.

Phụng-Hiều tiêu-trù được nội-nạn, tin thằng-lợi tàu lén, Thái-Tông ban khen, bảo Phụng-Hiều là người trung-nghĩa anh-dũng, hơn Kinh-Đức nhà Đường rất xa. Sau phò vua Nam-chinh, đại-phá giặc Chiêm-Thành, công to nghiệp lớn lừng-lẫy xa gần; dân lập đền thờ, cầu-dão đều có linh-üng; trải mấy triều, Vương đều được giao-phong tặng Vương-lưóc cả.

TRUYỆN THẦN ỨNG-THIÊN HÓA-DỤC HẬU-THÔ

Xét chuyện Báo-Cực thấy chép rằng thần là tinh Đại-địa chủ nước Nam. Xưa Lý-Thái-Tông chính-phát Chiêm-Thành, đi đến cửa biển bỗng thấy gió to mưa lớn, sóng cuộn ầm-ầm, trông xa thấy núi đá, ngự-thuyền cùng các thuyền tùy-lùng đều không qua được, phải đậu một bên bờ. Đêm ấy, vua mộng thấy một người con gái áo trắng quần hồng, đạm-trang dịu-dàng, bước lên ngự-thuyền mà thưa rằng :

— Ta là thần Đại-địa nước Nam, nương thân ở trên cây lâu lăm, nay gặp minh-quân xuất-chinh, nguyện theo Vương đê lập vũ-công.

Nói đoạn, hốt-nhiên đi mất; Vua kinh-hàng thức dậy mới hay là chiêm-bao, cho triệu bá-quan và các bậc kỳ-cựu đến nói chuyện. Nhà sư Tống-Huệ-sinh thưa rằng :

— Nếu như vua đã mộng thấy thần-nhân báo nương thân ở cây thì thử tìm ở đây xem sao.

Vua sai cận-thần tìm khắp các núi trên bờ, thấy một khúc gỗ hình-tượng giống như người, hệt như đã thấy trong mộng. Vua khiến đặt khúc gỗ lên ngự-thuyền, đốt hương cầu-đảo. gọi là Hậu-Thô-Thi-Phu-Nhân. Trong khoảng chốc-lát thì gió êm sóng lặng, thuyền đi êm-ái không có một tiếng động. Đến khi phá được giặc Chiêm, ban sư khai-hoàn, kính-quá chỗ cũ, vua sắc lập đèn thờ thì lại thấy phong-ba nồi dậy như trước.

Sư Huệ-Sinh lâu rằng :

— Ý thần không muốn ở xa bờ biển, xin rước về Kinh.

Khi ấy sóng gió lại êm; về đến Kinh-thành vua bèn lập từ-miếu ở làng An-Làng, uy-chương linh-úng; hoặc có người nào khẩn mạn thì bị hung-họa.

Kịp đến thời vua Trần-Anh-Tông gặp năm trời đai-hạn, vua sai đánh dàn cầu-kđảo. Thần cho vua mộng thấy rằng :

— Duy có thần Câu-Mang ở bản-lù là có thể làm mưa giö.

Vua tinh dậy sai quan Hữu-ly đến tết, quả được mưa lớn đai-kđảo. Bà được phong làm Hậu-Thòi/ Phu-Nhân, trải qua các đời đều có gia-phong vì là có công với dân.

TRUYỆN LONG-TRÀO KHƯỚC-LỒ (1)

Xét Sù-ký và đời truyền thì vua họ Lý, tên húy là Phật-Tử, lường trong họ của Tiền-Nam-Đế. Tiền Lý-Nam-Đế tên là Bôn, huyện Thái-Bình, sẵn có kỵ-là, làm quan với nhà Lương một cách bắc-đắc-chí, lại có Tinh-Thieu giỏi về từ-chương, quan Lại-bộ nhà Lương là Thái-Tổn bè làm Môn-Lang Quảng-Dương, Thiếu cho là sỉ-nhục bèn cùng Lý-Bôn trở về làng.

Nhân Thú-sử Tiêu-Tư tàn-bạo mới liên-kết bọn hào-kịt cùng khởi-binh kéo ra chiếm thành. Lâm-Ấp vào chiếm quận Nhật-Nam, Bôn sai Phạm-Tu đánh phá được, thửa thảng tự xung là Nam-Việt-Đế, đời niên-hiệu năm đầu là Thiên-Đức, quốc hiệu là Vạn-Xuân, được tám năm rồi mất.

Lúc bấy giờ có Việt-Vương họ Triệu, tên húy là Quang-Phục, vốn người Châu-Diên, làm Tả-tướng-quân của Tiền-Lý Nam-Đế. Ở Châu-Diên có một cái đầm lớn, quanh-co không biết bao nhiêu dặm. Tiền-Nam-Đế mất, Vương mới thu-thập tàn-binh hơn hai vạn người, tụ-hội trong đầm (nay tục gọi là Nhất-dạ-trạch); vừa giáp một năm, Vương khàn-đảo trời đất quỉ-thần, được thần-nhân (tục-truyền là Chử-Đồng-Tử) theo cho mồng rồng, bảo giắt ở đầu đầu-máu; đi đến đâu giặc thua chạy đến đó, chém được tướng giặc là Dương-Sẵn, binh nhà Lương phải rút lui. Vương vào chiếm thành Long-Biên, lại chiếm đời qua hai thành Cồ-Loa và Vũ-Ninh, tự-hiệu là Nam-Việt Quốc-Vương. Vương sai chia nước, cắt địa-giới ở bắc Quận-thần mà cai-trị chung, sau Nam-Đế chiếm-cứ châu Ô-Diên.

Con Hậu-Nam-Đế là Nhâ-Lang xin cưới con gái Triệu-Quang-Phục là Cảo-Nương, Vương gả cho. Nhâ-Lang nói với Cảo-Nương rằng :

— Ngày xưa hai thân-phụ ta là cừu-thù, ngày nay lại là thông-gia, cũng thực hay lắm.

(1) tức Lý-Phật-Tử. So-sánh với truyện Kim-Qui & trên.

Nhân hỏi Cảo-Nương rằng :

— Thân-phụ em có linh-thuật gì mà binh của thân-phụ anh phải thua trận?

Cảo-Nương lấy tinh thực thừa với Nhã-Lang : thuận theo ý chồng, nàng lấy trộm cái đau-mâu có móng rồng đưa cho Nhã-Lang xem. Nhã-Lang ám-mưu đổi lấy móng rồng, rồi bảo riêng với Cảo-Nương rằng :

— Anh nay dứt tình mà về thăm cha, vạn nhất có điều gì bất-trắc như giặc đến mà thân-phụ em đánh không hơn, nếu có chạy đi đâu nào thì em nên lấy lông ngỗng ở nệm gấm mà làm gáu, sẽ đến cứu giúp em.

Rồi sau Nam-Đế đem binh đến đánh. Triệu-Vương ban đầu chưa biết gì, đốc binh, cầm đau-mâu ngồi chờ ; binh giặc càng tiến, Vương biết thế kém không chống nổi, bèn dắt con gái chạy về hướng Nam, bỗng thấy Long-Vương chỉ mà bảo rằng :

— Con gái Vương rắc lông chì dẫu là giặc đó.

Vương bèn rút gươm chém rồi cởi ngựa chạy đến cửa biển Tiều-Nha ; bị nước ngăn, cùng đường, lại thấy Hoàng-Long rẽ nước làm đường. Vương theo xuống ; nước bèn hợp lại.

Nam-Đế đuổi đến, thấy nước mênh-mông. Triệu-Vương ở ngôi hào mươi ba năm, quắc-dân cho là kính-dị, mới lập đèn ở cửa biển Đại-Nha mà phung lự.

Nam-Đế đuổi Triệu-Viet-Vương xong, trở về hào xứ Loa-Thành và Vũ-Ninh, phong anh làm Thái-Bình Hầu, giữ thành Long-Biên, Đại-lướng-quân Lý-Tấn-Đinh làm An-Ninh-Hầu giữ thành Ô-Diên.

Nam-Đế ở ngôi ba mươi mốt năm, bị tướng nhà Tùy là Lưu-Phương tiêu diệt. Người đời sau lập đèn ở cửa biển Tiều-Nha mà phung lự.

TRUYỆN BỐ-CÁI ĐẠI-VƯƠNG (1)

Đại-vương họ Phùng, tên là Hưng, người huyện Đường-Lâm, Giao-Châu, tù-trưởng biên-man, hiệu là Lang, hào-phú, có dũng-lực, có thè vặt được trêu, đánh được hù. Em là Hải cũng có sức mạnh, vác nồi nghìn cân, vác cả tảng đá mười hòn hoặc chiếc thuyền con mà đi hơn mươi dặm; các man lào đều sợ uy-danh.

Niên-hiệu Đại-Lịch đời Đường Đại-Tông, nhân Giao-Chỉ binh-loạn trong nước, anh em đem nhau khắc-phục các lân-ấp, đất-đất đều thuộc về anh em cả. Hưng cải danh là Cự-Lão, Hải cải danh là Cự Lực, đều hiệu là Đô-Quân, Đô-Bảo. Bọn tù-trưởng Đường-Lâm và Phong-Châu thảy đều qui-phục, từ đó uy-danh chấn-động. Quan Đô-hộ nhà Đường là Cao-Chính-Bình đem binh dưới trướng đánh không hơn được, ưu-phản thành bệnh mà chết. Hưng vào chiếm-cứ đô-phủ, làm việc cai-trị được mười bốn năm rồi mất, dân-chúng muốn lập Hải lên thay, quan Tá-lai-đầu-mục Bồ-Phá-Lặc là một người mạnh-mẽ, sức có thè xô nát, không chịu nghe theo; dân-chúng mới suy-tôn người con của Hưng tên là An lên làm Đô-phủ-quân để ủy-lạo lòng hoài-vọng của nhân-dân. Hải tránh Bồ-Phá-Lặc, dời sang ở động Chu-Nham, rồi sau không biếng chết ở đâu.

An suy-tôn thân-phụ làm Bố-Cái Đại-Vương, bởi theo phuơng-ngôn thì gọi cha bằng Bố, gọi mẹ bằng Cái, nên chỉ tôn-xưng như vậy. Phùng-An nối ngôi được ba năm, Đức-Tông sai Triệu-Xương sang làm Đô-hộ An-Nam; Xương đến nơi sai sứ dụ An; An cùng với man-nhân về đầu hàng Triệu-Xương; các người họ Phùng bỏ đi tản-mát hết.

Hưng mất rồi, thường hiện linh-dị, dân-chúng cho là thần mồ lấp miếu ở phía Tây đô-phủ mà phụng-sư; hễ khi nào gặp đến mấy việc như trộm cướp và nghi-ngục mà đến đèn thờ thì thấy rõ họa-phúc, nhờ thế hương-hỏa được vô-cùng vặng. (Nay Thò-lù tranh trường cũng hiệu là Lang).

(1) tức Phùng-Hưng.

TRUYỆN TRINH-LINH NHỊ-TRƯNG PHU-NHÂN

Xét quốc-sử thì hai bà Trưng họ Lạc, bà chị tên là Trắc, bà em tên là Nhị, người làng Mê-Linh châu Phong, con gái Lạc-tướng Giao-Châu, ban đầu gả cho Thị-Sách ở Châu-Diên; Phu-nhân người hùng-dũng, hay quả-quyết khi hành-sự.

Lúc bấy giờ, Thái-sử Giao-Châu Tô-Định là một người tham-bạo, người trong châu lây làm khò-sở, bà chị phản-nộ cùng với bà em cù binh công-hàm Giao-Châu, rồi đến mầy quận Cửu-Cân, Nhật-Nam, Hợp-Phố đều hướngh-ứng, lược-định Linh-Nam hơn sáu mươi thành, tự-lập-làm vua, mới xưng là họ Trưng vây. Trưng-Vương đóng đô ở thành Ô-Diên; Tô-Định chạy về Nam-Hải; Hán-Võ-Đế nghe tin, cách chức Định, sai hai tướng-quân Mã-Viện và Lưu-Lòng đem đại-quân sang đánh, đến Lạng-Sơn, hai chị em cự-chiến hòn một năm.

Sau thấy lực-lượng của Mã-Viện cường-lĩnh, e khó chống nổi, hai bà mới thối binh bảo-vệ Cẩm-Khê; quân lính đào-ngũ rất nhiều; Phu-nhân thế-cô bị hâm, chết ở hồ Lâng-Bac, có kè bảo Phu-nhân lên núi Hy-Sơn, không biết đi đâu. Người trong châu thương-liếc, lập đền thờ ở cửa sông Hát-Giang mà phụng-sự, nhân-dân gấp phải tai-nạn đến cầu-đảo tất hiền-thần-linh.

Thời Lý-Anh-Tông, gấp trót đại-hạn, vua sai Uy-Tịnh Thuyền-sư đảo mưa, cầm ứng một ngày thì mưa xuống, mát-mẻ thấu người; một chốc, vua nằm-ngủ, hốt-nhiên mộng thấy hai người đội mũ phù-lưu, bận áo lục, đại đồ, cõi ngựa sắt, theo mưa mà đi qua. Vua lấy làm lạ mới hỏi. Thần-nhân đáp rằng

— Thiếp tức là chị em Nhị-Trưng, phụng-mệnh Thương-Đế làm mưa.

Vua bèn ăn-cần xin thêm thì giờ tay bảo thôi. Vua tinh dại cầm-ta, sắc phong lập đền-miếu rất đẹp mà thờ. Sau lại thác mộng xin vua lập đền ở làng Cồ-Lai; vua nghe theo, sắc phong là Trinh-Linh-Nhị-Phu-Nhân.

Triều nhà Trần gia-phong huy-hiệu là Uy-Liet Chế-Thắng Thuần-Trinh Bảo-Thuận, đến nay hương-hoa vô-cùng vây.

XXXI

TRUYỆN MỸ-Ê TRINH-LIỆT PHU-NHÂN

Phu-nhân vốn người nước Chiêm-Thành, không có họ, tên là My-Ê, vợ vua Chiêm-Thành là Sa-Đầu.

Thời vua Lý-Thái-Tông, Sa-Đầu thất-lê phiên-thần, vua thân-hành nam-chinh, Sa-Đầu đem binh dàn ở sông Bố chính mà chờ; sau rồi bị Vương giết, phu-nhân My-Ê bị bắt; đến sông Hoàng-giang, phu-nhân nghe Trung-sứ phụng mệnh đài đến hùn thuyền ngự; phu-nhân phản-uất vô-cùng, lấy tǎm chiên trắng tự quấn mình rồi nhảy xuống sông mà chết; mỗi khi sương sớm đêm trắng thường có những tiếng khóc ai-oán, người trong nước nghe thấy mới lập đèn-miếu mà phụng-tụ.

Sau khi vua đi chơi sông Lý-Nhân, ngồi trong thuyền rồng, thấy đèn-miếu ở bên sông, lấy làm lạ mới hỏi tả hưu. Tả hưu thưa rằng:

— Đó là đèn My-Ê Phu-Nhân.

Vua cảm-động bảo rằng:

— Quả có trinh-liệt, thế nào cũng bảo trâm.

Đêm ấy đến canh ba, vua mông thấy một người bán y-phục Chiêm-Thành, lạy hai lạy mà khóc rằng:

— Thiếp có nghe đao người đàn bà là một myc theo chồng, sống cùng giường, thác cùng huyết, thủ-tiết không ô-nhục, huống chi Sa-Đầu tuy không thè tranh-tiên cùng Bệ-hạ nhưng khi-khái nam-nhi cũng đã đặc-ý một phuơng, thiếp vẫn đội súng-huệ; Sa-Đầu vì lối đao, Thượng-Đế giáng trách, mượn tay Bệ-hạ để đến bầy giờ quốc phá thân vong, lòng thiếp ngày đêm không quên việc đồ-báo; mặt buồm sáng, may nhờ Bệ-hạ sai Trung-sứ đưa thiếp xuống tuyển-dài, thiếp rất cảm ơn chứ nào có thuật gì mà xưng là linh, nói thêm nhảm tai Bệ-hạ.

Nói đoạn bỗng bay lên không mà đi.

Vua kinh-hàt tinh-dây, sai Thị-thần đem rượu, giết sinh-vật đến tế, phong làm Thiên-Chính Phu-Nhân.

Qua đến niên-hiệu Trùng-Hưng năm đầu, nhà Trần gia-phong là Tá-Lý Phu-Nhân, đến năm Trùng-Hưng thứ tư, gia-phong hai chữ Trinh-liệt, đến năm Hưng-Long thứ hai mươi mốt, gia-phong hai chữ Trực-Manh để biếu-dương cái liết đoan-trinh của phu-nhân.

TRUYỆN HỒNG THÁNH ĐẠI HỒNG VƯƠNG ⁽¹⁾

Xét Sứ-ký thì Vương họ Phạm, tên là Cự-Lượng, xưa thời vua Lý-Thái-Tông, phủ Đô-hộ có nhiều nghi-ngục, quan Sứ-sư không hay minh-quyết, nghĩ nên lập đền-miếu ở ngục, ý muốn nhờ sự hiền-hách của thần-linh và để răn đe kẻ gian-trá, mới tẩm gội đốt hương xin cáo với Thượng-đế.

Đêm ấy, vua mộng thấy một Sứ-giả áo đỏ, nói là Thượng-đế có khán-sắc cho Cự-Lượng làm Minh-Chủ ngục-tụng đô-phủ. Vua hỏi Thiên-sú rằng :

— Thế thì là người nào, hiện giờ chúc gì ?

Thiên-sú :

— Vua Lê-Đại-Hành có người bầy-tột là Phạm Thái-Úy, làm tột lận-trung với vua, đến ngày ta-hé, Thượng-đế khám-xét công-lao, bồ làm Nam-Đại-Trung-Ty-Lực, lấy chúc cũ sai xét đoán nghi-ngục của dân-gian.

Nói đoạn không biết đi đâu.

Vua tỉnh dậy, vời hỏi tả-hưu, quan Tè-chấp nói :

— Ấy là một người hiền-lành, là cháu quan Châu-mục Vũ-An là Phạm-Chiêm, con quan Tham-chính Phạm-Man, em quan Đô-úy Phạm-Dật. Phạm-Chiêm giúp vua Ngô-Vương có công khai-quốc gia-phong Đồng-Giáp Tư-đồng-quân. Phạm-Man giúp Nam-Tấn vương thăng chúc Tham-chính. Phạm-Dật giúp vua Đinh-Tiên-Hoàng. Phạm-Cự-Lượng giúp vua Lê-Đại-Hành có công, quan thăng Thái-úy đều là bậc danh-dị cả.

Vua cho là phảt, phong làm Hồng-Thánh Đại-Vương.

Vua lại mộng thấy thần-nhân bận đồ quan-phục cỗ-miễn, rảo đến trước sân lạy tạ, giống như thị-thần còn sống. Vua lấy làm lạ, sai soạn văn khắc bia để chép sự linh-dị của thần.

(1) Truyện Phạm-Cự-Lượng

TRUYỆN MINH-ÚNG AN-SỞ THẦN-TƯ (¹)

Xét Đỗ-Thiện thấy chép Vương họ Lý tên là Phục-Man, người làng Cồ-Sở.

Lý-Thái-Tồ ngự chơi đến bến đò làng Cồ-Sở, trông thấy từ-khi của núi sông, cảm-hứng tràn-ngập, mới rót rượu đổ xuống sông mà nói :

— Trẫm nghe chỗ này sơn-kỳ thủy-tú, nếu có nhân-kìệt, địa-linh, thần-kỳ, xin thụ minh-hưởng của ta.

Rồi thì đến đêm mộng thấy một đị-nhân cao lớn đẹp-de cùi đầu xưng là răng :

— Thần là người bàn-hương, họ Lý tên Phục-Man, giáp qua Lý-Nam-Để làm Tả-tướng, nhờ sự trung-liệt được danh, trao cho một dãy sông nước Đỗ-Động giữa dân-cư. Đến ngày chết, Thiên-dế khen là người trung-trực, lại già phong giữ chức như cũ. Thần thường nhiều lần lanh quỷ-binh đánh phá nghịch-tặc nhiều năm ở đây. Nay gặp Bệ-hạ đoái-thương cho thần giữ chức hôm mai ở đây.

Rồi lại than răng.

Thiên-hạ gặp mờ tối.

Trung-thần dấu tinh-danh.

Giữa trời nhật-nguyệt sáng.

Ai chẳng thấy rõ hình.

Nói đoạn, bỗng biến bay đi mất.

Vua Thái-Tồ giật mình tỉnh dậy, đem chuyện mộng nói với một người ; quan Đại-phu Vương-Niệm-Chí nói :

— Đó là ý thần muốn lập đèn-miếu, trùng-tu hình-tượng,

(1) Truyện Lý-Phục-Man.

Vua sai quàn-thần xin keo, quả được, mới khiến thợ thiết-lắp
đến-miếu chạm-trồ hình-tượng giống như đã thấy trong mộng, già-phong làm Phúc-thần một phuơng.

Đến khoảng năm Nguyên-Phong nhà Trần, mọi Thát-Đát vào
cướp, ngựa què không tiến được, khua vào trong thôn ; thôn-nhân ý
uy-lực của thần, đem dân-chúng ra cự, phá được quân giặc ; Thát-
Đát không dám dòm-dò nữa.

Đầu nhà Trần, đài Trùng-Hưng nguyên-niên, giặc Bắc lật
vào cướp, đến chỗ nào đều đốt phá nhà cửa, kíp đến đì ngang
qua Tù-Sở, như có phòng-hộ, mảy lông mùa thu không dám xâm-phạm.

Giặc đã yên, vua già-phong mỷ-hiệu bốn chữ : Diên-Án Minh-
Úng, đến nay càng hiền-hách thần-linh vây.

TRUYỆN ĐẠI-THAN ĐỒ-LỒ THẠCH-THẦN (1)

Xét Đồ-Lồ bản truyện thì Vương họ Cao tên Lồ là một người tài giỏi của An-Dương-Vương. Tục-danh Đồ-Lồ Thạch-Thần cũng gốc bởi tên thần là tinh của Thạch-Long vậy.

Sau khi bình-định Nam-Chiếu xong, Cao-Biển đi tuần-hành ở châu Vũ-Ninh, đến một chỗ địa-đầu, mộng thấy một dị-nhân mình cao chín thước, tướng-mạo kỳ-khôi, búi tóc dài trắng, giắt trâm băng dao, áo cụt đỏ, nịt đỏ, đến yết-klein Cao-Vương; Cao-Vương hỏi :

— Người tên là gì ?

Thưa :

— Thần tên là Cao-Lồ, ngày xưa giúp An-Dương-Vương làm Tướng-quân, thường có công lớn dưới giặc, bị Lạc-hầu đemm-pha nên bỏ đi. Sau khi đã mất thì Thương-đế thương là trung-trực nên cho giữ một dải giang-sơn, chức Quản-Lãnh-Đô-Tướng-Quân; việc bình Nam-Chiếu, việc thảo-trù giặc cướp, việc gieo mạ gặt lúa đều am-tuờng cả, làm Phúc-thần một phuơng. Nay theo Minh-Công tuerc-bình nghịch-lặc, bờ-cõi lăng-lê, thần phải trở về bẩn-bụ, nếu không cáo-tạ thì phi-lê.

Cao-Vương lấy làm lạ, hỏi :

— Lạc-hầu việc gì lại ghê ?

Thưa rằng :

— Việc u-đam không thể tiếc-lại.

Cao-Vương lại hỏi thì đáp rằng :

— An-Dương-Vương là tinh Kim-kê, Lạc-hầu là tinh Bạch-viên, Mô là tinh Thạch-long. Gà với ươn hợp nhau, còn rồng thòt tương-khắc là vì vậy.

Nói đoạn, biến mất.

Cao-Vương nói với liêu-thuộc, tự ngâm thơ rằng :

(1) Truyện Cao-Lồ.

Đẹp lâm đăt Giao này,
 Vững-vàng muôn thuở đây.
 Cõ-hiền lại tương-kiến.
 Trọn chẳng phụ linh-dài.

Lại ngâm thơ răng :

Bách-Việt yên bờ cõi.
 Một vùng định núi sông.
 Thần-linh đều thuận giúp.
 Phúc họ Đường chẳng cùng.

Lại ngâm thơ răng :

Sông núi nước Nam đẹp.
 Long-thần ở đất linh.
 Châu-dân khỏi nhăn trán ;
 Nay lại được an-bình.

*Trải qua mấy triều gia-phong mý-hiệu, đến nay hương-hỏa còn
 rực-rỡ vây.*

TRUYỆN XUNG-THIÊN CHIÊU-ÚNG THẦN-VƯƠNG

Xét Cồ-Pháp-ký và bia Kỷ-Đức thì Vương gốc là vị Thần-thần chùa Kiến-sơ. Ngày xưa làng Phù-Đồng lập đền Thờ-địa-thần ở bên hữu của chùa để làm nơi tung-niệm, đến sau tăng-đồ vắng-vắng, năm tháng chầy lâu, người làng lấy chỗ thần-tử theo tập-lục mà cầu-đáo. Kịp đến khi Đa-Bảo thuyết-sư trùng-tu chùa quán, thấy Truyền-Đăng cho là dám-tử ý muốn dời đi.

Một hôm thần đề bài thơ ở một gốc cây, trong đền rằng :

Phật-pháp hay gìn-giữ.

Là nhở Trú-Kỳ Viên.

Nếu không bọn ta đó ;

Đá, dời chỗ khác liền.

Chẳng chép Kim-Cương bộ ;

Dẫu kín Ná-la-diên.

Vài ngày sau lại thấy tám câu Kệ đề rằng :

Phép Phật từ-bi lớn.

Sáng trùm cõi tam-thiên.

Vạn-thần đều biến-hóa ;

Tâm-giới thấy quanh bênh.

Thầy ta làm chính-lệnh.

Tà-quí dám tranh tiên.

Nghe theo lời thầy dạy.

Lớn nhỏ học Kỳ-Viên.

Pháp-sư hiểu biết một thiết-đàn để cho thần thụ-glót, cũng đều dùng đồ chay cả.

Xưa kia vua Lý-Thát-Tô đang buôn tèn-long biết nhà sư Đa-Bảo là người cao-hạnh, thường cùng theo ông đi chơi, sau khi thụ-thiền thì vua thân-hành đến chùa. Khi y và sư trước ngực đã ngang bên đền có lên tiếng hỏi thần rằng :

— Phật-tử đã có thể bỏ trần-tục, lại có thể khánh-hạ lân-Thiên-tử không?

Thần lập-lúc trả lời, tự đẽ bốn câu rằng

Đế-đức càn-khôn lớn.

Uy-linh động tám miền;

Uy-minh nhờ ân-trạch,

Nhuần-thẩm khắp Xung-thiên.

Vua nghe đọc bài thơ, biết tình-ý của thần mới cho hiệu là Xung-Thiên Thần-Vương, hối-nhiên bài thơ biến mất. Vua lấy làm lạ, sai thơ chém trồ tượng thần, dung-mạo trác-vỹ và các thi-lùng, làm lễ khai-quan khánh-tán xong, hốt nhiên thần lại hiện ở cột chùa bốn câu kệ rằng :

Một bát nước công-đức.

Theo duyên hóa thế-gian.

Quang minh lại soi-sáng.

Bóng lặn nhật lên non.

Sư đem bài kệ trình vua Lý-Thái-Tông, Thái-Tông không hiểu ý làm sao; sau đến đời Lý-Huệ-Tông mặt ngồi là đời thứ tam, tức là bát công-đức, húy chữ 爰⁽¹⁾ tức là bóng mặt trời lên núi mặt nước. Kệ của thần cũng đáng tin thay!

Trái mẩy đời, gia-phong mỹ-lự, phùng-sự hương-hoa đè biều-dương sự phù-hợp của thần.

(1) 爰 là chữ Sản, tên của Lý-Huệ Tông khi chưa lên ngôi. Chữ Sản gồm có chữ nhật nghĩa là mặt trời, trên chữ son nghĩa là rải. Chữ này cũng thấy trong Tù-Hải.

TRUYỆN KHAI-THIÊN TRẦN-QUỐC ĐÀNG - CHÂU PHÚC - THÀN

(Đây là một-vị trong mươi hai Sứ-quân. Miếu ở huyện Kim-Động, xã Đằng-Châu).

Xét sự Đỗ-Thiện thì thấy chép rằng Thần vốn là vị Thần Thò-địa ở cõ-miếu Đằng-Châu. Xưa cuối đời Lê-Ngọc-Triều, Lý-Thái-Tò chưa lên ngôi, còn giữ thân-vệ-binh, thực-äp ở Đằng-Châu, có khi đi chơi xem đèn bản-hương, thuyền đi giữa sông bồng gập gió to mưa lớn, vương ngoảnh lại hỏi :

— Trên bờ sông là đèn thò thần gì thế, có linh-úng không ?

Thưa rằng :

— Đó là đèn thò thần Thò-Địa của Đằng-Châu, dân thường đến cầu mưa đảo nắng, cho là linh-úng.

Vua Thái-Tò lớn tiếng bảo rằng :

— Nếu làm lui được một trận gió mưa, khiến nửa bên tạnh rào mới là linh-úng.

Trong khoảng chốc-lát, quả một nửa sông mưa, một nửa sông tạnh ; vua cho làm lợ bèn khiến sửa-sang từ-vũ mà phụng-sự. Thông-nhân có bài thơ rằng :

Tốt bấy Đại-vương danh-vọng trọng.

Đằng-Châu Thò-địa hiền thần-linh.

Khiến cho mưa lớn không xâm-phạm.

Một nửa sông mưa, nửa vắng tanh.

Vua nghe bài thơ, thăm có ý tự-phụ. Kịp đến thòi vua Ngoại-Triều hôn-bạo, vua loan mưu đại-sự nên đến đèn thần xin cáo mộng. Đêm ấy, vua mộng thấy Thần-nhân cáo rằng :

Muốn thắng tất thắng.

Muốn thành là thành.

Muôn nước hướng thăng-bình.

Ba năm nên hoan-lạc.

Bảy miếu tự an-ninh.

Rồi vua tinh dậy, chưa hiểu ý i
quê bối cho là điểm lành.

quê,

Sau vua Thái-Tồ lên ngôi, thăng ... làm Thái-Bình Phủ, đặt thàn làm Khai-Thiên Thành-Hoàng Đạt-Vương.

Bởi Trùng-Quang nguyên-niên gia-phong mỹ-hiệu bốn chữ : Khai-Thiên Trấn-Quốc. Đến thàn ở trong đê sông thường bị nước lụt tràn vào ; người trong thôn ở gần bờ sông có khi trông thấy xe ngựa, cờ lọng và thị-lùng như là đến để phòng-hộ nước lụt ; bởi vậy đê tuy bằng-phẳng thấp bé mà nước lụt không vào làm hại được, đó là nhờ ở sức hộ-trì của thàn.

Trải qua lâu năm sông lở gần đến đền thàn ; đến niên-hiệu Tống-Nguyên, năm Bình-Tuất, về tiết mùa đông, lại đắp nền lấp miếu trên đê lớn, gian giữa sấp xong. Một hôm, huyện-lại và thợ-thuyền ngủ ở nhà tranh ngoài chân đê thì nghe tiếng người đến mượn cuốc xêng, tiếng cuốc bới vọng lại như thợ-thuyền đang công-tác. Đến sáng họ qua xem thì thấy cái trụ bằng đá đã đem dời vào bên tả-ngạn hơn ba thước ; như thế linh-dị càng rõ hơn vậy.

Kịp đến ngày rước thàn vào đinh, quan Tri-phủ Khoát-Châu tên là Hoàng-Nam-Kim có đề bài thơ ở miếu rằng :

Bờ bãi đất chia ranh chó-chó.
Khai-thiên huyền-tạo ngóng voi-voi.
Đền thành muôn biết chân linh-tích.
Đêm ấy công-thần khéo chuyền dời.

H. BẠCH-HẠC THẦN-TÙ

Xét Giao-Châu kỵ của Triệu-Công thì thấy chép rằng : Thần này vốn hiệu là Thò-Lệnh-Trưởng. Trong khoảng niên-hiệu Vĩnh-Huy Cao-Tông nhà Đường, Lý-Thường-Minh sang làm Đô-đốc Phong-châu.

Thường-Minh mới đến nhậm chức, thấy đất rộng nghìn dặm, núi sông bao-bọc, mới dựng quán Linh-Quán tại làng Bạch-Hạc, thờ tượng Tam-Pháp cho xứng với phong-cảnh kỵ-võ ; lại biệt-lập trước sau hai cái nhà ngang, nghĩ muốn đáp tượng thần Hộ-Quán nhưng chưa biết thần nào linh-bèn đốt hương cầu rằng :

— Thần-kỵ ở đây, nếu có linh-hiền thì kíp hiện hình-trạng để tiện đắp tượng.

Đêm mang thấy hai đì-nhân, diện-mạo ôn-nhã, có đồ-dài theo hanka, rầm-rộ kéo đến nhà ngang trước sân.

Thường-Minh hỏi rằng :

— Các ông tên họ là gì ?

Một người xưng là Thò-Lệnh, một người xưng là Thạch-Khanh. Xin thử so-sánh vỗ-nghệ, ai hơn thời ở trước. Thạch-Khanh vâng lời, nhảy một cái qua bên kia bờ sông đã thấy Thò-Lệnh đứng đó rồi. Khi ấy Thò-Lệnh được ở trước. Thần-tượng uy-linh người trong chầu kính-sợ, phụng-sự hương-hỗa, làm vị Phúc-Thần ở Kim-Giang vây.

Triều nhà Trần, Hán-Lâm Học-Sĩ Nguyễn-Cố hộ-giá vừa đi đánh Ai-Laç, đến đến bái-yết, có đề bài thơ rằng :

Rửa, rồng, phù, ăn buộc lưng ngang.

Việc ấy mong cầu phụ tướng-quan.

Hèn-yếu thư-sinh không chỗ cậy.

Đến xin từ-quán được bình-an,

Lại có Hạc-Sĩ Vương-Đức-Thành hộ-giá nam-chính, đến lúc khai-hoàn, vua bảo làm bài thơ tán thẩn rằng :

Tỳ-hưu mười vạn rõ Vương-linh.

Thé ép Vân-nam ái ngoại thành.

Giang tả con con nào đủ mộ.

Gió reo tiếng hạc khiếp Tần-binh.

XXXVIII

TRUYỆN THẦN-CHÂU LONG-VƯƠNG

Đời truyền: Thần-vương là tinh của Viêm-Long-Vương. Xưa đời Hồng-Lạc có người làng Hân-Kiều, họ Đặng, một người tên là Quyết, một người tên là Thiện Xa, anh em xuống biển làm nghề bắt cá. Lúc bấy giờ họ gặp một vật lạ, hình-trạng giống như gỗ, dài vừa ba thước, màu như màu tr匡ng chim, theo con nước mà nổi lên; hai người vớt được; đem bỗng nghe trong đốt gỗ có tiếng như hai người nói chuyện; anh em cả kinh đem quăng gỗ ra sông, chổng thuyền đi nơi khác mà ngủ thì mộng thấy một người đến bảo hai anh em rằng:

— Bởi vì trước đây bà Đông-Hải Long-Phi tư-thông với Viêm-Long-Vương, sợ Đông Hải-Vương biết nên đem gởi cho bọn người gìn-giữ, chó cho kẻ khác xâm-phạm đến; nó không lớn lên sẽ làm phúc cho các người không việc gì mà sợ.

Hai người giật mình tỉnh dậy cùng nói với nhau hối-nhiên đã thấy đốt gỗ đèn sán lại bên thuyền; hai người lấy làm lạ, vớt lên chờ về. Về đến làng Bố-Bát, đốt gỗ ở trong thuyền bỗng nhảy lên trên bờ. Hai anh em cho là thần muôn ở chỗ này mới lập đèn thờ, thuê thợ khắc gỗ làm tượng mà phụng-sư; thần linh-áng, hiệu là Long-quân.

Tiền-triều sai người tìm ngọc-châu ở cửa biển thì tìm được rất ít, duy chỉ có con cháu nhà họ Đặng là tìm được rất nhiều. Sát-quan hỏi tại sao, con cháu họ Đặng đem sự thực trình-cáo. Sát-quan vâng triều-mệnh sắp lễ đến tế, do đó tìm được rất nhiều ngọc-châu. Vua bao-phong cho hiệu là Thần-Châu Long-Vương, trải qua mấy đời đều già-phong mỹ-hiệu rất có linh-áng, nhưng sau có kẻ gian hoài-qán, trừ yểm, cũng có hại cho lương-dân, thật đáng tiếc,

XXXIX

TRUYỆN NI-SƯ ĐỨC HẠNH

Thanh-Lương Ni-Sư người họ Phạm, con nhà thế-tộc Giao-chỉ, xuất-gia làm Ni ở Thanh-Lương, không kẽ đồ mặc chỉ biết khò-hạnh, cốt lấy cẩn-khắn giải-ngộ làm thông-sướng ; sư thường tập phép xuróc-ngại, diện-mạo giống như La-Hán, tăng-đồ xa gần đều kính sợ coi là một vị Ni-Sư ở đời ; nhà của Sư thì cho tăng-đồ làm chùa Hồng-Vũ. Có Trần-Tú, tên là Huệ-Thông Đại-Sĩ ở núi Vọng-Đông, một hôm bảo đồ-đệ rằng :

— Ta muốn đem thân này thi cho hò-lang.

Một đêm đạo-sĩ ngồi vào phiến đá nhỏ và tuyêt-thực ba ngày ; hò-lang đến ngồi quanh không dám đến gần. Tăng-đồ khẩn xin đạo-sĩ trả về am, mở cửa nhập-định. Khi gần mốt, Huệ-Thông tập-hop tăng-đồ để thuyết-pháp, nhân đó đóng cửa ngồi yên mà hóa, thọ hơn tám mươi tuổi. Trần-Tú có cốt Phật Xá-Ly rất nhiều, vì vậy có quan dụng tháp ở bản-lự.

Trước kia Huệ-Thông thường dặn đệ-tử rằng :

— Sau khi ta chết, nên lấy xương ta cho thế-gian rửa bệnh.

Đến lúc thu cốt, đệ-tử không nỡ lấy chỉ bỏ vào hòm đậy lại ; cách đêm bỗng thấy cái xương lớn để ở trên ghế ngoài hòm ; chúng lấy làm lạ, cho là linh-nghiệm.

Sau người nào có bệnh đến cầu-đảo, đệ-tử mà vào nước ; đem cho rửa, lập tức lành ngay ; lời thề-nguyễn sâu-xa đến nhụt thề.

TRUYỆN PHẠM-TỬ-HƯ THỜ THÀY

Thờ vua Lý-Huệ-Tông, có Phạm-Tử-Hư, người làng Nghĩa-Lư, huyện Cầm-Giang, nhà nghèo-túng, dời đến ở Hoa-Phong; người thiếu-niên sống cô-độc, nhưng lại lạc-đạo và hiếu-học; theo thầy là Công-Trạm, tên chũ là Công-Trực, chàng thường như lời giáo-huấn, học-tập ý-khiến thầy mà làm văn-chương. Đến khi Công-Trực mất, đứa con tuổi còn ấu-thơ chưa có thè phụng-sư. Tử-Hư thưa với mẹ rằng :

— *Thầy nghèo con dại, mẹ có thè để cho con bao nhiêu ruộng ?*

Bà mẹ nói :

— *Có thè cho con sáu sào.*

Tử-Hư khóc :

— *Xin mẹ trích ra hai sào bán cho người trong thôn lấy tiền để giúp thầy.*

Bà mẹ cũng khóc nghe theo, bán hai sào ruộng được ba mươi nghìn tiền. Tử-Hư mua sắm các vật đê trợ-tế cho thầy. Lại làm nhà ở bên mộ thầy, ngày đêm hương-hỏa, phụng-sư trong ba năm, xong việc mới trở về. Đến khoa Giáp-tý thì ưng-thí, đậu tam-trường; khoa Đinh-mão lại ưng-thí, đậu tú-trường. Năm ấy tháng mười một, trên đường từ nhà đến Kinh, Tử-Hư đi đến chùa Châu-Vô; gặp ngày trời nắng to, Tử-Hư vào nghỉ ở chùa, bỗng thấy Công-Trực ngồi ở trong. Tử-Hư kinh-sợ vừa lạy vừa khóc rằng :

— *Thầy về âm-ly đã bảy tám năm nay, không hiểu vì sao lại thấy ở đây ?*

Thầy bảo :

— *Tử-Hư có nghĩa với ta nên ta hiền-hiện lên đây để bảo cho biết.*

Tử-Hư cúi đầu khóc rống :

— *Ngày thầy về, nhà con nghèo-túng không lấy gì làm lễ, ngày nay gặp thầy cũng lại tay không mà thót, lấy gì làm nghĩa ?*

Thầy đáp :

— Sinh-thời, ta ở trên dương-thế có công bình chính-trực nên Thương-de cho làm Phán-quan, kiêm-trị việc công-cử.

Tư-Hư thưa :

— Thầy có biết phận-mệnh của con ra sao không?

— Nay thì ta chưa biết, con cứ về đi, đến ngày hai mươi tháng chạp sang năm lại đến chùa này, ta sẽ bảo cho.

Tư-Hư bái lạy về nhà. Đêm ngày, chàng suy-nghĩ và tin vào lời nói của Thầy. Đến ngày, Tư-Hư thưa với mẹ rằng :

— Mẹ ở nhà, con đi qua Kinh-sư theo quan Kinh có việc.

Rồi đem theo rượu thịt đến chùa, đã thấy thầy và các đệ-tử & đồ rồi. Tư-Hư cài đầu lạy, dọn rượu thịt dâng lên thầy ; thầy trò cùng nhau ăn uống.

Thầy bảo Tư-Hư cởi áo mû đi giao lại cho đệ-tử, rồi lấy áo mû của đệ-tử mặc cho, xong thầy lấy tay phết vài ba cái ; Tư-Hư nhắm mắt lại theo thầy đi lên trời. Đến chỗ làm việc của Nam-Tào Bắc-Đầu, Tư-Hư ngồi hai bên tả hữu, thầy cũng ngồi phía dưới, cùng luận-xét những người đức-hạnh văn-chương trong thiên-hạ để yết tên lên bảng.

Có người tiễn-cử Trần-Thái ở Quế-Dương, ưu-báu về văn-học. Nam-Tào nói :

— Trần-Thái có văn-học nhưng không có đức-hạnh.

Có người tiễn-cử người làng Tây-Mục là người có văn-học. Nam-Tào nói :

— Người Tây-Mục lấy văn-học kiêu-ngạo với người, và-lại người sợ bã-líếu, không được.

Đến người làng An-Lạc tên là Phạm-Công-Bình giỏi văn-học, và-lại lõ-lõng, cha mẹ đều tốt, vợ lại hiền, dáng đẹp nhất, đó là Trang-nguyên. Nguyễn viết-Chất người Phùng-Sơn, văn-học sắc-sảo,

đắc-hạnh cung hoàn-toàn, đáng đậu nhì, đó là Bảng-nhân. Vương-văn-Hiệu người làng Thượng-Hiền, văn-học đầy-đủ, đáng đậu thứ ba, đó là Thám-Hoa, kịp đến Dương-Chánh người làng Thượng-Phúc, văn-học tuy kém nhưng mẹ và vợ đều hiền-lành, nhà nghèo nhưng mồ-đạo, đáng đậu thứ tư, ấy là Hoàng-Giáp. Trước sau được bốn mươi người biến tên vào bảng. Phán-quan mới tiến-cử người Hoa-Phong Phạm-Tử-Hư, văn-học khá-thú. Nam-Tào nói :

— Tử-Hư lấy văn-học lên mặt với người khác.

Phán-quan thưa :

— Tử-Hư còn trẻ tuổi, tuy có kiêu-ngạo với người nhưng chưa từng hại người.

Ông quan áo lía nói :

— Tử-Hư mồ-côi từ nhỏ, mẹ có tiết-hạnh, và lại có nghĩa với Phán-quan, cũng nên dung-thứ cho nó đậu chót.

Lập tức niêm tên họ Tử-Hư ở sau bốn mươi người, treo bảng ở cửa nhà trót.

Quan ngồi bên hưu là Bắc-Đầu nói :

— Tử-Hư văn-học khá, nếu để đậu chót, e có trái thưa-lỵ.

Quan áo lía nói :

— Ta lấy chữ «Bạch» thêm vào thì nó bị truất xuống chót, có trái gì đậu.

Năm sau là năm Mậu-Thìn tháng ba thi hội, Tử-Hư vào đê nhất trường, vì thiếu tri-kinh, khảo-quan thấy sai mới treo cảo ở dưới công-đuờng, rồi lại đưa bài vào chấm, quả trúng cao-đệ. Đến trường đê-lú, Tử-Hư văn-th Đề-luân-hậu, diễn-nhâ cần-mật đáng được đậu cao, chỉ vì hai chữ «bạch» nên không được lấy đậu. Kê được lấy đậu chỉ có bốn mươi người. Khảo-quan tâu với vua để treo bảng. Vua bảo rằng :

— Mỗi khoa lấy năm mươi người làm hạn, khoa này lấy ít quá không được.

Lai khiển Khảo-quan xét tên nào văn-thê thuần-hậu thì lấy thêm, không câu-né chữ bạch; Khảo-quan lấy thêm một quyền, quả là Tử-Hư, dán thêm tên ở dưới bốn mươi người, mới hay ý trời rất nghiêm, vĩnh-tiến đã định sẵn không thể đổi vậy.

Sau này Tử-Hư làm nên quan to, đến chức Tán-Trị-Dực-Vân-Công-Thần-Đặc-Tiến-Kim-Tử-Vinh-Lộc-Đại-Phu, đai ngọc mào vàng, tham-tùng Lại-Bộ Thượng-Thư.



MỤC LỤC

		Trang	
—	Lời nói đầu	của <i>Lê-hữu-Mục</i>	5
—	Dẫn-nhập	của <i>Lê-hữu-Mục</i>	7
—	Tựa	của <i>Vũ - Quỳnh</i>	37
—	Mục - lục	của <i>Vũ - Quỳnh</i>	39
—	Nội - dung <i>Linh-Nam Chích-Quái</i>		
—	Quyền 1	của <i>Trần-thể-Pháp</i>	41
—	Quyền 2	của <i>Trần-thể-Pháp</i>	63
—	Quyền 3	của <i>một Nho-sĩ họ Đoàn.</i>	99

CHUNG

LOẠI SÁCH « HỌC LÀM NGƯỜI »

NHỮNG SÁCH CẦN PHẢI XEM ĐỂ KHỎI HOANG-PHI CUỘC ĐỜI, SỨC KHỎE VÀ HẠNH-PHÚC

Một loại sách đã được đặc-giả khắp nơi tân-thành và khuyễn-kích. Trong loại này đã in ra 800.000 quyển và đã bán hết sạch, nay mới cho in lại nhiều quyển và lần-lượt sẽ ra thêm nhiều tác-phẩm mới rất đặc-sắc.

1. PHẠM-VĂN-TƯƠI : **Bắp thịt trước đã** (in lần 7) 428
Phương pháp thể-dục thực-hành 100%
2. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : **Tổ-chức công-việc theo khoa-học** 55
3. THIỀN-GIANG : **Muốn thành học-trò giỏi** (in lần 5) 25
Những điều phụ-huynh cần biết để dùn-dắt con em trong việc học.
BÁC-SĨ
4. VICTOR PAUCHET : **Con đường hạnh-phúc** (in lần 5) 45
Phương-pháp tự giáo-dục.
THIỀN-GIANG và PHẠM-CAO-TÙNG dịch
5. DALE CARNEGIE : **Đắc-nhân-tâm** 68
tức quyển « *How to win friends and influence people* » một trong những quyển sách bán chạy nhất trên thế-giới.
P. HIẾU và NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch.
6. PHẠM-CAO-TÙNG : **Người lịch-sự** (in lần 9). 50
Phép xã-giao và ăn mặc theo đời sống mới.
7. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : **Kim chỉ nam của học-sinh**. 45
Quyển sách mà các em học-sinh cần học trước tiên.
8. NGUYỄN-DUY-CẦN : **Thuật yêu đương**. 80
Một vấn-dề mà có kẻ cho là « còn quan-trọng hơn vấn-dề sanh-tử » nhưng ít được người ta bàn cho vỡ lì. Rất cần cho những ai không xem. Ai tinh như một trò chơi hay một cuộc buôn bán.

- 9. NGUYỄN-DUY-CẦN : Cái dũng của thánh-nhân**
(in lần 3) 48§
 Bàn về cách rèn-luyện đức diêm-dạm theo
 quan-niệm Đông-phương.
- 10. NGUYỄN-DUY-CẦN : Óc sáng-suốt** (*in lần 3*) 49
 Những nguyên-tắc cẩn-bản trong phép
 rèn-luyện một khối óc sáng-suốt.
- 11. NGUYỄN-DUY-CẦN : Tôi tự học** 50
 Những nguyên-tắc cẩn-bản để tạo cho
 mình một cơ sở học thức đầy-dủ để bù vào
 những thiếu sót của cái học ở nhà trường.
- 12. TRẦN-TRIỆU-NAM**
 VÀ BÁC-SĨ
TRƯƠNG-NGỌC-HƠN : Người con trai nên
biết về văn-de nam-
nữ (*in lần 4*) 49
 BÁC-SĨ
- 13. PAUL CARTON : Đời đạo-lý** (*in lần 2*). 42
 Tức quyền « La vie sage » Thượng - Chi
 PHẠM-QUỲNH dịch.
- 14. HOÀNG XUÂN-VIỆT : Người chí khí** 60
- 15. PHẠM-CAO-TÙNG : Muốn nêu người** (*in lần 3*). 35
 Phương-phaáp lập thân của người bạn trẻ
 vừa rời bỏ trường học, sắp bước chân ra
 trường đời.
- 16. THỦY-AN**
HOÀNG DÂN : Vợ chồng (*in lần 4*). 52
 25 câu chuyện về hạnh-phúc gia-dinh.
- 17. DALE CARNEGIE : Quẳng gánh lo đi và**
vui sống (*in lần 2*). 63
 Những phương thuốc thần-diệu để diệt
 trừ những ưu-tư. NGUYỄN-HIỀN-LÊ và
 P. HIẾU dịch.
- 18. NGUYỄN-DUY-CẦN : Thuật tư-tưởng** (*in lần 3*). 65
 Những phương-pháp thực-tiễn để vận-dụng
 tư-tưởng cho chín-chan.

不肖。不可。至安樂人范公平優文學。矧祖宗父母妻又賢。可居第一。是爲狀元。鳳山人阮曰。質文學粗有。德行亦全。可居第二。是爲榜眼。上賢人王文校文學多兼。可爲第三。是爲探花。迨至上福人楊政。文學雖劣。其母及妻有賢行。家貧慕道。可爲第四。是爲黃甲。前後得四十人。著名於榜。判官乃進華封人子虛。文學可取。南曹曰。子虛以文學驕人。不可。判官曰。子虛年幼。雖有驕人。未嘗害人。紫衣官曰。子虛孤幼。母有節行。且有義於判官。亦可恕之。寘之下第。卽粘子虛姓名於四十人之下。乃掛榜於天門。右官北斗曰。子虛能文。若寘之下第。恐有乖次。紫衣官曰。我以白字加之。則黜於下。何乖之有。明年戊辰三月應會試。子虛入第一場欠治經。考官見疵。而掛稿在公堂之下。卽送編入考。果中高第。至第四場。子虛體淳厚。典雅慎密。可置之高第。但白二字。不取。其可取者得四十人。奏于上。以出榜。王曰。每科以五十人爲限。茲科少取不肯。復令考官察文體淳厚可采。不拘白字。至是再取稿。果是子虛。後粘出于四十一人之下。乃知天意可驗。榮進素定。不可誣者。後子虛歷登顯宦。官至贊治翊運功臣。特進金紫榮祿大夫。玉帶金魚。參從吏部尚書。

母曰。師貧子幼。我母能遺田幾何。母曰遺子有六萬。子虛泣曰。請母以二萬賣于村人。取錢助師事。母亦泣而隨之。賣二萬。得錢三十貫。子虛買辦等物。以助祭于師。又營室于師墓之側。日夜燈火。奉事三年畢。事還。迨甲子科應試。中第三場。至丁卯科再試。中第四場。於本年十一月子虛自家赴京。到真武寺。日遇大暑。入寓于寺。忽見公直坐於內。子虛驚拜泣曰。師之歸陰。已七八歲。不知何由復見於此。師曰。子虛有義於我。故我出見以告之。子虛叩頭大泣曰。師之歸日。臣家貧乏。難以爲禮。今日見師。亦空手耳。將何以爲義。師曰。我生辰居陽世。公平正直。及卒。上帝以爲判官兼知貢舉。子虛曰。師知臣分命如何。師曰。今予未知。汝還至來年十二月二十八日。汝來至本寺。我則告之。子虛拜還家。日夜思慮。信如其言。至日。謂其母曰。母在家子往京師。從京官茲有事。卽將紵酒就寺。已見師與子弟先在坐。子虛稽首拜。具酒肉而進。師弟共飲食。師告之曰。脫汝衣冠。付弟子。以弟子之衣衣之。師乃以手拂之再三。子虛昧目從師登於天上。至南曹北斗街。所見一官衣紫衣坐。北斗南曹坐於左右。師亦坐其下。共論察天下德行文章。以名出榜。或進西姥人有文學。南曹曰。西姥人以文學驕人。且其妻陳泰有文學。無德行。或進西姥人有文學。南曹曰。西姥人以文學驕人。且其妻

惟鄧氏子孫所得獨多。差官問其故。鄧氏具以實告。乃差官奉朝命備禮以祭之。由是大獲珠玉。屢封賜號神珠龍王。歷代加封美號。大有靈應。然有奸人懷恨呪。亦有害及良民者。爲可嫌也。

尼師德行傳

清涼尼師范氏。交趾世族。出家爲尼。居清涼。毀服苦戒。律精勤懇。解悟通暢。常習綽叉。面貌似羅漢。遠近僧徒。莫不敬畏。蔚然爲世尼師。其師家相與諸徒爲名洪武寺。有陳賜名惠通大士。居望東山。一日謂其徒曰。吾欲以此軀施諸虎狼。一夕入小石坐。絕食三七日。虎狼環踞不敢近。其徒懇請還庵。開門入定。經變。乃集衆說法。因而闡然坐化。壽八十餘歲。荼毘有舍利甚多。官爲建塔于本寺焉。先是常囑弟子曰。吾去後。當以吾骨與世間。庶以洗人疾。至收骨辰。衆人不敢忍。乃盡函封。經宿。忽得特骨在函外桌上。衆皆異其靈驗。後人有疾求禱。弟子磨水與之洗。莫不立愈。其誓願深乃至於此。

范子虛事師傳

李惠宗辰。子虛錦江義閭人。家中貧乏。移居華封。少年孤苦。樂道好學。從師公湛。字公直。常如其詞。集意成章。及公直卒。其子年幼。未能奉事。子虛告

常明詳問公等姓名爲誰。一稱土令。一稱石卿。請試較藝。勝者居先。石卿應聲一躍。到那江邊。忽見土令先到那江邊住。石卿再躍後那江邊。又見土令在那邊住。於是土令居前焉。其神像威靈。州人敬畏。奉事香火。爲三江之福神也。陳朝翰林學士阮固扈駕征哀牢。拜謁詩云。

龜龍符印掛腰間。茲事希求附將官。薄劣書生無望處。祇來祠館乞平安。又學士王成德扈從西征。凱還。命贊神詩曰。

貌貅十萬赫王靈。勢壓雲南塞外城。江左區區何足慕。風聲鶴唳震秦兵。

神珠龍王傳

世傳神王。乃炎龍王之精也。昔洪貉捍橋人姓鄧氏。一名決。一名善射。兄弟入海捕魚爲業。時遇一異物。若木狀然。長三尺許。其色如鳥卵。隨潮流上。二人接得。夜間忽聞卵中有聲。似偶語。二人驚懼。投卵于流。移船別洲泊宿。夢見一人來謂二人曰。昨緣東海龍妃私與炎龍交。恐東海王覺。寄與汝等守護。勿令他觸犯。彼之長成。必能福汝。無他患也。二人驚覺。以語相告。忽然見黑物之木。已附船邊。二人異之。載歸。至布拜鄉。木從船邊忽躍出上岸。二人意神欲居之。乃立祠命工刻木作像。奉事靈應。號爲龍君。先朝遣人尋珠于海口。所得甚少。

神人告曰。要勝克勝。要成克成。

萬國享昇平。三年修樂事。諸侯皆順附。七廟自安寧。

既而夢覺。上未曉其意。

占之曰。是乃吉兆。及太祖既得位。乃升藤州鄉爲太平府。神爲開天城隍大王。重光元年。加封開天鎮國號四字。其神祠在江堤內。常被洪水泛溢。江邊本村人時望見車馬羽蓋侍從行人。若往防護水蕩溢。故堤平坦卑濕。而水不能湊入爲災。是皆神力之護持也。經久堤決。迫近神祠。至統元丙戌歲冬節。更於大堤上培築基址。立廟。正寢將成。一夕縣吏與匠人宿於草宇堤腳外。聞有人來借鑄鉤鉏。聲隱隱然相應。若匠人工作狀。向晨往看。見礫石各豎樹柱。竝已轉向。移入堤左岸三尺許。尤顯其靈異也。迨奉迎神入亭之日。快州府知府黃南金題詩于廟云。分土洲墟歷赫赫。開天玄造仰巍巍。

祠成欲識真靈跡。一夜神功妙轉移。

咸靈白鶴神祠傳

按趙公交州記。本號土令長也。唐高宗永徽中。以李常明爲峯州都督。常明初赴任。見其地亘千里。襟山帶江。乃於白鶴處建立靈觀置三清法像。以奇偉之。別創前後二幕。坊塑護觀神像。未辨孰靈。焚香祝曰。些間神祇。若能顯靈。急現形狀。得便塑像。是夜夢見兩異人。面貌溫雅。若擁衆徒。相呀相凌趨向庭幕。

帝德乾坤大。威靈振八埏。幽明蒙惠澤。優渥沛冲天。

上觀誦。知其情意。乃賜號冲天神王。倏然頌字。乃沒云。上見怪異之。乃命工塑像。神容卓犖。及侍從。開光慶讚畢。忽然神人又見於寺柱。有四句偈云。

一鉢功德水。隨緣化世間。光明重炤燭。沒景日登山。

師以偈呈于太祖。太祖不曉其意。後至李家失御。惠宗第八世。卽鉢功德也。諱昌字。即沒景日登山而亡國也。神之偈信矣。歷代加封美字。奉事香火。以彰神庥也。

開天鎮國滕州福神

十二使君之一也。廟在金洞縣。滕州社。

按杜善史記。神本滕州古廟土地之神也。初黎卧朝末。李太祖未登極。猶典親衛兵。食邑于滕州。有時遊觀至本鄉。舟行江中。忽遇暴風大雨。王顧問江岸是何神祠。有靈應否。對曰。此滕州土地神祠。民每禱雨祈晴。以爲靈驗。太祖大聲喝曰。若却得一陣風雨。能使半邊晴霽。方許靈應。少頃之間。果一半江雨。一半江晴。上異之。乃令修葺祠宇奉事。村人有詩曰。

美矣大王聞望重。滕州土地顯神靈。却教暴雨無侵犯。邊即滂沱邊即晴。上聞之。陰有自負之意。迨卧朝昏暴。上將謀大事。就神祠乞告夢。其夜王夢見

又吟詩曰。

南國山河勝。 龍神入地靈。

州民休感額。

今又見安平。

歷代加封義號。至今香火赫如也。

冲天昭應神王傳

按古法記。又紀德碑云。王本建初寺土神。昔扶董鄉立土地神祠于寺門之右。爲誦念所。後僧徒寥落。歲月侵尋。鄉人以神祠隨俗祈禱。迨至多寶禪師重修寺觀。傳燈住持嫌彼淫祠。意欲移之。一日神於祠樹自題詩云。

佛法誠能護。 一任住祇園。

若非吾輩子。

早隨別人遷。 不爾金剛部。

密跡那羅延。

數日又見八句偈題云。

佛法慈悲大。

高光覆三千。

萬神皆變化。

三界盡回旋。

吾師行正令。

邪鬼敢爭先。

聽從受師記。

長幼受祇園。

法師覺畢。乃設壇爲神受戒。祭用齋素。初李太祖潛龍辰。知多寶之高行。亦相

與從遊。及受禪後。親幸其寺。是辰師迎上車駕登祠側。抗聲問神曰。伏子既能

落俗。又能慶賀新天子耶。神卽應聲。自題四句云。

萬物皆有生滅。惟佛無所有。

萬象皆有滅。惟佛無所有。

萬象皆有滅。惟佛無所有。

萬象皆有滅。惟佛無所有。

大灘都魯石神傳

(三十五)

按杜善本傳。王姓皋名魯。乃安陽王之良佐也。俗名都魯石神。亦本於神名石龍之精也。高駢辰平南詔後。巡幸武寧州。至地頭處。夢見異人身長九尺。相貌峻嶒。椎髻簪刀。赤褐朱帶。來謁高王。高王問曰。爾何名。曰臣名皋魯。昔輔安陽爲將軍。嘗有却敵大功。被貉侯譖去之。既沒。上帝憫其忠直。命賜一帶江山。管領都將軍。及平南詔。征討寇盜稼穡之事。皆諳詳之。爲一方福神。今既從明公。削平逆賊。寰宇泰然。復至本部若不告謝。非禮也。高王怪問貉侯何事相疾。曰幽陰之事。不可洩漏。高王又請答曰。安陽乃金鷄之精。貉侯乃白猴之精。某乃石龍之精。鷄猴相合與龍相尅故也。言訖。倏然而去。高王語及僚屬。自吟詩云。

美矣交州地。悠悠萬古來。

古賢能相見。終不負靈台。

又吟詩曰。

百粵奠寰宇。

一境定山川。

神靈皆效順。

唐家景福延。

明應安所神祠傳

(二十五)

按杜善所記。王姓李名服璿。古所鄉人也。李太祖幸遊至古所渡。望見山川秀氣。有感於心。索酒醉之曰。朕觀此方山奇水秀。苟有人傑地靈神祇者。受吾明享。既而夜夢見異人。高大碩美。稽首稱謝曰。臣本鄉人。姓李名服璿。佐李南帝爲左將。以忠烈得名。授杜洞一帶江水。掌民居焉。迨卒之日。天帝嘉其忠直。更加封職。守如故。臣嘗累次領鬼兵攻破逆賊。多年于茲。今遇陛下矜憫。以臣守職旦夕也。旣而嘆曰。

天下遭蒙昧。

忠臣匿姓名。

中天明日月。

孰不見其形。

言訖。倏然而去。太祖驚悟。具以夢事語大夫。王任之曰。此神要立祠廟。重修像之意耳。上命羣臣卜環珎。果然。命匠設立祠廟。塑形像一如夢中所見。加封爲一方福神。至陳朝元封間。韃靼入寇。馬蹶不進。又驅策馬入村中。村人恃神力。率衆拒之。大破虜黨。韃靼終不敢窺。至重興元年。北虜復入寇。到處皆焚毀屋廬。及經過祠所。如有防護之者。秋毫無敢犯。賊平。加封延安明應美號四字。至今尤顯赫具神靈也。

國破身亡。妾心日夜圖報無忘。一朝幸遇陛下遣中使送入夜台。妾身感恩甚大。更有何術稱靈。語塵聖咱。言訖倏然騰空而去。王驚悟。命侍臣具酒殺牲而祭之。褒封爲慎正夫人。歷陳重興元年。加封佐理夫人。至重興四年。加封貞烈二字。至興隆二十一年。加封直猛二字。表其端貞之節。

洪聖大神王傳

按史記。王姓名巨倆。昔李太宗辰。以都護府多有疑獄。士師不能明決。擬立祠廟於獄。要欲彰著神靈。痛懲奸詐者。乃薰沐焚香。請告上帝。是夜夢見一朱衣使者。稱爲上帝口勅。賜巨倆爾爲都府獄訟盟主。上顧問天使曰。是何人與何職局。曰黎大行皇帝有臣范太尉。爲臣盡忠於君。迨卽世日。帝勘校其功。補爲南臺中司錄。以舊秩命按治人間疑獄者。言訖不知所之。上覺悟。召問左右。宰執皆曰此善人也。卽武安州牧范占之孫。參政范蔓之子。都尉范溢之弟。范占佐吳王有開國功。加封銅甲將軍。范蔓佐南晉王陞參政。范溢輔丁先皇。范巨倆佐黎大行有功。官陞太尉。皆名譽也。上深然之。褒封爲洪聖大王。上夢見神人具冠服袞冕。趨庭拜謝。一如生辰侍臣。上異之。命撰文鐫石爲記。以顯靈異之神也。

(十五)

宗時遭大旱。上命威靜禪師禱雨。感應一日。雨來涼冷襲人。帝喜。頃之忽然而睡。夢見二人戴芙蓉冠。著綠衣朱帶。駕鐵馬隊隨雨而過。帝怪問之。神人答曰。妾卽二徵姊妹。奉上帝之命以行雨。帝乃諱勤請益。乃舉手止之。帝覺感懷之。敕封造祠廟孔厚祀之。後又托夢于上。請立祠于古來鄉。上從之。勅封貞靈二夫人。陳朝加封威烈制勝純貞保順名美徽號。至今香火無窮也。

媚監貞烈夫人傳

夫人本占城國人也。沒姓氏。名媚監占城王乍斗妃也。李太宗辰。乍斗失藩臣禮。上親南征。乍斗率兵結于布政江以待。尋爲王師所殺。夫人媚監被執。至黃江。聞中使奉命遣夫人進御帝船。夫人含憤不勝。以白氈自纏投江而死。每於霜晨月夜之餘。常聞哀哭之聲。國人聞之。乃立祠廟以奉之。後上遊蒞仁江。御龍舟。見廟祠在江側。怪問左右。左右對曰。此乃媚監夫人祠。上怛然曰。果有貞烈。相須報朕。是夜三更現夢于上。身著占城衣服。再拜泣于上曰。妾聞婦人之道。一事從夫。生同床死同穴。守節不汚。况乍斗彼雖不能與陛下爭先。然其男兒意概。亦一方之得意也。妾素蒙寵惠。彼以失道。上帝降責。假手于陛下。致今

而薨。衆欲立駭。其佐吏頭目蒲破勒者。猛健力能排山。不肯聽從。衆乃立興子安爲都府君。以慰蠻人之望。駭破破勒。遷朱巖峒。後不知所終。安尊父興爲布蓋大王。蓋方言謂父曰布。謂母曰蓋。故以爲名焉。安嗣位三年。德宗以趙昌爲安南都護。昌入境。遣使誘安。安與蠻人遂降。諸馮遂散。興之卒能顯靈異。衆以爲神。乃於都府之西立廟。歲辰奉事。凡盜刦疑獄等事。皆就誓。顯見福禍。是以香火無窮也。今土酋爭長亦號爲郎。

貞靈二徵夫人傳

按國史。二徵夫人姓貉氏。姊名側妹名貳。峯州麓冷人。交州貉將之安。初嫁於朱鶩。詩索。夫人雄勇能總決事務。時交州刺史蘇定貪暴。州人苦之。姊怒。率其妹舉兵。遂攻陷交州。以至九真日南合浦等郡。皆應之。遂略定嶺南六十餘城。自立爲王。始稱徵氏焉。建都于烏鵲城。蘇定奔還海。漢光武聞之。貶定。遣將軍馬援劉隆等將大軍擊之。至諒山。姊妹拒戰逾年。後見馬力強盛。恐不能支。遂退保禁溪。卒徒走散。夫人勢孤。遂陷沒于浪泊。或云登希山不知所之。州人憐之。創立祠宇于喝江口以奉事之。人民凡遇災難。有所祈禱。必顯其神靈。李英

靈術。能却我父兵。果娘以真心對。及從其意。竊取龍爪兜鍪示之。雅郎潛謀易得。私謂果娘曰。吾今割愛歸省其父。萬一不虞。賊到汝父不勝。何奔。汝以錦襢鵝毛表迹。吾善助之。已而南帝率兵頓至。趙王初不之覺。督兵持兜鍪以待。賊兵益進。王知勢屈不禦。遂携女子南奔。忽見龍王指示曰。王女落毛指迹。是乃賊也。王乃拔劍斬之。騎馬而走。至小鵝海口。阻水路窮。再見黃龍畫水爲道。引王從之。水乃復合如故。南帝追到。茫然望洋。趙王在位二十三年。國人以爲驚異。於大鵝海口立祠祀之。南帝既超越王。及還螺城及武寧二處。封兄爲太平侯守龍編城。封大將軍李晉鼎爲安寧侯守烏鳶城。南帝在位三十一年。爲隋將劉方滅之。後人立祠于小鵝海口。以奉祀焉。

布蓋大王傳

大王姓馮名興。交州唐林人也。邊蠻酋長號郎。豪富有勇力。能排牛搏虎。其弟駭尤有健力。能負千斤十斛石小舟。行十餘里。諸蠻獠中。皆畏其名焉。唐代宗大曆中。國中因交趾兵亂。兄弟相率服諸鄰邑地。皆屬焉。興改名巨老。弟改名巨力。皆號爲都君都保。其唐林酋長等并峯州。悉皆歸附之。由是威名大振。辰唐都護高正平以幕下兵攻之不克。憂憤成疾死。興入據都府。視事蒞政。及四十年

應。或有穀慢之者。竟被凶殃。迨陳英宗辰。適遇旱熯。上乃築壇祈禱。神托于上曰。惟有本祠勾芒神君。能行風雨。上覺。命有司致祭之。果得大雨滂沱。勅封爲后土夫人。歷代加封。以爲有功於民。

龍爪却虜傳

按史記并世傳。帝姓李諱佛子。前南帝之族將也。前李南帝名賁居太平縣。素有奇才。仕梁不得志。又有并韶者富於辭藻。梁吏部蔡尊。除爲廣陽門郎。韶恥之。遂與李賁還本鄉。因刺史蕭詔暴橫。相結豪傑俱起兵。出據城林邑。入據于日南。責命范修擊破之。乘勝自稱南越帝。改元天德。國號萬春。凡八年亡。時越王姓趙諱光復。本朱鶩人。爲前李南帝左將軍。其朱鶩有巨澤。週迴不知其數。前南帝亡。王乃收散兵。二萬餘人。聚于澤中。今俗曰一夜澤甫及一年。懇請天地神祇。○得神人俗傳褚童子。授龍爪。使插兜鍪。所向賊皆敗。斬得賊將楊孱。梁兵退還。王入據龍編城。更詔遷古螺武寧二城。自號南越國王。王命分國。割界于君臣洲而共治。後南帝據烏州。後南帝子雅郎求娶趙王光復之女曰呆娘。王許之。雅郎私謂呆娘曰。昔吾兩父。互相仇讐。今成婚姻。不亦善乎。因問呆娘曰。汝父有何

東征翊聖僅以身走脫。兇徒潰散。內難清平。果如神夢叶應。有靈助之功。上敕
頒封爲天下盟主。每年至四月初四日。帝會百官盟誓。其盟曰。爲子不孝。爲臣
不忠。神明殛之。人人皆畏慕崇奉。奉曉削除內難。平賊奏捷。太宗褒美之。謂
忠義英勇過於唐敬德遠矣。後佐上南征。大破占虜。豐功偉績。洋溢邇遐。爲之
立祠。所祈靈應。歷代加封。贈之王爵云。

應天化育后土神傳

按保極傳云。神在南國大地之精也。昔李聖宗伐占城。還至海門。忽見大風暴雨
波濤澎湃。遙望石山御船及從船並不能渡。乃駐泊於岸焉。是夜夢見一女子。素
服紅裙。淡粧婉婉。上御舟而言曰。我是南國大地之神。棲身于木久矣。今遇明
君出征。願從王事以武功。言訖。倏然而去。上驚起覺悟。召百官者舊與語。僧
院宗惠生對曰。上若夢見神人言棲于木。可求得之。於是特遣親近人。徧求岸上羣峯
。見得一木。頭似人形像。宛然如夢中所見。王命官置木于御船上。焚香致禱。
號爲后土氏夫人。頃刻之間。風停波帖。師行利涉。無有振蕩之聲。已而破平占
寇。班師凱還。經過舊處。王敕立神祠。又見風波再動如初。惠生具奏。神意不
欲遠居海岸。請回京。於是波浪晏然。回至京城。遂立祠廟在安朗之鄉。威彰靈

只見神祠猶存如故。上乃加封明亨大王。迎春祈祀之禮。率行于茲。至陳朝辰三
度火災。未曾延及。太師陳光啓題詩曰。

昔聞赫濯大王靈。今日方知鬼亦驚。

火馭三燒延不及。

風雷一陣扇難傾。

指揮彈壓諸奸衆。

呼吸消除百萬兵。

伏願餘威除北寇。

頓然宇宙晏然清。

至今猶傳焉。

盟主銅鼓山神傳

按保極傳云。盟主昭應靈大王。本銅鼓山神。其山在安定縣丹陀上社。昔李太宗
爲太子時。將兵伐占城。至長沙駐宿。夜過三更。夢見神人。著戎衣。謂曰。我
卽銅鼓山神。聞王南征。請從王師立戰功。王於夢中與言甚詳。旣平占城。遂班
師回京。命羣臣創立祠宇于京城之左畔慈廉寺。逮至李太祖崩。太宗奉遺詔卽位
。是夜神人告太宗曰。羣弟翊聖東征。三王謀作不軌。明旦三王已伏兵于城內。
急攻諸門。太宗命武臣黎奉曉以兵拒戰。開門拔劍直到廣福門。大呼謂東征武德
三王竊窺神器。蔑視嗣君。何其忘恩負義。所以奉曉奉劍爲獻。乃直斬武德王而

。不知幾千里。而其衣服容貌。宛然如生。人皆驚異以爲神靈。於是海人相率封墳立祠奉事。凡有遠近之人。船行經過此處。或遇風波危迫。虔心祈禱。呼吸之間果得平安。至今隨處海門創立祠廟以奉之。此南海之福神最靈也。舊俗里人不知。以淫戲謔神。何其誤哉。宜旌表之。爲正直之福神也。

龍度王氣傳

神本龍度王氣君也。昔高駢往遊南國。築大羅城方畢。一日遊觀東城門。倏然雲霧大作。見五色雲從地湧出。光芒奪目。有一天身披彩衣。粉飾奇異。駕黃赤紅。手持金簡。隨煙盤結。鬱葱之氣。良久始消。高駢異之。意是鬼精。欲設壇場以禱壓之。神作夢謂高駢曰。願公勿生疑心。吾非妖氣。乃龍度王氣也。喜公方今新建府城。而顯見耳。高駢覺悟。明日會從人曰。吾不能服遠人耶。何致外鬼現之。不祥。或者請立法壇。像彼形狀。以千斤鐵爲符以壓之。高駢聽之。作符以壓。至夜天氣晦冥。風雨撞撼。裂碎鐵符化爲塵土。高駢怒曰。吾知北歸矣。已而果然。人以爲靈異。乃立祠于京師市之畔。後李太祖建立城址。夢見神人再拜稱賀。上曰。君能保百年香火矣。對曰。聖祚傳之萬年。臣相倚佑。何止百年而已。上覺悟。命以牲醴奠祭。封爲昇龍城隍大王。時有大風飄蕩。廟舍皆傾。

髮上指。瞋目而視。顯赫神光。守兵見而驚駭。退出保岐江。及遇波濤震蕩。蛟蛇龍鼈。騰踊爲怪。守兵見此驚懼而奔潰。守將郭進達乃班師而還。宋帝褒其英靈。增立祠廟。以崇奉之。或以爲董天王掃平殷賊。騎馬至衛靈山榕樹處。脫衣冠飛升。至今世猶呼易服椿樹。凡有所祈。用茶餅齋素而已。至李朝遣使祠禱。立廟于西湖之東鄉。尊爲福神大王。載在紀籍。

乾海三位夫人傳

按本傳。夫人姓趙氏。南宋公主。母子三人。夫人季女也。陳仁宗紹寶元年。屬宋端宗年播遷海島。宋帝以病殂。陸秀夫張世傑等爲大將軍。立端宗弟帝昺爲嗣君。未幾文天祥兵敗。被執北行。世傑移帝舟于崖山。元將張弘範以兵襲之。秀夫抱帝昺沉于海。世傑亦溺死。宋兵死者十萬餘人。夫人母子三人。援得小板。漂到岸上佛寺。饑困無聊。寺僧見之可憐。與飲食。居數月後。夫人皮膚復完。容儀秀美。寺僧心悅。遽生淫態。因夜間求通于夫人。夫人守節之甚嚴。寺僧悔悟慚愧。乃出海口投身而死。夫人母子相泣謂曰。吾母子賴僧養育。遂得生完。今以我故而自沉死。吾何以生。其母自投于海。夫人姊妹亦隨溺焉。僵屍飄蕩。到我國之濱州乾海門棲泊岸邊。海人見身體無所損壞。且言曰。屍自彼國流至此岸。

寇。開破王墓。見其全體不壞。面目如生。爲之大懼。乃復埋塋如故。世傳以爲王得仙道。立祠奉祀焉。唐咸通八年。高駢征平南詔。過其境上。見一異人。容貌秀麗。衣冠嚴雅。遮道相接。高駢悅之。延至幕中與語。三國辰事。出入相送。倏然不見。高駢怪之。問於村人。村人指示士王僊墓處。駢嘆息良久。遂吟詩云。自魏皇初後。將來五十年。唐咸通八載。幸遇士王僊。

遠近州縣之人。凡有祈禱必彰靈應。陳朝加封善感靈應武大王。至今爲福神云。今廟在超類青湘社隴塗村。及嘉定縣三祠社二祠皆上等。

朔天王傳

按禪苑集書。黎大行之朝。有匡越大師姓吳氏。嘗遊平虜鄉衛靈山。悅其景致幽勝。乃創庵居之。夜三更辰。夢見神人身披金甲。左手執金鎗。右手執寶塔。從十者餘人。狀貌可畏。來謂匡越曰。吾崑沙門天王。上帝敕往南國之地。護此下民。於汝有因緣。故吾來相托報。師驚覺悟。俄聞山上有喝聲。心甚怖懼。乃至旦時入山上。見大樹枝葉蔚茂。有瑞氣隆覆其上。師乃命工伐之。刻木爲神像。如夢所見。乃創立祠廟以奉事之。天福元年。宋兵入寇。帝素聞其事。命就祠廟憩禱。時宋兵駐在西結村。兩軍未接。宋兵忽見一人湧出波濤之間。高十餘丈。頭

嶺南摭怪列傳卷之三

士王僕傳

(一十四)

按三國志。王姓士諱燮。蒼梧廣德人也。其先魯國汶陽人也。遭王莽亂。避居于此。至漢桓帝以爲日南太守。王少時遊學漢京。治左氏春秋。舉孝廉科。拜爲尚書郎。以公事免。後舉賢良茂材科。除爲巫陽令。獻帝遷爲交州太守。值漢末三國鼎立。士王營陵城。編城今龍獻帝聞之。賜王璽書。俾督七郡。統領交州太守如故。王乃遣吏張旻奉往詣漢京。修職貢。漢帝復下詔拜爲安遠將軍。封龍度亭侯。至吳孫權加封爲右將軍。并子三人。皆拜爲郎中。及貢方物。吳王厚加賞賜。以答慰之。又拜王弟一領合浦太守。鮪領九真太守。武領南海太守。王體貌寬厚。謙虛待人。漢之名士避亂者多往依焉。我民尊呼爲王。漢之袁徵與尚書荀彧致書略云。交州府君既學問優博。又達於從政。處大亂之中。保全一方。三十餘年。邊境無事。民不失時。雖竇氏之守西河。何以加此。况王之弟並爲列郡雄長。出則。騎滿路。當辰貴重。威振百蠻。彼尉陀不足踰也。王壽九十歲。在位四十年。車尤善于調燮元氣。教訓人才。汨薨塋于地。數至晉末凡百六十餘年。辰林邑入

難分。業已格殺。請命謝錢若干進納。帝不知其未殺。卽判云。登辰格殺勿論。時徽慈皇后乃明威王之親姊。帝亦著意。明威王歸而殺之。烏雷將死吟國語云。生死羅袞詫管包。男兒免特嗜英豪。麌皮聲色甘羅麌。托黨囉穢糴招市。又曰。呂洞濱告我曰。爾之聲色。得失相當。其言驗矣。

夜叉王傳

昔在上古辰。南越歐貉國之外有妙巖國。號夜叉王。一曰長明王。一曰十頭王。其國北接胡獮精國。胡獮精國曰十車王。太子曰微姿。微姿之妻曰白靜后娘。容貌美麗。世所鮮有。夜叉聞而悅之。乃率衆攻圍胡獮精國。擒得白靜后娘。微姿怒。遂領獮猴衆。拔山塞海。盡爲平地。攻破妙巖國。殺夜叉王。復取靜后而還。蓋胡獮精國。乃猴之精。今占城國是也。

。。尤愛悅焉。遂使侍婢將烏雷入爲家童。獨在左右差使。。漸爲密近之奴。常令吟咏以舒鬱結之情。烏雷乘此益勤奔走。服勞於役。郡主愈加信寵。以爲客兒。晝則侍從左右。夜則執燈侍立。時使歌唱。聲音徹于內外。郡主爲之感動。遂成幽鬱之疾。累至三四月。其疾轉加。婢膝服事。久而疲勞。夜深熟睡。郡主呼之。無人覺起。有一夜烏雷夜入侍疾。逼近郡主。其情難禁。謂烏雷曰。自爾來茲。爲爾聲使我成疾。遂與烏雷交通。其疾稍愈。自是情愛日密。至如醜汚之態。無復顧惜。欲以田地與雷爲家宅。雷曰。臣本無家住。今遇郡主。是真天仙。臣之福也。臣不願田產。及金銀珠寶。願得郡主進朝鑲金裝玉之冠。試之一帶。死亦瞑目矣。鑲金裝玉之冠。乃先帝所賜。使之進朝貢之禮。至是亦與烏雷不惜也。烏雷得冠。乃暗行而歸。戴之見帝。帝見之甚喜。卽命郡主進朝。烏雷戴鑲金粧玉冠侍立。帝曰。曾識烏雷否。郡主顧之面慚。時烏雷有國語云。今色聳聳願少碎。合聳天仙抵吒雷。自此名聞天下。王侯家女常譏笑之。有國語詩云。霜計油霜院。特近。仍尼權貴少之得。黜爲聲色穢醜醜。可惜朱靨吏可懼。雖有詩鄙之。然常爲聲音所牽。避不能得。嘗與之通交。人人不敢搏筆。蓋懼前詔。郡償錢故也。後乃私過明威王家嫡女。拘獲未殺。翌日明威王進奏曰。烏雷夜入臣家。黑白

便謝錢一千貫。若私殺者。倍償一萬。帝屢與之從遊。時有仁睦鄉宗室貴人郡主名阿金。年二十三歲。其夫早亡。孀居。顏色艷麗。絕世無雙。帝悅之。求幸不得。帝嘗怪之。謂烏雷曰。爾行何計可得之。對曰。臣願用力一年爲期。如不見面。是謀不成。則臣已死矣。拜辭而去。歸卽放却衣裳。浸於泥淖。暴於暑雨。以致醜陋。因著布褲。托爲牧馬兒。取竹籬一雙。檳榔一封。就近主門外。以檳榔一封貽閨童。乞入刈草。閨童許之。時五六月間。茉莉園花方盛。烏雷一切刈盡。納於籠中。侍婢見園花已盡。呼令縛之。執得三四日。無人承認。因問之曰。汝何家奴。胡不見主人來贖。雷對曰。僕是飄泊人。無父母無家主。常從唱兒傭作求食。昨見一官人。繫馬于城南門外。馬餓無草。家僮賜錢五文。刈草一担。僕喜得錢而刈草。不識茉莉花爲何物。疑是草也。今無以償之。願入爲奴以償此債。留之月餘。主奴婢見其饑渴。與之飲食。夜間常歌唱。與閨童遊。主家奴婢以至內侍姬媵。聞其歌聲。咸樂聽之。有一夜過黃昏。不見點燈。郡主暗謝左右無人。主大怒。呼侍婢前來。責以廢役。欲箠楚之。侍婢皆頓首謝曰。臣等聞刈草奴歌唱之聲。心甚愛悅。樂而忘返。不意廢役至此。箠楚降黜之罪是甘。郡主置之不問。時夏熱夜初更。郡主與衆婢閒坐庭中。迎風弄月。以爲勝賞。俄聞烏雷歌聲。隔壁靜聽。恍若鈞天之節調。殊非世上之聲音。精神契合。意思悽涼。

何烏雷傳

(七冊)

陳裕尊紹豐六年。麻羅鄉人鄧士瀛爲安撫使。奉往使北國。其妻武氏在家。本鄉有神祠號羅神。神精夜化士瀛身。行止容貌。若類士瀛。入武氏房中。與之通淫。黎明即去。不知所之。後夜武氏問曰。府君已奉北使。如何夜夜得還。而晝則不見。神詐曰。帝已差他官北使。而使吾侍左右。與帝圍棋不得出外。我念夫婦之情。故暗偷還與汝。以瀉恩愛。明日急赴入朝。不敢久居。鷄鳴復去。武氏心中疑之。期年士瀛使回。武氏已胎滿月。士瀛奏聞。下武氏獄。帝夜夢一神人來告曰。臣麻羅神。其妻武氏已有孕。被士瀛爭之。帝驚覺。明日命獄官將武氏訊其事由。帝卽判曰。妻還士瀛。子還麻羅。越三日。武氏生一黑胞。破得一男。皮膚如黑。至十三歲。名曰烏雷。色雖黑如漆。而肌潤如膏。十五歲帝召入侍。甚寵愛之。賜爲賓客。烏雷出遊。遇呂洞濱。濱問曰。好兒郎意欲何求。雷對曰。當今天下太平。國家無事。視富貴猶浮雲耳。止欲聲色。以娛耳目而已。洞濱曰。爾好聲色。得失相當。名留于世。因使烏雷開口試觀。烏雷張口以視之。洞濱章詩賦。歌戲吟唱。諷咏之聲。嘲風弄月。繞梁遏雲。人人自樂聞之。至於婦人女子。尤加悅焉。咸欲覩其面。帝嘗命于朝曰。如見烏雷奸犯誰家女子。將來帝唾入。使吞之。洞濱騰空而去。自是烏雷雖不識字。而敏捷辨給。多有過人。詞章詩賦。歌戲吟唱。諷咏之聲。嘲風弄月。繞梁遏雲。人人自樂聞之。至於婦人女子。尤加悅焉。咸欲覩其面。帝嘗命于朝曰。如見烏雷奸犯誰家女子。將來帝

覺海禪師。亦海清人也。居于本郡延福寺。姓阮氏。初慕釣漁。嘗以艇爲家。浮遊江海。年二十五始舍漁業。落髮爲僧。初與空路居于荷澤。後尋歸海清。李仁宗辰。嘗與通玄真人召入蓮花宮涼石侍坐。忽有蛤蚧對鳴。聒耳可惡。帝命玄依法止之。玄默咒。先止其一。帝笑謂覺海師曰。尚留一個。與沙門師。師即呪其一亦止。帝異之。作讚曰。

覺海心如海。 通玄道亦玄。 神通能變化。 一佛一神像。

師由是馳名天下。僧徒傾向。帝以禮待之。帝每駕幸海清行宮必先詣其寺。一日帝謂師曰。應真定神。可得聞乎。師乃作八變誦。飛身空虛。去地數丈。俄而復下。帝與羣臣皆合手稱嘆。於是賜肩輿。出入閭庭。迨神宗朝。屢召赴京。辭以老病不就。人問佛與衆生誰賓誰主。師示以偈云

覺爾鬚眉白。 報爾作老客。 若云佛境界。 龍門遭點額。
及將示寂。復示偈云。

春來花蝶善知辰。 花蝶應須便應期。

花蝶本來皆是幻。 莫將花蝶問心持。

是夜有火星墜于太室東南隅。詰旦。師端坐而逝。詔蠲戶三千。以奉香火。官其二人以褒賞。

。誦呪三晝夜。坑符壓之。是夜雷電轟發。風雨大作。頃刻之間。復見金銀銅鐵之符。盡出地上。化成灰燼。飛去散盡。駢嘆曰。此處有靈異之神。不可久留。以取凶禍。我當急歸北矣。後懿宗召駢還。果被戮。

楊空路阮覺海傳

海清巖光寺。空路禪師。姓楊氏。乃海清人也。世業釣魚。師始舍其業而僧焉。居常念佛持陀羅尼門經。彰聖嘉慶年間。與覺海爲道友。潛至荷澤寺棲身焉。草木衣食殆忘其身。外絕他求。內修禪定。心神耳目。日覺爽然。便能飛空入水。伏虎降龍。萬狀千奇。人莫之測。後尋歸故鄉。創寺居之。一日有僧啓云。某自到來未蒙指示心要。敢呈偈云。
鍛練心身始得清。
森森直幹對虛靈。

有人來問空空法。
身在屏邊影集形。

師覺之曰。汝將由來。汝將經來。吾爲汝接。吾爲汝憂。何處不與汝心願。乃呵呵大笑。師嘗說偈云。
選得龍蛇地可居。
野修終日樂無餘。

有時直上孤峯巔。
長嘯一聲寒太虛。

會祥符大慶十年。
李仁宗年號。己亥六月初三日。示寂。門人收舍利亟蓋于寺門。有詔廣修其寺。蠲戶三千以奉香火。

加築城于演州高舍社。東夾海。西至婆夜國。南至橫山。自立爲王。東晉時。命將軍曹可將兵來攻。翁李於源險處伏兵衆擊之。又出外連末山以避。彼聚則我散。彼散則我聚。朝出暮入。往來四五年間。未嘗交戰。晉軍不耐嵐障。死亡過半。及退還。南詔侵掠長安都城各處。守令不能制。至唐愈盛。懿宗命高駢征之不克而還。五代後晉石敬唐命司馬李暹將兵十餘萬。攻于塗山。南詔稍退。遂附于哀牢邊地吳頭模國。今爲益蠻云。

唐懿宗咸通六年。命高駢爲都護。將兵討南詔。遂置靖海軍於安南城。以駢爲節度使。駢通天文地理。乃相形築羅城於瀘江之西。周圍三千步以居駐焉。有小江從西北流過於南。復入大江。雨水漲溢。駢乘船遊。忽見一老人。頭髮盡白。容貌奇異。遊於江中。笑語自然。駢問叟姓名爲誰。老人對曰。我姓蘇名澠。駢復問叟家何在。叟曰。家在此江中。言訖。拍手晦冥。忽然不見。駢知是神人。乃名其江爲蘇澠江。一日方早。駢立于城之東南瀘水之畔。望江中。大風忽起。波濤洶湧。雲霧昏晦。有異人立於水上。高二丈餘。身著黃衣。頭帶紫冠。手執金簡。空中放光。昇降飛揚。日上三竿。雲氣未散。其形尚在。駢尤驚異。欲厭之。而未果。夜夢神人告曰。勿壓我。我是龍肚之精。地靈之長。聞君來築城于茲。未得相遇。故來見耳。雖壓何憂。駢驚動。明日設壇行醮。以金銀銅鐵爲符。

然我且不去。使者懇請不得。偃卧假寐。但覺船下風聲泛然。移辰日出呼起。其船已在都下灣泊矣。明空乃騰空入宮。賚水以洗國王。應手毛落。體遂平復。王問其故。對曰。修行之人。一念迷者懺悔而已。無難也。又問曰。師何得神通而能然。明空曰。非術也。臣宿有風疾。發作不見。眾不知何者爲空。乃信步耳。非神通也。乃復空行回去。賜費不受。王乃賜號神僧褒之。

南詔傳

南詔者乃趙武帝佗之後。昔漢武帝辰。趙丞相呂嘉不服漢庭。而殺漢使少安國王李等。漢武帝命路博德楊樸等將兵伐之。擒衡陽王建德及呂嘉等而并其國。分置守令。趙氏既亡。其子孫各散之四方。復會于神符橫山。空閑無人處。造船過海。突入境內。掠劫海濱。殺漢守令。稱爲南越。困訛爲南詔。迨三國吳王孫權命戴良呂岱等爲守牧治之。南詔自天嶺山河花高隍橫山烏恃海岸大部長沙注堵蓋磊雷等處。山高海深。波濤險阻。絕無人迹。南詔之衆據而居之。其衆稍盛。乃以財貨珠玉。通于兩婆夜國。求爲親屬。以相救助。晉末大亂。有土酋趙翁李亦趙武之裔。兄弟衆多。勇力過人。爲衆所服。亦與南詔會從。合二萬餘人。復以寶玉求通于婆夜國。乞海邊隙地以居之。時婆夜國命取海濱源頭。相分各半。分爲二路。上自夔州至渝州爲茹還路。下自琴州至驩州爲臨安路。南詔翁李統治焉。於是

定決難逃。於汝有緣。應爲相救。及道行托化。明空還故寺居十年。不求聞達。時李神宗忽櫻奇疾。痛憤之聲。虎噉可畏。天下良醫。應詔以千數。皆縮手莫措。辰有小童謠曰。欲醫天子病。須得阮明空。乃遣使物色。果得明空焉。既至。諸碩宿已在殿上行法。見明空朴陋。蔑視不加禮。明空親把大釘長五寸。釘入殿柱。抗聲曰。有能拔此釘。方得療病。如是再三。莫能應者。明空再以左手兩指拔之。釘便隨出。衆皆驚服。及入視帝病。明空卽厲聲曰。大丈夫貴爲天子。富有四海。胡乃發出此猖亂爲災。帝大驚慄。明空令取巨鑊貯水煮之。旣百沸。以手攬之數遍。洒帝身。其病卽愈。乃拜明空爲國師。觸戶數百以褒賞之。大定二年辛丑。明空去世。壽七十六歲又明空。膠水鄉有空路寺。昔有僧名治平。間出家。住持此寺。以德行知名。一日明空從外來。其同房僧即道行。隱門中躍出。作虎聲以怖明空。明空笑曰。汝修行欲作虎耶。我當救汝。後數年僧尋沒。化爲國王。有法術。使人乘船來請。明空以小塢煮飯。許水手食。使者笑曰。恐難遍及。明空曰。不然。第與衆少喫。見我厚情。由是掉卒四五十人。食之不能盡。人皆奇之。臨晚乘船。又戒水手與使者皆熟睡一夜。待日出。貧僧呼起。方可開船。不

以乏嗣。致求他托生。而路固自呪解。宜加大戮。以謝天下。候獨奏曰。覺皇設有神術。雖路呪解。夫亦何妨。今反如是。則路出覺皇遠矣。臣愚竊謂與其罪路莫若聽其托生。帝乃原之。路徑詣候第請恩。卽於夫人杜氏浴處。適視之。夫人怒。以告候。候素知其意。竟不之詰。路囑候曰。他日夫人臨誕辰。必有相告。是年夫人果有娠。至期產難。候追念路前日之言。使人持告。路見報至。乃裸身易服。謂其衆曰。吾宿因來了。且復出托生世間。暫爲國王。及壽終辰。又二十三年天子。若見真身損滅。則我陀隣不住生滅矣。其徒聞之。無不感泣。路說偈云。

秋來不報鴈來歸。 冷笑人間暫發悲。

爲報門人休眷戀。 古師幾度作今師。

言訖。入巖中尸解而逝。於是夫人遂生子名陽燠。年甫三歲。仁尊養之宮中。立爲皇太子。仁尊崩。太子卽位。是爲神尊。乃路之化生也。鄉人以爲靈異。納尸龕中奉事之。路脫形之處。今在安山縣沃跡山天福寺山中。初長安大黃潭舍社人阮至誠。居國寺。號明空禪師。少嘗遊學。遇道行服膺道教。歷四十秋。道行獎其心志。爲傳心印。且賜名焉。及道行謝世。謂明空曰。昔吾世尊道成圓滿。猶有金創之報。况吾於法未精。豈能自保。我今托生人世。位在人主。來生病債。

路茫然不契。遂去之法雲崇範會下問曰。如何是真心。範曰那個不是真心。路豁然自得。又問曰如何是保住。範曰饑食渴飲。路拜謝而退。自是法力有加。禪緣愈熟。山蛇野獸。羣來馴擾。燃指禱霖。呪水治病。無不立驗。有僧問師之行止坐卧。盡是真心。路示偈云。

作有沙塵有。 爲空一相空。 有空如水月。 勿著是空空。

又云。 日月出巖頭。 人人失火珠。 富有乘驢子。 行步不騎駒。

李朝仁宗皇帝未有皇嗣。會祥符大慶三年。三月清花府上言。海濱有靈異小童。三歲解語。自稱異子。號曰覺皇。陛下所爲。無不知之。帝使中使往觀。果如其言。乃迎歸京師。居于報天寺。蓋覺皇乃大顛之化身生也。帝以其聰明英異愛之欲立爲皇太子。羣臣皆諫。以爲不可。且曰。彼誠靈異。必宜托生宮禁。然後可也。帝從之。遂大會七日後。行托胎法。路私謂姊曰。彼兒怪妖。惑人甚多。吾苟在視不救。熒惑羣心。蠹亂正法耶。因使其姉佯爲觀會者。領持路所結印數枚。插於簾上。會至三日。覺皇櫻病。語人曰。徧滿園界。鐵網羅罩。托生無路矣。帝疑路解呪。收訊之果然。命繫於興聖樓。會羣臣議。崇侯覺適遇。路哀訴曰。願垂力救貧僧。幸免。異日願托胎宮中。以報其惠。侯領之及會議。僉曰。陛下

其荒怠。一日潛入卧內竊伺。見燈火爛殘。簡編堆積。路方據案而睡。手未釋卷。由是不復爲慮。後應僧試中白蓮科。未幾父榮以邪術忤延成。候藉大顛禪師。以法駁殺。投屍于蘇澀江。尸流于決橋侯家處。忽立不去。候懼馳告大顛。顛曰。僧恨不滿宿。尸應聲倒去。路思復父讎計無所出。一日伺顛出。欲邀擊之。俄聞空中聲止之。路懼捨杖而去。欲往度國求靈術以抗顛。途經金齒蠻。險阻而還。乃隱伏跡山巖內。嘗專持誦大悲心經陀羅尼呪。滿十八萬八千遍。一日見一神人來曰。弟子卽鎮天王。感師持經功德。故來相候。以備指使。路知道已圓成。父仇可復。親至決橋步頭。試以所持杖投急流水中。其杖逆水如龜行。至西楊橋乃止。路曰。吾法已勝顛矣。乃直到顛所。顛見謂曰。汝不見前日事耶。路仰視空中。寂無所覩。因駁而殺之。顛發病死。自是宿殺雪盡。俗慮盡灰。遊叢林訪以印呪。聞橋智玄於太平寺。躬往參謁。且問其真心。盡偈云。

久混風塵未識音。不知何處是真心。

願垂引指開方便。

萬里如無斷苦尋。

智玄答偈云。

玉飄秘訣演如音。

個中滿月露禪心。

河沙更是菩提道。

擬向菩提隔萬尋。

賜爲鬼部將軍。統領鬼兵。今見宋兵入境。爲我國生靈之苦。故臣等來見。願與帝共擊此賊。以救生靈。大行驚悟。謂侍臣曰。此神人之助我也。卽御船前焚香祝曰。神力能助成此功業。則褒封血食。萬世無窮。遂宰牲牢致祭。賜以衣冠紙錢象馬焚之。是夜復夢見二神。共著所賜衣冠。前來拜謝。後夜復夢一神人領白衣鬼部。自平江南來。一神人領赤衣鬼部。由如月江而下。並向賊營以擊之。十月二十一日夜當三更。天氣昏黑。暴風疾雨大作。宋兵驚潰。神隱然立於空中。高聲吟曰。南國山河南帝居。截然定分在天書。

如何逆虜來侵犯。

汝等徒看取敗虛。

宋兵聞之。踐踏四散。生擒不可勝數。宋兵大敗而還。大行還軍。獻捷。褒封二神人。其兄曰威敵大王。立祠于龍眼三岐江。使龍眼平江之民奉祀之。其弟曰却敵大王。立祠于如月。使沿江之民奉事之。至今猶存焉。

徐道行阮明空傳

佛跡山天福寺。

今在安福縣社山柴山

道行禪師。姓徐名路。父榮。李朝爲僧官都寮。嘗遊安

朗鄉。娶曾氏因家焉。路曾氏所生也。少事遊俠。倜儻有大志。素與儒者費生。道生黎全義。伶人潘乙。相友善。夜則刻苦讀書。日則弄笛擊撻。博戲爲樂。父嘗責

嘗以此薦傘圓山。見王乘白馬於雲端唾之而去。駢嘆曰。南方靈氣。未可測量。旺氣烏可絕也。其威靈顯應如此。俗傳王與水精同娶雄王之女曰媚娘。王備聘禮先至。雄王嫁之。王迎歸傘圓山。水精後至乃含怨。率水族擊王以奪之。王乃以鐵網橫截慈廉江以遏之。水精別開一小江。自蒼仁江出喝江入陀江。以擊傘圓之後。又岐開小昔江以向傘圓之前。所至甘蔗東樓石鷄麼舍浴江之間。陷沒爲灣。以通水族之衆。常起風雨晦冥。引水以攻王。山下人民皆編竹爲疎籬以遮護之。擊鼓相春。呼噪以救。每見枚蓬流著疎籬之外。輒射中死盡。成蛟龍魚鼈之狀。流塞江間。水族之衆。遇敗而還。然心未嘗冷。近來八九月間。嘗多水溢。禾稼被害。山下之民偏被其害。至今猶然。世人皆云。山精水精並娶婦焉。

龍眼如月二神傳

黎大行皇帝天福元年辛巳。宋太尊命將軍侯仁寶孫全興等將兵南侵。至大灘江。大行與將軍范巨僕軍于屠虜江以拒之。對壘相守。大行夢見二神人。拜於江上曰。臣兄弟名張吼張喝。先事趙越王。常從征伐逆賊以有天下。至後李南帝篡位。聞臣兄弟之名而召之。臣等義不可往。飲鴆而死。上帝憫其有功。嘉其忠義一節。

人斫之。斧斤盡缺。投之淵中。石放出火光。刻餘始沉。匠人皆死。咸使廢娘來拜禮。借漁人入水取之。迎入佛殿。帖之以金而奉事之。閻梨始置佛相曰法雲、法雨、法雷、法電。四方老少男女常聚此寺。逐戲歌舞。世呼爲浴佛會。至今猶存焉。

傘圓山傳

傘圓在南越京城之西。其山屹立。圓如傘形。故名焉。初貉龍娶姬生一胞百卵。龍君將五十男歸海。五十男從母歸山。分治天下。號曰雄王。而傘圓山大王。分歸五十男之一焉。王自海國由神扶海口而歸。尋高爽清幽之地。民俗淳厚而居之。遂溯大江以至龍編城龍肚之地。將欲留居。有不滿意。後溯瀘江而上。至福祿江畔。番濱。望傘圓秀麗。三山羅立。儼然如畫。山下之人俗尚素朴。王於是開一條路。其直如絃。自番濱而至傘圓之陽。行至淵洞。又行至岩泉別源之處。又行至石畔。上雲夢山頭。以居之。或時遊浙江以觀魚。或經過村路。皆作殿宇以爲憩息之所。後人因其迹乃立祠以奉祀之。旱時禱。潦時祈。禦火災。捍大患。捷於影響。極爲靈應。又晴明之日。如有幡幢之狀。縹渺山谷間。附近之民。咸曰山神出現。唐高駢在安南欲厭名勝靈迹。剖十七人皆未嫁之女。去腸。以芷草充其腹。

蠻娘傳

漢獻帝築城於平江南邊。德江城之南有佛寺名福巖寺。有僧自西來。號伽羅闍黎住持此寺。能立獨脚之法。男女老少信慕。敬奉尊號爲尊師。人人皆求學佛道。辰有一女名蠻娘。父母俱亡。家中貧苦。亦篤求學道。然訥其言。不能與衆誦經。常居厨灶擣米采菜。躬親炊爨。以供養一寺之僧。及四方學者。五月間。夜刻短促。蠻娘供給已熟。僧徒誦經未已。未暇食粥。蠻娘坐待假寐于山門。不意忘機熟睡。迨僧徒誦罷各歸本房。蠻娘當門獨臥。僧闍黎步過其身。蠻娘欣然心動。胞裏受胎。三四月間。蠻娘有慚色而歸。僧闍黎亦羞而去。至三岐路江頭寺居之。蠻娘滿月生獲一女。尋僧而交之。夜間、闍黎就江頭三岐路榕樹下付與。曰。寄此佛子。與汝藏之。後成佛道。闍梨蠻娘相辭而去。與之一杖曰。我以此賜汝。還見歲辰久旱。當以杖掉地。出水。以救生民。蠻娘遂受而還。復居本寺。每遇歲旱。以杖掉地。自然水泉湧出。民多賴之。時蠻娘已八十餘。不期榕樹摧倒。流至寺前江濱。盤迴不去。人競斫爲柴。斧斤一皆缺破。乃相率鄉里三百人曳之。亦不能動。會蠻娘下濱洗手。戲而擰之。樹即轉動流回。人皆驚異。即使蠻娘曳之上岸。令匠人造爲佛像四相。逮斫樹中所藏女處。則化成一石甚堅。匠

敢再戰。遣使請和。王喜。割小江以北佗治之。以王南治之。江。今月德未幾。佗遣子入

(四十一)

宿衛。求婚王女媚珠。王不意佗父子奸計。仲始誘媚珠竊取神機弩。潛作別機換取龜爪。詐媚珠以歸北省親。因曰。夫婦之情。不忍相忘。父子之恩不可偏廢。吾今歸省。萬一兩國失和。南北隔別。我來尋汝。將用何物表識。媚珠曰。妾爲兒女遇此睽離。情難勝矣。妾有鵝毛錦褥。常附於身。到那辰拔毛置諸歧路。以示所在。庶得相救。仲始辭謝。挾弩而歸。以告佗。佗得之甚喜。發兵攻王。王不設備。圍棋自若。笑曰。佗不畏吾神機耶。及佗進逼。王舉弩射之。神機已失。衆遂奔潰。王坐媚珠於馬上。南奔至海濱。窮途無舟可渡。王大呼曰。天喪予乎。江使何在。速來救我。金龜湧出水上。叱曰。乘馬在後者賊也。當殺之。吾方救汝。王乃拔劍斬媚珠。媚珠仰天祝曰。妾爲女子有叛逆之心。謀害其父。則死成微塵。若忠信一節。爲人所欺。則化珠玉以雪讐羞。媚珠死於海濱。血流水上。蚌蛤吸入心。化成明珠。王持七寸文犀。金龜開水引王入海。世傳演州高舍社暮夜山。是其處也。佗軍到此。它無所見。惟有媚珠死屍。仲始抱其屍。將歸塋螺城。化爲玉石。仲始痛惜不已。還粧浴處。想見媚珠形體。遂自投井底而死。後來有得東海明珠。以此井水洗之。色愈光明。因避媚珠名。故呼明珠爲大玖。

小玖云。

金龜于門楣上。悟空曰。此館有妖精。常夜殺人。郎君不可宿。且今未暮。宜速行他處。莫致取禍。王笑曰。生死在命。鬼魅何爲。吾不畏也。遂留宿。夜間有鬼精從外來呼曰。何人在此。不速開門。金龜叱曰。戶閉汝何爲。鬼精放火。散作萬狀鬼異。多方以驚怖人。終不得入。至鷄鳴辰。衆鬼走散。金龜令王追至七耀山。鬼精收還殆盡。王乃還館。明旦館主。將人同來。行收埋塋。泊宿人身屍。見王在坐。談笑自如。館主趨拜曰。郎君安得如此。是卽聖人也。乞求靈術以救生靈。王曰。殺爾白鷄而祭。鬼精盡散。悟空殺之。殺白鷄而女子倒自然倒死。王卽命人掘七耀山。得古樂器。及其骸骨。燒搗成灰。投諸江流。時日將晚。升與金龜登越裳山。見鬼精已化爲鵠鵠。唧書升于旃壇上。金龜遂變爲鼠隨其後。唧鵠足。書墜于下。王卽收之。其書蠹食過半。自是鬼精盡散。無復作妖。築城半月而就。其城延廣千丈。盤環如螺形。又曰思龍城。唐人呼爲殺鬼崕崙。謂其城最高大也。金龜與居三年。辭歸。王曰。荷君之恩。其城已固。如有外侮。何以禦之。金龜曰。國祚修短。社稷安危。天之運。然人能修德。可以延之。王有所願。何所愛惜。乃脫其爪授王曰。倘賊來。用此作弩機。向賊前則無憂也。言訖。遂歸東海。王遂命其臣舉魯作弩。以爪爲機。號靈光金爪神弩。是後趙佗來侵。與王交戰。王以神弩射之。佗軍敗走。屯于鄒山。與王對壘。佗知王有弩。

偉因以大富。後麻姑仙迎偉夫妻去。不知所之。今井已荒成汚穴。猶在鄒山。俗稱爲越井崗云。

金龜傳

(二十一)

歐貉國。安陽王。巴蜀人也。姓蜀名泮。因先祖求雄王之女媚娘爲婚不得。而啞怨。泮欲成先志。舉兵攻雄王滅文郎國。改號歐貉而居之。築城於越裳之地。隨築隨崩。王乃立壇齋戒祈禱。三月初七日。忽見一老人從西而來。直到城門。嘆曰。建立此城。何辰而就。王迎入殿上。拜而泣曰。我築此城。既就復崩。耗損功力。而不能成何也。老人曰。他日有清江使者與王同築乃成。言訖。辭去。翌日王立東門望之。見金龜從東而來。立於水面。能作言語。自稱清江使者。明知天地陰陽鬼神之理。王喜曰。此老人所以告我者。遂命以金輿昇之。入城中延坐殿上。問以築城不就之故。金龜曰。此山川精氣。前王子輔之爲國報讐。又有千載白鷄。化爲妖精。隱在七耀山。山上有鬼。乃前代樂工埋藏於此。化爲鬼。傍有一館。以宿行人來住。館主名悟空。有一女并有白鷄一隻。鬼神之餘氣。凡人往來至此泊宿。鬼精化爲千形萬狀。而殺死者甚衆。今當取白鷄并館主之女殺之。其精自滅。彼必化爲妖書。令鷗鴟啣之。飛上旃檀之樹。奏于上帝。乞壞其城。臣喫墜其書。王速收之。則城可就。金龜乃使王托爲行路人。宿寓館中。王置

小技。蛇卽仰首與偉炙。忽見野燒一片火。飛入穴中。偉取炙之。癢卽消愈。蛇乃彎身向偉前。意欲令偉乘之。偉乘其背。出穴中。約一更至岸上。寂無人行。蛇搖尾復入穴中。偉獨行迷道。忽見城門上有高樓。赤瓦玲瓏。燈光炤耀。門掛赤扁金字。題殷王城。偉坐門傍。頃刻無人往來。偉卽步入門庭。見庭邊有池。其中有五色蓮花。池上有槐柳數行。街砌平坦。玉殿珠宮。廊宇宏敞。殿上設雙金床。鋪銀花席。上有琴瑟置焉。偉徐徐來前。試把琴瑟。鼓之良久。金童玉女。數百餘人。侍衛殷王后開口而出。偉大驚。走下殿庭。伏拜。后笑曰。崔官人自何來。令人接引上殿。謂曰。我殷王祠。積年荒廢。賴先君御史重修之力。世人效之奉事無窮。王已命麻姑尋來報德。不遇御史。只遇公子。未有以報。今親得見其面。然上帝勅王朝天矣。公子姑待在此。因留偉飲食醉飽。忽一人長髯大腹。奉表跪奏曰。正月三日。北人任囂。被猖狂神打死。奏悉。后謂曰。羊官人再引崔偉歸世。偉謝而歸。羊官使偉閉目。坐扇上。一刻餘已到山上。羊官人化作石羊。立於山上。今猶在鄒山趙越王祠。後偉歸到應玄家。具道其事。至八月初一日。偉又與玄出遊。見麻姑仙携一女賜偉。使歸爲夫婦。併賜以龍燧寶珠。是珠也。自開闢之初。已有雌雄一雙。由黃帝歷殷傳爲世寶。鄒山之戰。殷王佩之而死。埋藏地中。珠之光彩常冲天。秦時兵火。珍玩俱焚。望氣者皆知龍燧寶珠。尚在南方。遠來求索。至是殷王以珠報偉。北方以金銀彩幣價值百萬買之。

亮之功。使麻姑仙於境上尋之。時亮已死。惟子崔偉尚在。正月上元節。方民遊于祠。或獻玻瓈瓶一雙。麻姑手持玩看。忽墜地破缺。衆人捉取追償。麻姑衣敝衣。人不知其爲仙。遂尋篋楚。崔偉見而憐之。解衣代償。麻姑得免。因問其所居。崔偉具道其父之名。麻姑知其爲崔亮之子。喜謂曰。吾今無所報也。他辰必有以報之。遂授艾葉一束。曰。當謹守此物。而不離於身。若有肉癰疾。灸之則消。必得大富貴。偉受之。亦不知其爲仙藥也。一日就親友道士應玄家。玄有肉癰在首。偉曰。我得艾束。能治此疾。請爲君除之。偉乃以艾灸。其癰自消。玄曰是仙藥也。無物足報。願以別恩報之。我有親戚人。亦有此疾。嘗言誰能療治。則罄家財與之。亦不吝。請君治之。因以爲報。玄引偉至任囂家。偉炙之。其癰卽愈。囂甚喜。養偉爲子。開學堂以教之。偉性聰明。好鼓琴。見囂女芳容而悅之。因而私通。情意眷戀。囂子任夫知之。欲置于死。及歲終。祀猖狂神未得其人。今日不可外行。且入廳以避之。庶無後悔。偉不知其意。任夫鎖其門。使不得出。芳容知之。潛以刀與偉。令鑿壁而出。令夜間潛行。欲赴就應玄家。奔行山上。忽墜穴中。見四顧皆石壁。無階可升。其上有一石碑。出石乳。流于石盤。有一白蛇長百丈。黃嘴赤口。赤鬚白鱗。額上有金字。曰王子蛇。出食石乳。見石盤空盡。舉首見偉。欲吞之。偉甚恐。跪拜曰。臣避難誤墜。無以充腹。盜食王物。誠爲有罪。王領肉癰。臣請以艾炙之。願寬其罪。以盡

(九十)

司馬門外。腹中容數十人。每四方使至庭。使人潛搖動。匈奴以爲生校尉。不敢近。至唐趙昌爲文州都護。夜夢與李身講春秋左氏傳。固訪其故宅。立祠祀之。造高駢平南詔。嘗顯靈應。高駢重修廟宇。刻木立像。號李校尉祠。今在慈廉縣。市現社。今瑞香社去京城之西五十里。每年致祭焉。

越井傳

越井在武寧郡之鄒山。雄王三世。殷王舉兵南侵。駐軍於鄒山之下。雄王求助於龍君。龍君謂徧求天下奇才。賊可平矣。至期求得董天王鐵馬以擊之。殷將士皆奔潰。殷王敗死山下。爲地府君。民爲之立祠。四辰奉祀之。歲久浸衰。成荒廢祠。本國人崔亮仕秦爲御史大夫。嘗經過其地。憫其頽壞。遂重修廟宇。因題詩云。

古人傳道是殷王。

巡狩當年到地方。

山秀水流空見廟。

精升迹在尚聞香。

一朝勝敗無殷德。

萬古威靈鎮越裳。

百姓從斯皆奉祀。

默扶國祚永無疆。

後至任囂趙佗將兵南侵。復駐此山。重修廟貌。厚加奉祀。殷王感其德。欲報崔

熱。食檳榔以除污穢。以成黑齒。周公曰。何爲而來。使者應曰。天無烈風淫雨。海不揚波。于今三年矣。意者中國有聖人乎。盍往求之。周公嘆曰。政令不施。君子不臣其人。德澤不加。君子不饗其質。及記黃帝方所誓曰。交趾方外。無得侵犯。賞以重物。教界放回。使者亡其歸路。周公命賜以駢車。使指南而歸。後孔子作春秋。以文郎國爲要荒之地。文物未備。故置之而不載焉。

嶺南摭怪卷之一終

嶺南摭怪列傳卷之二

李翁仲傳

雄王季世。交趾慈廉縣人。姓李。名身。生而長大。高二丈三尺。驍悍殺人。罪應至死。雄王惜不忍殺。至安陽王時。秦始皇欲加兵於我國。安陽王乃以李身貢獻之。始皇得之甚喜。用爲司隸校尉。及始皇併天下。使將兵守臨洮。匈奴不敢近塞。封爲萬信侯。乃命歸國。後匈奴犯塞。始皇思李身。遣使來徵。身不肯行。竄在林澤。秦皇責之。安陽尋久不得。詐云已死。秦皇曰。何由而死。以瀉泄爲對。始皇遣使驗之。遂煮粥攬之池中。以爲實跡。始皇始命以屍。李身不得已。乃自刎而死。以水銀塗其屍。送納。秦始皇嘆息。鑄銅爲像。號爲李翁仲。置咸陽。

是前身之物。今姑置之海外。無人之地。尚有前身之物否。乃放放僵于峨山海外。沙洲四邊。無人迹通焉。留之糧食。饑足四五月。使食盡而死。其妻怨。慟曰。我死於此。無復生矣。遲曰。天既生矣。天能養之。吾何憂哉。居無何。辰當四月。忽見一白鶴。飛從西而來。集于丘隅。鳴三四聲。瓜實六七子。落于沙上。萌芽發生。蔓延茂盛。結成瓜實。綿綿繁多。安遲喜曰。此非怪物。乃天之所。以養我也。剖而食之。其味馨清。而甜蜜。清爽精神。多年栽之。不可勝食。又。以易穀禾。給養妻子。然而不知名。因鳥舍西來。故名西瓜。漁釣商買之客。共。悅其味。各以所有。並來貿易。遠近林港之民。爭買其核。效栽植。散及四方。辰民間皆推安遲爲西瓜父母。日後王思及。使人就安遲所居。問其存否。其人來。告王。王嗟嘆良久曰。彼謂前身之物。誠不誣矣。王乃召還。復其官職。賜以婢。妾。名其所居曰。安遲沙洲。其村曰枚安。至今猶以西瓜尊奉祖考而祀之。蓋自安。遲始也。::

白雉傳

周成王辰。雄王命其臣稱越裳。獻白雉于周。言語不通。周公使人重譯。然後相。通。周公問曰。交趾斷髮文身露頭跣足何由若此。使者應曰。短髮以便入林。文。身爲龍府之形。游泳於水。蛟龍不敢犯。足跣以便緣木。刀耕火耨。露頭以祛炎。

若以糯米作餅。或粘爲圓以象天。或裹葉爲方以象地。中藏美味。以則天地包涵萬物之狀。寓萬物發育之恩。如此則親心可悅。尊位可得。郎燎驚覺。喜曰。此神明助我也。當遵而行之。乃擇糯米之精。圓完無所缺者。浙之潔淨。以青葉爲表。爲方形。置美味於其中。煮而熟之。號曰蒸餅。又以糯米炊之。搗而爛之。搏作圓形以象天。號曰薄持餅。至期。王會諸子。具陳物餅。諸子所獻無物不有。惟郎燎獨作方餅圓餅以獻。王異之。問諸郎燎。郎燎具對。如神人所告。王親嘗之。百味皆有一適口不厭。諸子所陳莫能加之。王贊嘆良久。以郎燎爲第一。歲終。王以是餅薦于先廟。及供奉父母。天下效之。傳至于今。以其名郎燎。故呼爲節料王。乃傳位于郎燎。兄弟二十二人。乃守藩鎮。立爲部黨。據守山泉。以爲險固。其後互相爭長。各立木柵以遮蔽之。故曰柵。曰寨。曰庄。曰坊。自此始也。

西瓜傳

昔雄王之世。有名枚安暹。外國人也。年甫七歲。商舶載來。王買以爲奴。及長面貌端正。記識事務。王賜名偃字安暹。賜之一妾。生得男子。寵用以事。漸成富貴。人咸畏服。苞苴種行。無物不有。遂生驕慢之心。常自言曰。都是我前身之物。不曾顧有主恩。王聞之。大怒曰。爲人臣子。不知主恩。自生驕慢。謂都

拔劍厲聲曰。我是天將也。遂戴笠騎馬馳驟如飛。揮劍而前。官軍隨後。進逼城
壘。陣于鄒山之下。殷軍大潰。倒戈而走。殷王死于鄒山。其餘黨羅拜曰天將。
皆來降服。行至越朔山。乃脫衣服。騎馬升天。獨留石跡于山下焉。王思其功勞。
無以爲報。乃尊爲扶董天王。立祠于本鄉之園宅。賜田一百頃。春秋享祀之。
殷世歷二十七王。六百四十四年。不敢加兵。四夷聞之。亦來臣服。歸附於王。
後來李太祖封爲冲天神王。立廟在扶董社。
今在遼縣建福寺側。塑像在術靈山。

春秋致祭焉。

詩云。

術靈春樹白雲閑。

萬紫千紅艷世間。

鐵馬在天名在史。

威靈凜凜滿江山。

蒸餅傳

雄王既破殷軍之後。國內無事。思欲傳位于其子。乃會諸郎公子二十二人。謂之
曰。我欲傳位。有能如我願。欲期以珍甘美味。歲終薦于先王。以盡孝道。方可
傳位。於是諸子多搜珍奇之味。多方漁獵市鬻。先務要求多味。不可勝數。獨第
九子郎燎母氏寒微。先已病故。左右寡少。難以應辦。晝夜寤寐。寢食不安。忽
夢神人告曰。天地之物。以米爲貴。所以養民者也。人食不能厭。他物莫能先。

餘。方面大腹。鬚眉皓白，坐於歧路。談笑歌舞。見者意非常人。遂奏於王。王親行拜之。迎入壇內。老人不飲食。不言語。王來前問曰。今殷兵將來攻。勝負如何。若有見聞。卽具告戒。老人良久索籌肅卜。謂王曰。三年之後。賊來侵之。王又問計。老人答曰。若賊來時。嚴整器械。精練士卒。爲國威勢。且徧求天下能破逆賊。則分封爵邑。得其人則賊可平矣。言訖騰空而去。始知其爲龍君。比及三年。邊軍告急。有殷軍來。王如老人語。使人徧求天下。行至武寧郡扶黃鄉。鄉中富家翁。年六十餘。生男三歲不能言。仰卧不能起坐。其母聞使者至。戲之曰。生得此男。徒能飲食。而不能擊賊。以蒙朝廷之賞。報哺乳之恩。兒聞母言。勃然言曰。母呼使者來。試問何事。母大驚喜。告其鄉鄰。謂其子已能言。鄰人亦驚異。迎告使者。使者問之曰。爾小兒方能言。何爲呼我來。小兒乃起坐。謂使者曰。速歸告王。鑄鐵馬高十八丈。鐵劒長七尺。鐵笠一頂。兒騎戴以戰。賊自驚破。王何憂焉。使者馳告王。王喜曰。吾無憂矣。羣臣皆曰。一人擊賊。如何可破。王曰。此龍君救我。如前老人所言。不爲虛說。諸公勿疑。乃命搜鐵五十斤。煉成鐵馬劍笠。使者再至。母見而大驚。恐禍及己。憂懼告兒。兒大笑曰。母但具飯多與兒喫。擊賊之事。母勿憂也。兒身驟大。衣食日費。母供不足。鄰爲煮爨牛酒餅菓之需。兒嘆不能充腹。布帛綿縉之服。不能蔽形。至取葦蘆花織之。及殷軍至鄒山。兒始伸足而立。長十餘丈。仰鼻而嚏。連十餘聲。

。猶隔大江，日暮未及進至。至夜半。大風忽起。揚波拔木。官軍大亂。僥倖部黨城郭。一時拔去昇天。其地陷成大澤。明日民間望之不見。以爲靈異。遂立廟堂。辰辰致祭。名其澤曰一夜澤。其洲曰慢樹洲。或曰自然洲。其市曰河環市。後至李南帝辰。梁兵來侵我國。帝命趙光復爲將以禦之。光復率其卒藏居澤中。其澤深闊沮洳。難進止。光復乘獨木船。以便往來。賊不知其所在。常夜暗以獨木船突出擊之。奪取糧食。持久以老師。三四年間。鋒不能交。霸先嘆曰。古謂一夜升天澤。今乃爲一夜盜刦澤。會侯景作亂。梁王召霸先北還。委裨將楊孱統其衆。光復齋戒設壇於澤中。焚香致禱。忽見神人騎龍降於澤中。謂光復曰。我升上天。靈異尚在。汝能誠禱。故來救助。以平亂賊。遂脫龍爪以授光復。曰。以此插兜鍪上。所向成功。言訖陞天。光復如其言。奮身突戰。梁兵大潰。斬其將楊孱于陣前。梁兵退走。聞南帝殂。遂自立爲趙王。都于武寧郡都鄒山。

董天王傳

雄王三世。天下熙洽。民物富庶。殷王以其缺朝覲之禮。將托巡狩而侵之。雄王聞之。乃召羣臣問攻守之策。有方士進言曰。莫若求龍王以陰相。王從之。遂築壇齋戒。置金銀幣帛。於壇上焚香致祭三日。天大雷雨。忽見一老人。高六尺。

使之然也。汝當亟起沐浴。賜之衣裳。遂同下船。飲食燕樂。舟中之人。皆以嘉會。古今所無也。童子具道其所以。僂容嗟嘆。命爲夫婦。童子固辭。僂容曰。自天作合。何辭焉。從者馳奏。雄王怒曰。仙容不惜名節。不愛吾財。巡遊道路。下嫁貧人。何面目見我。自今付汝不得回國。仙容聞之懼。不敢歸。遂與童子開市肆。立舖舍。與民間相貿易。漸成大市。今河外國商人往來販買。故事僂容童子爲主。有大商至告僂容曰。貴人出黃金一鑑。今年與商人出海外買貴物。明年得息鑑。僂容謂童子曰。我夫妻是天所使。衣服是天所與。今當取黃金一鑑。與商人共出海外販買。將回以爲生活。童子遂與商人同出。海外有山名瓊圓山。山上有小庵。商人泊船吸水。童子遊其庵。有小僧名佛光。傳法於童子。童子遂留聽法。付金與商買物。迨回復至此庵。載童子歸。僧人乃贈童子一杖一笠。且曰。靈通已在此矣。童子回具以佛道告僂容。已而覺悟。遂棄市肆商業。相與遊方。尋師學道。比日已暮。未及到家。遂住途中。立杖覆笠以自蔽。迨夜三更。現出城郭。珠樓寶殿。臺閣廊廟。府庫廟社。金銀珠玉。席床帷幕。仙童玉女。將士侍衛。羅列滿前。明日見者驚異。各持花香玉食之物進獻稱臣。文武百官。分軍宿衛。別成一國。雄王聞之。以爲女子稱亂。發兵擊之。官軍將至。羣臣請僂容曰。非我所爲。是天所使。生死在天。何敢拒父。順受其正。俟其誅戮。辰新集之衆驚潰走散。惟舊衆在。與仙容處。及官軍至。駐營於自然洲。

見祠前繁密。藤葉彌蔓。王登石審視。問之乃知其事。嗟嘆良久。卽令近臣取樹菓。并採藤葉。王親咬之。唾於石上。見其色鮮紅。覺爲佳味。乃取而歸。始命以火燒石爲灰。與樹菓藤葉。合一而食。甘肥芳辛。唇頰生紅。乃傳頌天下。凡嫁娶會同大小禮。皆以此物爲先。卽今檳榔芙蓉石灰是也。此南國檳榔所由始也焉。

一夜澤

(一十)

雄王傳至三世孫王生一女名儂容媚娘。年十八。容貌麗秀。不願嫁夫。好遊戲行於天下。王嬖而許焉。每年二三月間。裝載船艘。浮遊海外。樂而忘返。辰褚舍鄉有人名曰褚微雲。生子名童子。父子二人。性本慈善。家貧遇火災。財物散盡。存一布袴。父子出入。互相衣之。及父老病。謂其子曰。吾死則裸而葬。留袴與子。庶免愧恥。父卒。子不忍。乃以袴殮葬之。童子身體裸露。凍餒無聊。去就江渚。持竿釣魚。望見商賈之船。則立水中行乞。不意儂容船猝至。聞其鐘鼓管籥之聲。見其儀狀羽旄之盛。童子驚怖。無所逃避。浮沙中有蘆葦一叢。疎曠三四株。乃隱避其中。掘沙成穴以藏身。復以沙覆其上。頃刻之間。儂容忽行船至此。遊沙渚上。遂命以慢圍蘆叢。爲沐浴之處。儂容入慢中。解衣沃水。沙散露出童子身。良久乃知其男子。儂容曰。我不樂嫁夫。今遇此人。露居沙穴。是天

二三度。進退顛倒。或爲尚碎。以竹織籠形如魚笱。長三尺餘。圍圓四尺。尚碎投身於其中。自立不倒。或爲尚釣。拍手踴躍。呼喝咆哮。擗手擗足。撫膺撫脾。進退高下。或爲落馬人。騎馬奔走。垂身取物於地面而不落。或爲尚險。尚竿人自仰臥。以足承長竿。令小兒緣之。或爲唱兒。會打鉦鼓。歌舞吟唱。噪亂喧譁。宰殺生物。以祭之。神精來食。見而觀之。法師持秘呪。揮劍斬之。猖狂神及部衆等類盡死。自是免歲禱荐人之患。民多全活焉。

檳榔傳

上古辰有一光郎。狀貌高大。國王賜姓高。因以高爲姓。生得二男。長曰檳。次曰榔。師事道士姓劉。劉家有一女年亦十七八歲。欲爲匹偶。不知其爲兄爲弟。乃以粥一盞箸一雙。與二人食。以觀其兄弟。見弟讓其兄。乃識之。以實告父母。嫁與兄爲夫婦。情愛日密。後待弟不如初。弟自生羞憤。以爲兄愛妻而忘弟。辭兄而去。行至村野間。忽遇泉澤。無船可渡。獨坐慟而死。化成一樹。及兄失弟。棄妻而尋。見弟已死。遂投身死於樹邊。成一石塊。蟠結樹根。妻怪其夫久不見還。乃追尋之。及到處見夫已死。遂投身抱石而死。化爲一藤。纏繞石上。葉味芳辛。劉氏父母追尋慟哭。乃立祠於其地祀之。時人經過此處。皆焚香致拜。稱爲兄弟友順。夫婦節義。七八月間。暑氣未退。雄王巡行。常駐蹕避暑於此。

木精傳

(九)

峯州之地。上古有一大樹。名曰旃檀。高千仞餘。枝葉蔽芾。不知幾千里。有鵠巢於上。故名其地曰白鶴。其樹經久不知幾千年。及枯朽化爲妖精。變現勇猛。能傷殺人。涇陽王以神術勝之。妖精稍屈。然今日在此。明日在彼。變化不測。常食生人。民乃立祠而禱之。每歲十二月三十日。用一生人爲祀。其精始安。民頗得寧。相傳呼爲猖狂神。西南地界近獮猴國。國人命妃露蠻。今演州府。奪取山原。療子納之。以禱。歲以爲常。及秦始皇。命任囂爲龍川令。囂因革其弊。禁以生祀。神怒。陰殺之。是後事之尤謹。至丁先皇有法師愈文牟乃北人。操行修潔。年四十餘。環遊諸國。能通諸言語。習得金牙銅齒。到我國年已八十。先皇以師事之。始教以技術娛猖狂神。而殺之。其法有曰。尚騎尚竿。尚韃尚碎尚鉤。尚險。或爲落馬人。或爲唱兒。每年十一月造飛樓高十二丈。以木樹其中。以麻爲大索。長一百三十六丈三尺。以藤削纖織其外。索垂兩頭埋縛於地。索中加於樹上。尚騎騰踏其上。疾行二三度。往來不墜。頭帶黑巾。身著黑裙。尚竿索長一百五十丈。有三歧。兩人各持旗竿。登行於索上。相遇三歧處。相避。升降不墜。或爲尚韃。以大木方濶一尺三寸厚七分。置於樹上。高十七尺。尚韃於其上。飛騰

魚精化爲白鷄。鳴於山上。羣仙聞之。疑其已曙。皆自飛升。今呼爲佛淘涇。龍君憫民被害。乃作大船。令水夜又禁海神不作風濤。擣棹至魚精巖口。佯持一人。自報與食。魚精開口欲啖。乃以鐵塊通紅炎熱。投之口中。魚精踴躍跳打其船。龍君斷其尾。剝皮插於山上。今呼曰白龍尾。其首流出海外。化走狗去。龍君以石塞海斬之。遂化爲狗頭。今呼曰狗頭。其身流入曼求。今呼爲狗曼求是也。

狐 精 傳

(八)

昇龍城昔號龍編地。上古無人居焉。至李太祖泛舟弭河津。有雙龍引船。因名昇龍而都之。卽今之京城也。初其地之西。有一石山。山下之穴。有狐九尾。壽千餘年。能化妖怪。變化萬狀。爲人爲鬼。徧行人間。時傘圓山下蠻人。架木結草爲居。山上有神。蠻人奉之。神教蠻人以耕織。造白衣衣之。因呼曰白衣蠻。九尾狐化白衣人。入蠻衆中。與蠻歌唱。誘取蠻男女藏於石穴。蠻人苦之。龍君遂遣水府之部。引水破小石山。掘成大潭。其中深灣。呼爲戶狐澤。湖。今西觀。千年。立寺。遂立寺觀以鎮壓之。潭邊西岸。原野平夷。耕作田池。呼爲魯狐洞。高墺之處。民皆居之。俗呼爲狐村。其穴今猶呼爲魯狐潭焉。

曰蒲正。臣僕奴隸曰奴婢。稱臣曰瑰。世世以父傳子曰父道。世相傳皆號雄王而不易。辰山麓之民。漁于水。爲蛟龍所傷。白於王。王曰。山龍類。與水族殊。彼好同惡異。故爲侵害。乃令以墨刺爲水怪之狀。自是蛟龍無咬傷之患。百越文身之俗。實始於此。國初衣食未足。以木皮爲衣。織菅草爲席。以米淳爲酒。以桄榔棲桐爲餅。以禽獸魚蝦爲鹹。以薑根爲鹽。刀耕水耨。地多糯米。以竹筒飯之。架木爲屋。以避虎狼之患。剪短其髮。以便山林之入。子之生也。以蕉葉臥之。人之死也。相春令鄰聞之。得來相救。男女嫁娶。先以鹽爲問。然後殺牛羊以成禮。以糯米飯入房中相食悉。然後相通。以此辰猶未有檳榔故也。蓋百男乃七百粵之始祖也。

魚精傳

東海之間有魚精焉。長五十餘丈。多足似蜈蚣形。變化無端。靈異莫測。其行則動風雨。能噉食人。人皆甚畏之。上古辰有魚貌似人。嘗遊於東海岸。化成人形。通言語。漸漸生長。男女之人。多以魚蝦蛤螺爲食。又以蠻人生居海島。以捕人爲業。後亦成人焉。與男人交易鹽米衣裳刀斧之物。嘗往來於東海間。有魚精巖。口齒齶。橫截海濱。下有巨穴。魚精居之。民船過者多被其害。風濤險要。無路可通。欲開別途。沙石難鑿。會夜有僊人。鑿石爲港。欲利人行。其港相通。

。達于行在。嫗姪見之。心亦悅從。龍君迎歸龍莊巖。及帝來還。不見嫗姪。命羣臣徧尋天下。龍君有神術。變現百端。妖精鬼魅。龍蛇虎象。尋者畏懼不敢搜索。帝來北還。傳于帝榆。因與黃帝戰于板泉。不克而死。神農氏遂亡。龍君與嫗姪相處。期年而生一胞。以爲不祥棄諸原野。過七日。胞中開出百卵。一卵一男。歸而養之。不受乳哺。各自長大。智勇俱全。人皆畏服。謂曰。非常之兄弟。龍君久居水府。母子獨居。思歸北國。行至境上。黃帝聞之懼。分兵禦塞。母子不得北歸。日夜呼龍王曰。逋在何方。使吾母子悲傷。龍君忽然而來。遇於襄野。嫗姪曰。妾本北人。與君相處。生得百男。無由鞠養。請與相從。勿相遐棄。使爲無夫無婦之人。徒自儻耳。龍君曰。我是龍類。水族之長。爾是仙班。地上之人。本不相屬。雖陰陽之氣合而有子。然方圓不同。水火相尅。難以久居。今爲分別。吾將五十男歸水府。分治各處。五十男從汝居地上。分國而治。登山入水。有事相聞。無得相廢。百男各自聽受。然後辭去。嫗姪與五十男居于峯州。
今白鶴縣。自推尊其雄長爲王。號曰雄王。國號文郎國。其國東夾南海。西抵巴蜀。北至洞庭湖。南至孤孫精國。
今占國。分國中爲十五部。曰。交趾。朱鷺。寧山。福祿。越裳。寧海。陽泉。桂陽。武寧。懷驩。九真。日南。桂林。象郡。命其弟分治之。置其次爲相將。相曰貉侯。將曰貉將。王子曰官郎。女曰媚娘。有司

卷一

鴻龐傳

(五)

炎帝神農氏三世孫帝明。生帝宜。既而南巡于五嶺。接得婺仙之女而悅之。納而歸。生祿續。容貌端正。聰明宿成。帝明奇之。使嗣帝位。祿續固讓於兄。明帝立帝宜爲嗣。以治北方。封祿續爲涇陽王。以治南方。號其國爲赤鬼國。涇陽能入水府。娶洞庭君女。曰龍女。生崇攬。是貉龍君。代父以治國。涇陽不知所終。貉龍君教民衣食。始有君臣尊卑之序。父子夫婦之倫。或時歸水府。而百姓宴然。民或有事。則呼貉龍君。逋胡不來。以救我輩。南人呼父曰逋。呼君曰希。始此。龍君卽來。其威靈感應。人莫能測。帝宜傳帝來以治北方。天下無事。因念及祖帝明南巡狩。接得儂女之事。乃命蚩尤作守國事。而南巡赤鬼國。見龍君已歸水府。國內無君。乃留愛妻嫗姬與部衆侍妾。居于行在。而周流行天下。遍觀形勢。見其奇花異草。珍禽異獸。犀象玳瑁。金銀珠玉。胡椒乳香沉檀等物。山殼海錯。無物不有。又四時氣候不寒不熱。心愛慕之。亡還。南國人民苦於煩擾。不得安帖如初。日夜望龍君之歸。乃相率呼曰。逋在何方。當速來救。貉龍君倏然而來。見嫗姬獨居。容貌絕異。龍君悅之。乃化作一好兒郎。丰姿美麗。左右侍從。衆多歌吹之聲。

卷參

士王僕傳

朔天王傳

乾海門三位夫人傳

龍渡王氣傳

盟主銅鼓傳

應天后育后土神傳

龍爪却虜傳

布蓋大王傳

貞靈二徵傳

媚鹽貞烈傳

洪聖大神王傳

明應安所神祠傳

大灘都虜石神傳冲天昭應神傳

開天鎮國傳

威靈白鶴神傳 神珠龍王傳

阮明空神異傳

尼師德行傳 范子虛傳

(四)

目錄終

嶺南摭怪目錄

凡四十二傳

卷壹

鴻龐傳 魚精傳 狐精傳 木精傳
檳榔傳 一夜澤傳 董天王傳 蒸餅傳

西爪傳 白雉傳

卷貳

李翁仲傳 越井傳 金龜傳 瘫娘傳

傘圓傳 龍眼如月二神傳

徐道行明空傳

南詔傳 蘇瀝江傳 空路覺海傳

何烏雷傳

夜叉王傳

二徵忠義。死爲土神。旌而表之。誰云不可。傘圓英靈。能排水族。顯而異之。
孰曰不然。與夫南詔趙武之後。而國亡能爲復讎。蠻娘爲木佛之母。而歲旱能作
霖雨。蘇澑爲龍肚之神。猖狂爲旃檀之精。一則立祠以祭之。而民受其福。一則
用術以除之。而民免其禍。則事雖怪而不至於誕。文雖異而不至於妖。雖涉於荒
唐不經。而踪跡猶有可據。無非勸善懲惡。去偽就真。以激勵風俗也。其視晉人
搜神記。唐人地怪錄同一意也。嗚呼。嶺南奇重之多。列傳之作。不待刻之石。
編之梓。而著于人心。碑于人口。黃童白叟。率能通道而愛慕之。懲艾之。則其
事繫於綱常。關於風俗。豈小補云。洪德壬子春。愚始得是傳。披而閱之。不能
之于家。以備觀覽。若夫訂而正之。釐爲三卷。目曰嶺南摭怪列傳。藏
旨遠。後來好古君子。豈無其人。是爲序。

洪德二十三年仲秋節

賜戊戌科進士。京北道監察御史。洪州澤塢武瓊。宴溫。謹誌。

嶺南摭怪列傳序

武瓊校訂。

(一) 桂陽雖在嶺外。然山川之奇。土地之靈。人之豪傑。往往容或有之。自春秋戰國以來。去國未遠。南俗尚猶簡略。未有史冊以記其實。故古事率多遺亡。幸存而不泯者。特人間之口傳耳。迨西漢三國。東西晉。南北朝。暨唐宋元始有史傳。以紀其事。如嶺南誌。交廣志略。等書。歷歷可攷。然我越。乃古要荒之地。故記載又略之也。我越。有國始於雄王。而文明之漸。則濫觴於趙吳丁黎陳以迄于今。故國史之書。特加詳焉。則斯傳列傳之作。不知作於何代。成於何人。意其草創於李陳之鴻生碩儒。而潤色於今日好古博雅之君子矣。愚請究其始末。逐一陳之。而推明作者之意。如鴻龐氏傳。是詳言皇越開創之由。夜叉王傳。是各序占城前兆之漸。白雉有傳。誌越裳也。金龜有傳。記安陽也。南俗聘禮。所重莫檳榔若也。表而出之。則夫婦之義。兄弟之睦。於是乎彰矣。南陽夏時所貴莫西瓜若也。揭而言之。恃有己物。不顧主恩。於是乎著矣。蒸餅之傳。嘉孝養也。烏雷之行。戒淫行也。董天王之破殷賊。李翁仲之威匈奴。南國有人可知矣。褚童子之邂逅媚娘。崔偉之遭逢仙偶。爲善陰隲可見矣。道行空路等傳。示其能復父讎。而禪師之輩不可泯。魚精狐精等傳。示其能除妖怪。而龍王之德不可忘。

嶺南摭怪傳

武瓊
校訂

嶺南摭怪傳

校 武 瓊
訂

Kiểm duyệt số 2094/XB
U.B.K.D.T.U. Ngày 4-10-1961

開智書局

NHÀ SÁCH KHÁI TRÍ
10, Phố Lê Lợi, SAIGON